

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO



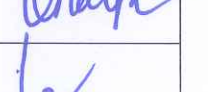
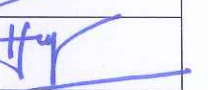
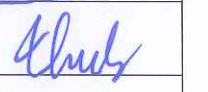
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tuyên Quang, tháng 3 - 2025

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHTT ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phạm Duy Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Vũ Thị Kiều Trang	Trưởng Khoa Sư phạm	Phó Chủ tịch	
4	Bùi Trung Minh	GV phòng QLCL & Thanh tra	Thư ký	
5	Trần Vũ Phương	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	Đoàn Thị Phương Lý	Chánh Văn phòng	Thành viên	
7	Khổng Chí Nguyễn	Trưởng phòng QLKH&HTQT, thành viên Hội đồng trường	Thành viên	
8	Trần Quang Huy	Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Thành viên	
9	Lê Thị Thu Hà	Trưởng phòng QLCL & Thanh tra	Thành viên	
10	Vũ Thị Khánh Trinh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Thành viên	
11	Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ	Thành viên	
12	Lê Anh Nhật	Phó Giám đốc Trung tâm Thực nghiệm & Chuyển giao công nghệ	Thành viên	
13	Lê Văn Hùng	Trưởng Bộ môn Tin học	Thành viên	
14	Vũ Thanh Bình	GV khoa Sư phạm	Thành viên	
15	Nguyễn Minh Quang	SV khoa Sư phạm	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU	iv
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	1
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp đánh giá	3
2. Tổng quan chung.....	4
2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Trường Đại học Tân Trào	4
2.2. Giới thiệu về Khoa Sư phạm.....	13
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN.....	20
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	20
Tiêu chí 1.1.....	20
Tiêu chí 1.2.....	22
Tiêu chí 1.3.....	25
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	27
Tiêu chí 2.1.....	28
Tiêu chí 2.2.....	29
Tiêu chí 2.3.....	31
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	32
Tiêu chí 3.1.....	32
Tiêu chí 3.2.....	35
Tiêu chí 3.3.....	37
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	39
Tiêu chí 4.1.....	39
Tiêu chí 4.2.....	41
Tiêu chí 4.3.....	42
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	44
Tiêu chí 5.1.....	45
Tiêu chí 5.2.....	47
Tiêu chí 5.3.....	50
Tiêu chí 5.4.....	52
Tiêu chí 5.5.....	54
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	55
Tiêu chí 6.1.....	55
Tiêu chí 6.2.....	58
Tiêu chí 6.3.....	61
Tiêu chí 6.4.....	63
Tiêu chí 6.5.....	65
Tiêu chí 6.6.....	67
Tiêu chí 6.7.....	69

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	73
Tiêu chí 7.1.....	73
Tiêu chí 7.2.....	76
Tiêu chí 7.3.....	78
Tiêu chí 7.4.....	81
Tiêu chí 7.5.....	83
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	85
Tiêu chí 8.1.....	86
Tiêu chí 8.2.....	88
Tiêu chí 8.3.....	89
Tiêu chí 8.4.....	92
Tiêu chí 8.5.....	94
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	96
Tiêu chí 9.1.....	97
Tiêu chí 9.2.....	100
Tiêu chí 9.3.....	102
Tiêu chí 9.4.....	104
Tiêu chí 9.5.....	106
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	109
Tiêu chí 10.1.....	110
Tiêu chí 10.2.....	112
Tiêu chí 10.3.....	114
Tiêu chí 10.4.....	117
Tiêu chí 10.5.....	120
Tiêu chí 10.6.....	122
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	125
Tiêu chí 11.1.....	125
Tiêu chí 11.2.....	127
Tiêu chí 11.3.....	128
Tiêu chí 11.4.....	130
Tiêu chí 11.5.....	133
Phần III. KẾT LUẬN.....	139
1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Công nghệ thông tin	139
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT	143
3. Kế hoạch hành động	145
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	150
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT.....	152
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.....	173
Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo.....	177

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Đọc là
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CB	Cán bộ
4	CBGV	Cán bộ giáo viên
5	CBVC	Cán bộ viên chức
6	CDR	Chuẩn đầu ra
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CVHT	Cổ vấn học tập
9	CSGD	Cơ sở giáo dục
10	CSVC	Cơ sở vật chất
11	CTDH	Chương trình dạy học
12	CTĐT	Chương trình đào tạo
13	CTHP	Chi tiết học phần
14	CSV	Cựu sinh viên
15	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
16	ĐHTTr	Đại học Tân Trào
17	ĐTN	Đoàn thanh niên
18	ĐU	Đảng ủy
19	GD	Giáo dục
20	GS	Giáo sư
21	GV	Giảng viên
22	HĐT	Hội đồng trường
23	HSV	Hội Sinh viên
24	HTQT	Hợp tác quốc tế
25	KĐCL	Kiểm định chất lượng
26	KHCN	Khoa học công nghệ
27	MC	Minh chứng
28	NH	Người học
29	NCKH	Nghiên cứu khoa học
30	PGS	Phó Giáo sư
31	PVCD	Phục vụ cộng đồng
32	PPDH	Phương pháp dạy học
33	PP	Phương pháp
34	SV	Sinh viên
35	TS	Tiến sĩ
36	ThS	Thạc sĩ
37	THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tân Trào.....	12
Bảng 6.1.1. Số lượng GV của Khoa Sư phạm.....	57
Bảng 6.2.1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên ngành CNTT giai đoạn 2020-2024	59
Bảng 6.5.1. Trình độ giảng viên của Bộ môn Tin học giai đoạn 2019-2024.....	65
Bảng 6.7.1. Sản phẩm NCKH của GV giảng dạy CTĐT ngành CNTT qua các năm.....	70
Bảng 6.7.2. Đối sánh sản phẩm khoa học của GV Bộ môn Tin học với các đơn vị khác trong Nhà trường của năm học 2022 - 2023.....	71
Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng, trình độ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ chung toàn Trường	75
Bảng 8.1.1. Kết quả tuyển sinh ngành CNTT giai đoạn 2020 - 2024	87
Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng học, phòng chức năng của Trường ĐHTTr.....	97
Bảng 10.2.1. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.....	113
Bảng 10.4.1. Các công trình khoa học đã công bố của GV ngành CNTT giai đoạn 2020 - 2024.....	118
Bảng 11.1.1. Số SV ngành CNTT thôi học giai đoạn 2020 - 2024.....	126
Bảng 11.2.1. Số SV tốt nghiệp khóa đào tạo 2020 - 2024	128
Bảng 11.5.1. Đối sánh CTĐT ngành CNTT qua các năm 2021, 2022, 2023	135

Phần I

KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Sứ mạng của Trường ĐHTTr là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, NCKH, chuyển giao công nghệ và HTQT. Trong những năm qua, Trường ĐHTTr đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo; đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước. Tầm nhìn của Nhà trường sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và PVCĐ. Nhà trường luôn coi trọng *“chất lượng là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững”*.

Khoa Sư phạm (tiền thân là sáp nhập của hai khoa: Khoa Khoa học Cơ bản và Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non) là một đơn vị thuộc Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo cử nhân các ngành Công nghệ thông tin, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Khoa học tự nhiên... Sứ mạng của Khoa là cùng các đơn vị trong trường cụ thể hóa sứ mạng của Nhà trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, chuyên sâu cho các lĩnh vực xã hội, tự nhiên, ngoại ngữ, góp phần truyền thụ tri thức, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trường ĐHTTr luôn coi việc xây dựng nội dung CTĐT phù hợp, khoa học, đảm bảo tính logic và hệ thống là yếu tố then chốt để giữ vững chất lượng đào tạo. CTĐT ngành CNTT trình độ đại học có mục tiêu đào tạo ra các cử nhân CNTT có phẩm chất chính trị đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có tinh thần say mê yêu nghề, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về nghề nghiệp CNTT, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề trong mối quan hệ xã hội và các vấn đề liên quan phù hợp với các CĐR đã được đào tạo hoặc có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trình độ ThS, TS thuộc ngành CNTT.

Trong bối cảnh hiện nay, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ trong nước mà ở quốc tế, việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là việc làm cần thiết. Với tư cách là một đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức đào tạo và quản lý chương trình ngành CNTT trình độ đại học, Khoa Sư phạm đăng ký kiểm định và

đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của BGD&ĐT. Khoa coi đây là cơ hội tốt để kiểm định, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan toàn bộ CTĐT, qua đó đánh giá được sự tương quan với CTĐT cùng chuyên ngành ở một số trường đại học để hoàn thiện hơn về CTĐT, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội nói chung và của ngành GDĐT nói riêng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNTT (hệ chính quy) gồm:

Phần I: Khái quát (mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể; tổng quan chung về CSGD và Khoa Sư phạm.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, cấu trúc gồm 5 mục.

- Mô tả: phân tích chung về tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể liên quan;
- Điểm mạnh;
- Điểm tồn tại;
- Kế hoạch hành động;
- Tự đánh giá.

Phần III: Kết luận (điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá). Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT và các quyết định văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

Phần IV: Phụ lục gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ban hành ngày 14/3/2016 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT và các quyết định văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

CTĐT ngành CNTT được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR của CTĐT, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy học. Tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của NH. Tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ CBGV, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên. Tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH. Tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về CSVC và trang thiết bị. Tiêu chuẩn 10 là những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH. Tiêu chuẩn 11 là các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT.

Ngoài phần tổng quan chung, báo cáo tự đánh giá đã phác thảo một bức tranh tổng thể về Trường ĐHTT nói chung và Khoa Sư phạm nói riêng với những hoạt động, chính sách và chất lượng cụ thể. Mỗi tiêu chí có một hệ thống các thông tin, MC đi kèm. Mã thông tin và MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 9 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, hai dấu chấm và 6 chữ số; 2 chữ số đầu có 1 dấu chấm (.) và 1 chữ số tiếp theo có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức: **Hab.c.deg** Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn/tiêu chí được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10, tiêu chuẩn 25 viết 25).

- c: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 7 viết 7).

- deg: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 001, thứ 15 viết 015, thứ 105 viết 105...).

Ví dụ:

H01.1.001: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1.

H02.3.015: là MC thứ 15 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 2.

H05.2.101: là MC thứ 101 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 5.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp đánh giá

- *Mục đích tự đánh giá:* Khoa Sư phạm tự xem xét lại CTĐT, dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVN, cũng như các vấn đề liên quan khác. Khoa là đơn vị chịu trách nhiệm với Nhà trường trong việc phối hợp các đơn vị thực hiện CTĐT ngành CNTT, trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- *Phạm vi tự đánh giá:* Đánh giá tổng thể các hoạt động của Khoa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ GDĐH của BGD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT.

- *Quy trình tự đánh giá:* được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.

Bước 4. Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

- *Phương pháp đánh giá:* Dựa vào tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành, đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Khoa đã tiến hành xem xét theo các bước sau đây:

(1) Mô tả để làm rõ thực trạng theo từng tiêu chí; chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại để từ đó đi đến những nhận định đánh giá cuối cùng;

(2) Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp (PP) thực hiện;

(3) Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

- *Công cụ đánh giá:* Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Trường Đại học Tân Trào

Trường ĐHTTr được thành lập ngày 14 tháng 8 năm 2013 theo Quyết định số 1404/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường có tiền thân là Trường Sơ cấp Sư phạm được thành lập ngày 13/10/1959, ngày 11/02/1999 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang, ngày 30/6/2011, Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang được đổi tên thành Trường Cao đẳng Tuyên Quang. Trường ĐHTTr có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học; NCKH và chuyển giao công nghệ; hợp tác quốc tế.

Sứ mạng: Trường ĐHTTr là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

Tầm nhìn: Trường ĐHTTr sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

Giá trị văn hóa: Chất lượng đào tạo là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững.

Chính sách chất lượng: Trường ĐHTTr cam kết liên tục cải tiến để có khả năng cung cấp các dịch vụ có chất lượng, đảm bảo mức độ hài lòng cao nhất của người học và đối tác, qua một hệ thống quản lý năng động, xuất sắc, chuyên nghiệp và đổi mới.

Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường Đại học Tân Trào

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHTTr đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao, có nhiều đóng góp to lớn trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, đóng góp vào sự phát triển

kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước, được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý như Huân chương Lao động Hạng Ba, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Trong giai đoạn 2020 - 2024, một số tập thể đơn vị và cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen, giấy khen của vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

Về công tác phát triển đội ngũ, tổ chức bộ máy

Trường ĐHTTr hiện có 235 GV, viên chức, người lao động, trong đó có 154 GV (PGS: 01, TS: 42 người; thạc sĩ 107 người; đại học 04 người) và 81 nhân viên, nghiên cứu viên. Hiện tại có 14 người đang là nghiên cứu sinh, 03 người đang học sau đại học, 01 bác sĩ đang học chuyên khoa 1.

Năm 2019, Nhà trường có 25 đơn vị, từ năm 2020 - 2023, Trường có 23 đơn vị trực thuộc: 08 phòng; 08 khoa, bộ môn; 05 trung tâm; 01 phòng khám đa khoa; 01 Trường phổ thông. Đến tháng 4/2024, Nhà trường đã thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo đề án vị trí việc làm, hiện có 16 đơn vị trực thuộc: 06 phòng; 06 khoa; 03 trung tâm; 01 Trường phổ thông. Tháng 5/2024, HĐT Trường ĐHTTr được kiện toàn lại theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, bao gồm 17 thành viên Hội đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Về công tác đào tạo

Từ năm 2019 - 2024, công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy chế của BGD&ĐT. Nhà trường đã ban hành Đề án tuyển sinh, Quy chế tuyển sinh các hệ đào tạo và ngành đào tạo, hằng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và chỉ tiêu được BGD&ĐT giao. Kịp thời bổ sung một số phương thức xét tuyển mới, phù hợp với nhu cầu của học sinh như: Xét quy đổi điểm tiếng Anh từ chứng chỉ quốc tế sang thang điểm 10; xét điểm kỳ thi đánh giá năng lực... đồng thời loại bỏ những phương thức tuyển sinh kém hiệu quả. Chất lượng đầu vào được nâng cao rõ rệt theo từng năm, có nhiều ngành điểm trúng tuyển trên 27,28 điểm.

Nhà trường đã ban hành các quy chế, quy định về công tác quản lý đào tạo. Chủ động triển khai hoạt động dạy và học với hình thức phù hợp để thích ứng với diễn biến của dịch bệnh Covid-19, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất (CSVC), hạ tầng, kỹ thuật để thực

hiện giảng dạy trực tuyến, hoàn thiện Cổng thông tin giảng dạy và nộp bài trực tuyến (<http://elearning.daihoctantrao.edu.vn/>), nâng cao chất lượng đường truyền internet, tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng giảng dạy trực tuyến như Microsoft Team, Zoom meeting,...; các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án giảng dạy trực tuyến; phát động, tổ chức cuộc thi “thiết kế bài giảng điện tử” cho GV trong toàn trường.

Nhà trường đã ban hành và thực hiện sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, đại học trong đó quy định cụ thể các nội dung bao gồm: CDR và thời gian học tập; tổ chức và quản lý đào tạo; liên kết đào tạo; kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập, xếp loại học tập, xếp loại tốt nghiệp; chuyển ngành, chuyển trường đối với người học; quyền lợi và nghĩa vụ của GV, sinh viên (SV)... Các quy chế được chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo các hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo các quy định của BGD&ĐT, phù hợp với các quy định của pháp luật; đảm bảo thống nhất các quy định chung tại các Thông tư của BGD&ĐT ban hành về chuẩn CTĐT với các Thông tư quy định về mở ngành đào tạo và các quy định khác có liên quan.

Năm 2020, Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa CDR, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần đối với 15 ngành; năm 2022 đối với 19 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ cao đẳng; năm 2024 đối với 12 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ cao đẳng đảm bảo đúng quy định.

Từ năm 2019 - 2024, Nhà trường đã mở thêm 11 ngành đào tạo mới gồm: Kinh tế đầu tư, Chính trị học, Giáo dục học, Tâm lý học, Lâm sinh, Sinh học ứng dụng, Công nghệ thông tin, Dược học, Điều dưỡng, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Khoa học tự nhiên. Nhà trường đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp 116.661 chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Chứng chỉ Tiếng Anh., Chứng chỉ Kỹ thuật chế biến món ăn, Chứng nhận hoàn thành đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược, Tư vấn tâm lý học đường, ...

Năm 2021, SV của Trường đã tham dự cuộc thi Olympic toàn quốc môn Vật lý, đạt giải ba toàn đoàn, 02 giải nhì phần thi thực nghiệm, 03 giải ba phần thi trắc nghiệm, 02 giải khuyến khích phần thi bài tập. Tháng 4/2022 SV đã tham dự cuộc thi Olympic toàn quốc môn Toán học, đạt 04 giải nhì, 01 giải ba. Tháng 4/2023, SV tham gia kỳ thi Olympic Toán học SV và học sinh lần thứ 29 đạt 01 giải vàng và 01 giải khuyến khích. Tháng 11/2024, SV tham gia cuộc thi Olympic Vật lý toàn quốc đạt 03 giải Khuyến khích phần thi trắc nghiệm; 02 đạt giải Khuyến khích phần thi thực

nghiệm và đạt giải Ba toàn đoàn. SV đã tham gia cuộc thi “*Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp*” năm 2021 do Bộ GD&ĐT tổ chức. Kết quả, dự án “*Trồng và phát triển vùng dược liệu Xuyên tâm liên trong hỗ trợ điều trị bệnh nhân covid-19*” của nhóm SV Khoa Y - Dược, Trường ĐHTTr được đứng vào Top 15 dự án xuất sắc nhất trong số gần 600 dự án đến từ hơn 300 trường đại học tham dự cuộc thi.

Các khoa, bộ môn đã tổ chức Hội thảo cấp khoa “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đại học*”; “*Nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng dịch vụ Công tác xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”; Tổ chức chương trình Workshop-Thuyết trình chuyên nghiệp trong tầm tay; Kết nối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, các khách sạn, các công ty du lịch trên địa bàn thành phố và các huyện để SV được tham gia học tập, trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng, thực tập, thực hành. GV của trường đã tham gia Hội thi GV giỏi nghiệp vụ sư phạm toàn quốc do BGD&ĐT tổ chức, đạt 03 giải nhất, 05 giải nhì và 04 giải ba.

Hiện nay, Trường ĐHTTr đang thực hiện đào tạo 21 ngành bao gồm hệ chính quy, liên thông và vừa làm vừa học với 3.780 sinh viên (ĐH chính quy: 2.548; CĐ chính quy: 66; ĐH liên thông, vừa làm vừa học: 1.053, CĐ liên thông vừa làm vừa học: 113) Bên cạnh đó, Trường ĐHTTr thực hiện đào tạo và cấp bằng đại học cho lưu học sinh Lào; mở các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; đào tạo và cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản...; tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Tuyên Quang và trên 30 tỉnh thành trong cả nước.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ cộng đồng

Công tác NCKH của Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực, các sản phẩm NCKH của CB, GV, SV tăng cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 2019 đến năm 2024, toàn trường có 05 đề tài cấp Nhà nước; 15 đề tài cấp Bộ và cấp tỉnh;; có 176 đề tài cấp cơ sở của GV, 143 đề tài của SV, 91 bài báo đăng trên tạp trí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus, 226 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác, 901 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, 227 bài báo tham gia hội thảo quốc tế và trong nước, 122 giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu lưu hành nội bộ được nghiệm thu và sử dụng; 18 sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh và 64 sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở; 145 bài báo khoa học của SV. Tạp chí Khoa học Trường

ĐHTTr (SJTTU) được cấp mã số chuẩn quốc tế (ISSN: 2354-1431). Tính đến tháng 12/2024, Tạp chí đã xuất bản được 26 số với 580 bài báo. Các bài báo được xuất bản đều được truy cập miễn phí tại website của Tạp chí với chỉ số DOI (Digital Object Identifier) định danh do Crossref cung cấp. Tạp chí khoa học được Google Scholar thống kê liên tục trên website: <http://www.scholar.google.com>. Tháng 4/2021, Tạp chí gia nhập Vietnam Citation Gateway (V-Citation Gate) là cơ sở dữ liệu thư mục (Bibliographic database), đồng thời là trung tâm phân tích, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Scientometrics) của Việt Nam. Theo xếp loại của VN Citation Index năm 2021, trong hơn 600 tạp chí khoa học của các bộ, ngành, viện nghiên cứu và trường đại học trong cả nước, Tạp chí khoa học ĐHTTr xếp thứ 71 trong 86 tạp chí có điểm về chỉ số ảnh hưởng IF và chỉ số trích dẫn H-index (năm 2021). Tính đến năm 2024, tạp chí được 11 Hội đồng GS ngành và liên ngành tính điểm khoa học.

Hoạt động chuyển giao công nghệ đạt hiệu quả. Trường ĐHTTr tiếp tục nhân giống cung cấp cho thị trường 5,7 triệu Cây keo lai, bạch đàn... Triển khai nghiên cứu, sản xuất một số giống cây lâm nghiệp, cây cảnh, cây dược liệu phục vụ nhu cầu thị trường như: cây mía; cây Ba kích; cây Hồng. Xây dựng mô hình trồng ngô sinh khối; phối hợp tổ chức khảo nghiệm 54 giống Ngô mới; xây dựng mô hình sản xuất ngô, rau, thủy sản làm cơ sở để đề xuất ứng dụng vào sản xuất.

Về công tác hợp tác quốc tế

Tính đến năm 2024, Nhà trường đã ký kết hợp tác với 24 trường đại học, các đơn vị và tổ chức quốc tế ở Châu Á và thế giới về đào tạo, NCKH, trao đổi GV, SV. Nhiều CBGV của Nhà trường đang học sau đại học và nghiên cứu sinh ở nước ngoài, một số CBGV đã tham gia vào các dự án NCKH với các trường đại học trong khối ASEAN, tổ chức và tham dự nhiều hội thảo khoa học quốc tế. Hằng năm, Nhà trường cử nhiều SV đi thực tập ở nước ngoài, tiếp nhận SV của các nước đến thực tập và giao lưu văn hóa tại trường. Nhà trường đã triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác đã được ký kết với các trường đối tác như: giao lưu, trao đổi GV, SV, thực tập sinh, hợp tác NCKH. Đào tạo SV Lào đang học tập tại trường theo chương trình kí kết hợp tác giữa tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Xiêng Khoảng; tỉnh Phong Sa Ly nước CHDCND Lào. Hoạt động

HTQT đã đem lại những hiệu ứng tích cực và làm tăng vị thế của Nhà trường, góp phần tích cực vào HTQT của tỉnh Tuyên Quang trên nhiều lĩnh vực.

Về hoạt động phục vụ cộng đồng

Công tác tình nguyện, PVCD được Nhà trường thực hiện với nhiều lĩnh vực và nội dung đa dạng. Giai đoạn 2019 - 2024, Nhà trường đã tiếp nhận, hỗ trợ, đào tạo tổng số 44 lưu học sinh nước CHDCND Lào. Trong quá trình học, lưu học sinh được tham gia các Ngày hội giao lưu văn hoá SV quốc tế; Tết Bounpimay; giao lưu bóng đá, bóng chuyền. Tổ chức 25 lớp tập huấn kỹ thuật nông, lâm nghiệp, kỹ năng làm du lịch cho 647 học viên là người dân các huyện vùng cao; phối hợp tổ chức mở 04 lớp tập huấn nhằm cung cấp kiến thức, thông tin cho giáo viên, giúp họ có kiến thức về phòng, chống xâm hại trẻ em, bạo lực về giới và bình đẳng giới; 02 lớp tập huấn cho nữ CB, công chức viên chức nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng giao tiếp hành chính, văn hóa công sở, quy tắc ứng xử và kỹ năng phòng chống bạo lực tình dục.

CB, GV Nhà trường đã luôn nỗ lực, tích cực tham gia, thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong các sự kiện lớn của tỉnh. Trong giai đoạn này, 2.070 lượt CB, GV và SV với tổng số 249 ngày công tham gia tập luyện và biểu diễn trong các Chương trình nghệ thuật, màn đồng diễn tại các sự kiện văn hóa, thể dục thể thao do tỉnh tổ chức.

Công đoàn viên, SV Nhà trường đã ủng hộ các quỹ như: “*Quỹ đền ơn đáp nghĩa*”, “*Quỹ bảo trợ trẻ em*”, “*Quỹ khuyến học*”, “*Quỹ vì người nghèo*”, “*Quỹ mái ấm công đoàn*”, tặng quà học sinh, bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền hơn 1 tỷ đồng. Công đoàn viên, SV tham gia hiến máu và vận động tham gia hiến máu trong các Ngày hội hiến máu nhân đạo thu được 4.152 đơn vị máu.

Nhà trường đã chuẩn bị cơ sở vật chất làm Khu cách ly tập chung phòng chống dịch covid 19 với 40 phòng đảm bảo các yêu cầu cơ bản cho phòng chống dịch. Chủ động lập khu cách ly trong thời gian 02 tháng để tiếp nhận 217 học sinh, SV và CB, GV bị nhiễm Covid vào ở tập trung cách ly, trong thời gian đó tư vấn miễn phí, phục vụ nhiều suất ăn, thuốc và các nhu yếu phẩm cần thiết cho cán bộ, sinh viên bị mắc Covid yên tâm điều trị. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức các chuyến xe không đồng đưa 520 lượt sinh viên có hộ khẩu tại tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên và các huyện vùng cao trong tỉnh về quê và trở lại trường sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Về công tác đảm bảo chất lượng

Sau đánh giá ngoài, Nhà trường tiếp tục duy trì kết quả KĐCL, hằng năm đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ĐBCL và kế hoạch cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng đào tạo. Trường ĐHTTr đã tổ chức bằng hình thức trực tuyến để khảo sát, đánh giá các hoạt động ĐBCL bao gồm: khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động đào tạo, chất lượng người học; CSVC và các hoạt động phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. Năm 2021, Nhà trường đã thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài 03 CTĐT, kết quả là các CTĐT ngành Kế toán, ngành Giáo dục Tiểu học, ngành Giáo dục Mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng BGD&ĐT ban hành. Tháng 11/2024, Trường được BGD&ĐT công nhận đạt chuẩn cơ sở giáo dục chu kỳ 2.

Về các công tác khác

Nhà trường đã chú trọng tới hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, thông qua việc tổ chức các buổi gặp mặt trực tiếp giữa các đơn vị tuyển dụng lao động với SV để giới thiệu cơ hội việc làm và các kỹ năng mà SV cần chuẩn bị.

Hằng năm, Nhà trường đã bổ sung CSVC phục vụ hoạt động đào tạo. Năm 2021, đưa vào sử dụng tòa nhà làm việc A1 với diện tích xây dựng là 1.015 m²; Tổng diện tích sàn là: 5.078 m², gồm: 46 phòng làm việc, 07 phòng học. Nhà trường tiến hành sửa chữa lớp học, nâng cấp khuôn viên, sân vườn, ga ra để xe; xây u súng phục vụ cho an ninh - quốc phòng. Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho dạy và học. Hiện nay, tổng diện tích đất của Nhà trường: 574.690m². Trong đó: Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc: 18.212m²; Thư viện/Trung tâm học liệu: 600m²; Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 14.341 m². Năm 2023, UBND huyện Yên Sơn phê duyệt Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường ĐHTTr thuộc dự án Nhà thực hành khoa Y - Dược; Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá du lịch và thư viện; Nhà giảng đường Trường ĐHTTr; diện tích 389.152m². Cuối năm 2024, Công trình Nhà thực hành khoa Y - Dược; Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá - Du lịch và thư viện; Nhà giảng đường sẽ được khởi công xây dựng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo thực hành đối với khối ngành Y -

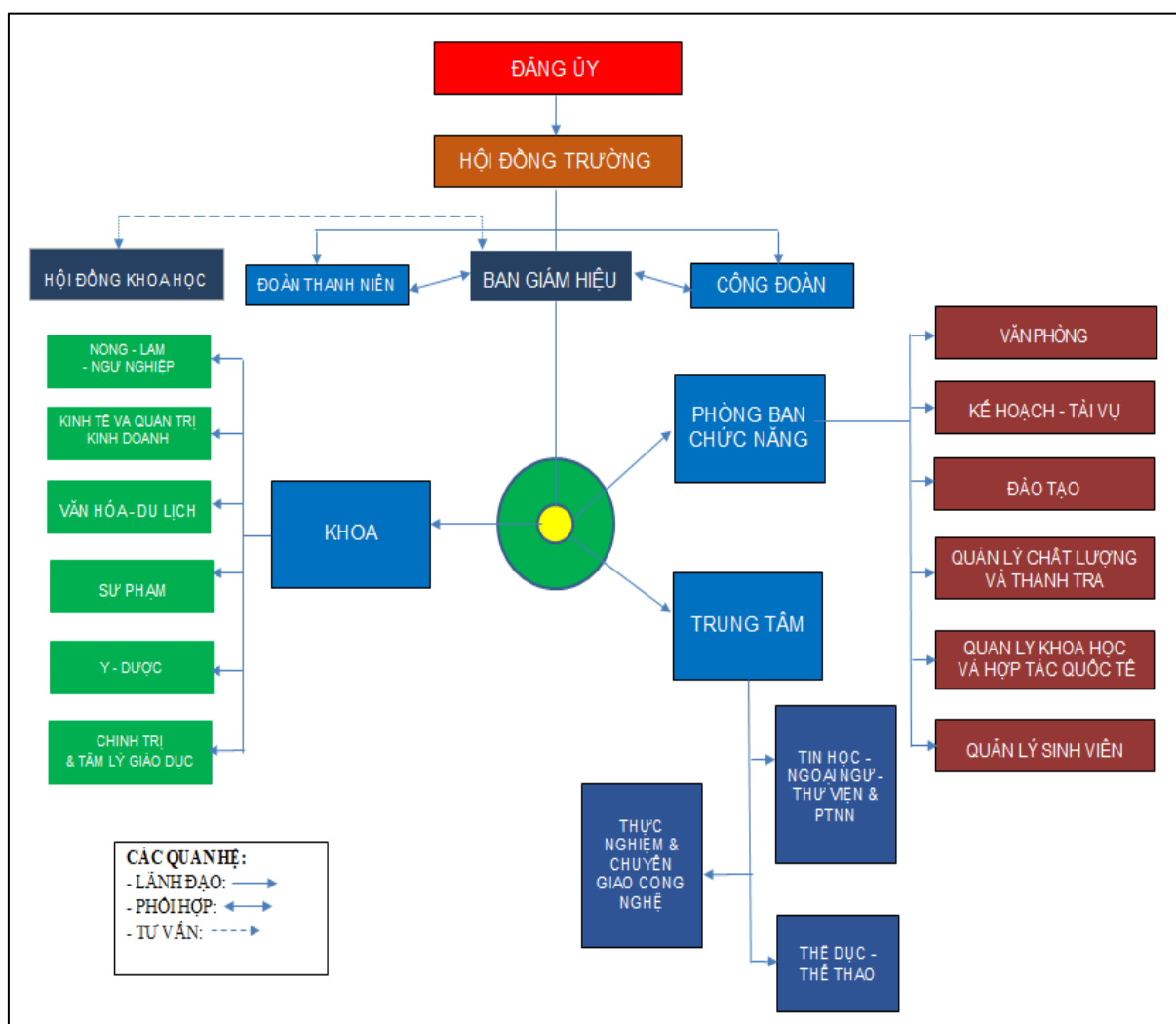
Được, Văn hoá - Du lịch và cung cấp thêm các phòng đọc thư việc phục vụ quá trình nghiên cứu, học tập của SV và GV Nhà trường.

Nhà trường đã hợp tác với Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Bắc Philippines để bổ sung nguồn học liệu, phục vụ công tác đào tạo. Tăng nguồn tài liệu nội sinh điện tử thông qua việc đăng các bài báo bằng Tiếng Anh của Tạp chí Trường ĐHTT lên trang web Thông tin - Thư viện. Năm 2020, Nhà trường đã phối hợp với VNPT Tuyên Quang cài đặt và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản Ioffice.

Tháng 01/2019, Nhà trường thành lập Trường Phổ thông Tuyên Quang, là trường phổ thông công lập, hoạt động tự chủ và chất lượng cao. Qua 06 năm xây dựng và phát triển, chất lượng giáo dục của nhà trường từng bước được nâng lên, quy mô trường, lớp, học sinh được tăng dần qua mỗi năm. Chương trình giáo dục của Nhà trường được thiết kế theo hướng triển khai song song 2 chương trình: Chương trình cứng thực hiện bằng việc tối ưu hóa Chương trình và sách giáo khoa theo quy định của BGD&ĐT; Chương trình mềm giúp tăng cường kỹ năng sống, phát triển năng khiếu Thể thao và Nghệ thuật, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh, hình thành các câu lạc bộ Toán học, Văn học... cho học sinh. Hằng năm, chất lượng giáo dục của Nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, CB giáo viên và học sinh của Trường đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua.

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Trào

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường ĐHTT là phù hợp với hoạt động của trường đại học. Hiện tại gồm 3 khối, 16 đơn vị: khối quản lý có 6 phòng, ban; khối giảng dạy và nghiên cứu gồm 6 khoa; khối ứng dụng, NCKH và dịch vụ gồm 3 trung tâm; 01 Trường phổ thông. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội gồm Đảng ủy, Hội đồng Trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (Hình 1.1).



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tân Trào

Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

Hội đồng trường (HĐT) Trường ĐHTTr gồm 17 người, gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên hội đồng. HĐT làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận và quyết định theo đa số. HĐT là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà trường, có nhiệm vụ, quyền hạn: quyết nghị chiến lược phát triển, quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường; phương hướng hoạt động đào tạo, KHCN, HTQT, ĐBCL giáo dục; cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của Nhà trường; việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức trong Nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐT, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của Nhà trường; giới thiệu nhân sự Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng để thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định. HĐT Trường ĐHTTr có các ban giúp việc: Ban Tổ chức và Nhân sự; Ban Đào tạo và ĐBCL; Ban KHCN và HTQT. Hội đồng Trường thực hiện

việc giám sát theo các quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học.

2.2. Giới thiệu về Khoa Sư phạm

2.2.1. Đặc điểm, tình hình

- *Địa điểm đơn vị:* Phòng 401, 407, 408, 411 nhà A1, cơ sở chính tại Trường Đại học Tân Trào, Km6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Quá trình thành lập:* Khoa Sư phạm được thành lập theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐTĐHTTr, ngày 23 tháng 4 năm 2024 của HĐT Trường ĐHTTr về việc sáp nhập Khoa Khoa học Cơ bản và Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non.

Hiện nay, Khoa Sư phạm là đơn vị trực thuộc Trường ĐHTTr. Khoa đang đảm nhiệm việc đào tạo cử nhân các ngành: Công nghệ thông tin, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Toán học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Khoa học tự nhiên.

2.2.2. Sứ mạng, tầm nhìn

Để phát triển theo định hướng một trường đại học đa ngành, với chức năng là khoa chuyên môn của Trường, Khoa Sư phạm đã lập kế hoạch với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và các nhiệm vụ thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của đơn vị như sau:

Sứ mạng: Khoa Sư phạm là địa chỉ tin cậy về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội

Tầm nhìn: Khoa Sư phạm sẽ trở thành đơn vị đào tạo có chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập của nền giáo dục hiện đại; là đơn vị mạnh trong nghiên cứu, tư vấn và định hướng về khoa học giáo dục trong khu vực và cả nước.

2.2.3. Cơ cấu tổ chức

Khoa Sư phạm gồm 07 bộ môn (Bộ môn Tin học: 08 GV; Bộ môn Toán: 14 GV; Bộ môn Ngoại ngữ: 09 GV; Bộ môn Ngữ văn: 10 GV; Bộ môn Giáo dục Mầm non: 13 GV; Bộ môn Hóa sinh: 08 GV; Bộ môn Vật lý: 03 GV). Hiện nay, tổng số GV cơ hữu của Khoa là 46 người (giảng dạy CTĐT ngành CNTT là 08 người). Trong đó, GV có trình độ PGS là 01 GV (chiếm 2%) , TS là 11 GV (chiếm 23%); thạc sĩ là 35 GV (chiếm 75%), trong đó đang đi nghiên cứu sinh là 03 GV.

Chi bộ Khoa Sư phạm hiện tại có 82 đảng viên (có 43 đảng viên là sinh viên). Về tổ chức Khoa gồm có: 01 Trưởng khoa; 02 Phó Trưởng khoa; 03 trợ lý Khoa; 07 Trưởng môn. Trực thuộc Khoa có một Liên Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và một Công đoàn bộ phận. Toàn thể GV trong đơn vị có phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức tốt, luôn đoàn kết, kỉ luật tốt, cùng nhau chia sẻ và phối hợp tốt trong công tác. Nhiều GV có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy. Đội ngũ GV trẻ năng động, sáng tạo, cầu thị, ham học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Danh sách giảng viên Khoa Sư phạm (tính đến 28/02/2025)

Stt	Họ và tên GV	Năm sinh	Học vị	Chức danh/ chức vụ
1	Vũ Thị Kiều Trang	1977	Tiến sĩ	Trưởng khoa, GVC
2	Nguyễn Tuyết Nga	1969	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn Toán, GVC
3	Lê Trung Hiếu	1977	Tiến sĩ	Phó Trưởng khoa, GVC
4	Lê Văn Hùng	1987	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Trưởng bộ môn Tin học, Giảng viên cao cấp
5	Nguyễn Thị Tuyết	1971	Thạc sĩ	Trưởng bộ môn Hóa sinh, GVC
6	Phạm Thị Thu Thủy	1978	Tiến sĩ	Trưởng bộ môn Giáo dục Mầm non, GVC
7	Vũ Thị Hương	1985	Tiến sĩ	Trưởng bộ môn Ngữ văn, GVC
8	Lương Mạnh Hà	1978	Tiến sĩ	Trưởng bộ môn Ngoại ngữ, GVC
9	Nguyễn Kiều Linh	1984	Thạc sĩ	Trợ lý khoa, GVC
10	Nguyễn Thị Giang	1985	Thạc sĩ (Đang NCS)	Trợ lý khoa, GVC
11	Đào Thị Hồng	1982	Thạc sĩ	Trợ lý khoa, GVC
12	Nguyễn Thị Hải Yến	1978	Thạc sĩ	GV
13	Nguyễn Thị Hương	1974	Thạc sĩ	GV
14	Vũ Thị Lan	1978	Thạc sĩ	GV
15	Phạm Thị Xuân	1978	Thạc sĩ	GV

16	Bùi Khánh Ly	1979	Thạc sĩ	GV
17	Nông Thị Huyền	1987	Thạc sĩ	GV
18	Đinh Thị Lương	1983	Thạc sĩ	GV
19	Nguyễn Thị Vui	1991	Thạc sĩ (Đang NCS)	GV
20	Nguyễn Như Mai	1988	Thạc sĩ (Đang NCS)	GV
21	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1993	Thạc sĩ	GV
22	Nguyễn Thảo Mi	1996	Thạc sĩ (Đang NCS)	GV
23	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1984	Tiến sĩ	GV
24	Chu Thị Thùy Phương	1983	Tiến sĩ	GVC
25	Hà Thị Chuyên	1987	Tiến sĩ	GVC
26	Phạm Thị Thu Huyền	1980	Thạc sĩ	GV
27	Phạm Thị Huyền	1985	Thạc sĩ	GV
28	Dương Thị Ngừ	1982	Tiến sĩ	GV
29	Nguyễn Thị Thu Thùy	1988	Thạc sĩ	GV
30	Lê Thị Ngọc Anh	1980	Thạc sĩ	GVC
31	Nguyễn Thị Hương Lan	1980	Tiến sĩ	GVC
32	Linh Thị Thanh Loan	1985	Thạc sĩ	GV
33	Lê Danh Tuyên	1985	Thạc sĩ	GV
34	Trương Mỹ An Ngọc	1987	Thạc sĩ	GV
35	Mai Thị Hiền	1985	Thạc sĩ (Đang NCS)	GVC
36	Hoàng Thị Lệ Thương	1985	Tiến sĩ	GVC
37	Trần Thị Hồng Dung	1981	Thạc sĩ	GV

38	Ma Thị Hồng Thu	1984	Thạc sĩ	GVC
39	Vũ Thanh Bình	1985	Thạc sĩ	GV
40	Tổng Văn Trường	1985	Thạc sĩ	GV
41	Bùi Thị Lan	1983	Thạc sĩ	GVC
42	Phạm Thục Anh	1979	Thạc sĩ	GV
43	Đồng Thị Xuân Dung	1982	Thạc sĩ	GV
44	Nguyễn Thị Thùy Dung	1984	Thạc sĩ	GV
45	Tạ Thị Thanh Huyền	1984	Thạc sĩ	GVC
46	Lương Thị Hải Hà	1983	Thạc sĩ (Đang NCS)	GVC

2.2.4. Công tác đào tạo

Hiện nay, Khoa Sư phạm đang đào tạo 06 CTĐT trình độ đại học hệ chính quy, 01 CTĐT trình độ cao đẳng hệ chính quy. Cụ thể:

Stt	Tên chương trình	Trình độ đào tạo	Mã số	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Công nghệ thông tin	Đại học	7480201	Chính quy	4 năm
2	Sư phạm Toán học	Đại học	7140209	Chính quy	4 năm
3	Sư phạm Ngữ văn	Đại học	7140217	Chính quy	4 năm
4	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Đại học	7140247	Chính quy	4 năm
5	Giáo dục Mầm non	Đại học	7140201	Chính quy	4 năm
6	Giáo dục Tiểu học	Đại học	7140202	Chính quy	4 năm
7	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	51140201	Chính quy	3 năm

Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên cơ sở sau:

Chương trình khung trình độ Đại học ngành CNTT được thực hiện theo: *Luật Giáo dục đại học, số 8/2012/QH13; Luật Giáo dục 2019 số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà*

người học đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr, ngày 20/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

Đội ngũ GV của Khoa có kinh nghiệm trong đào tạo trình độ đại học CNTT góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường. Đối với các học phần khối kiến thức đại cương: 100% đội ngũ GV của Nhà trường có trình độ từ thạc sĩ trở lên, nhiều kinh nghiệm giảng dạy và đáp ứng được những yêu cầu dạy học ở bậc đại học, góp phần tích cực vào việc đảm bảo chất lượng đào tạo ngành CNTT trình độ đại học. Đối với các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: số GV hiện tại của Trường ĐHTTr có thể đáp ứng 100% khối lượng của chương trình đào tạo. Đội ngũ GV từ trình độ thạc sĩ trở lên có bề dày kinh nghiệm đảm bảo dạy tốt các học phần trong CTĐT. Nhà trường đã và đang thu hút GV có trình độ tiến sĩ về Khoa. Đồng thời, Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất để GV trong Khoa được học tập nâng cao trình độ.

Với nhiệm vụ học hỏi kinh nghiệm của các trường đại học được xếp hạng trong nước để xây dựng CTĐT đạt chất lượng tốt, Khoa đã xây dựng chương trình đào tạo có tính ứng dụng, tính thực hành nghề nghiệp. CTĐT chú ý cân đối giữa giờ dạy lý thuyết với giờ dạy thực hành; chuẩn bị các điều kiện cho SV.

Đến nay, Khoa Sư phạm đã xây dựng và đang vận hành 06 CTĐT hệ cử nhân đối với trình độ đại học và 01 CTĐT với trình độ cao đẳng. Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng CDR của CTĐT. Người học được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm thông qua các học phần trong CTĐT đáp ứng CDR của từng học phần.

CTĐT ngành CNTT trình độ đại học của Khoa được xây dựng có sự tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong và ngoài nước như:..... Số lượng tuyển sinh từ năm học 2019-2020 cho đến năm học 2023-2024 là 4 khóa học, với 203 SV đã và đang theo học, cụ thể:

Khóa học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tổng số SV	0	27	61	59	56

CTĐT giúp cho SV hình thành kỹ năng nghề nghiệp để có thể thích ứng với nghề sau khi tốt nghiệp.

2.2.5. Công tác NCKH và HTQT

Công tác nghiên cứu khoa học được xác định là một trong 2 nhiệm vụ trọng yếu của GV Khoa Sư phạm. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và là một hoạt động khuyến khích đối với SV trong Khoa. Hiện nay, kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp cơ sở, cấp tỉnh) của GV trong Khoa đều đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị, hội thảo... có sự tham gia của GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học liên quan.

Trong 05 năm trở lại đây, Khoa đã có nhiều đề tài khoa học nghiên cứu cấp nhà nước, cấp tỉnh, cấp trường; viết nhiều bài báo đăng trên các tạp chí có mã số theo quy định của Hội đồng chức danh nhà nước; nhiều bài viết được in trong các kỉ yếu hội thảo ở các trường đại học trong cả nước. Số lượng đề tài NCKH và bài báo đảm bảo chất lượng tốt, cụ thể:

Tổng số giảng viên	Số lượng đề tài NCKH cấp nhà nước	Số lượng đề tài NCKH cấp tỉnh	Số lượng đề tài NCKH cấp trường	Số lượng bài báo đăng tạp chí đạt 0,5đ - dưới 1đ	Số lượng bài báo đạt đăng tạp chí từ 1đ trở lên	Số lượng bài báo đăng kỉ yếu hội thảo KH	Giáo trình, tài liệu tham khảo
46	1	1	34	158	71	121	26

Khoa cùng với Nhà trường có hợp tác với các trường đại học trong nước và quốc tế để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từng bước nâng cao chất lượng của CTĐT cũng như quá trình đào tạo.

2.2.6. Công tác QLSV và phục vụ cộng đồng

Khoa Sư phạm luôn quan tâm đến xây dựng môi trường học tập thân thiện để SV chủ động học tập và rèn luyện. Khoa có các bộ phận trợ lý, cố vấn học tập, cùng với Liên Chi đoàn, Liên Chi hội sinh viên luôn đồng hành và hỗ trợ các học viên, SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. Sinh viên được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức,

kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác. SV được Nhà trường hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ thông tin về địa chỉ việc làm, thực tập, thực tế và các tư vấn khác nếu có nhu cầu. Ngoài ra, SV có cơ hội nhận học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nhận hỗ trợ của Khoa nếu gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Với môi trường giáo dục, đào tạo có tương tác, kết hợp nghiên cứu khoa học, SV Khoa Sư phạm được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết và kỹ năng của mình trong quá trình đào tạo để đạt được những thành công sau tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tiễn xã hội. Sau tốt nghiệp, học viên và SV của Khoa có thể làm việc tốt ở các vị trí của mình

2.2.7. Cơ sở vật chất

Khoa được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như: văn phòng khoa, máy vi tính, máy in, mạng Internet... để phục vụ tốt cho công tác của Khoa. Khoa có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo như phòng học, giảng đường, các phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành, thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục và công tác NCKH.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: CTĐT ngành CNTT trình độ đại học của Trường ĐHTTr được ban hành vào năm 2020 và bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa qua các năm 2022, 2024. Mục tiêu và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật Giáo dục đại học; đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và CĐR được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu CTĐT ngành CNTT của Trường ĐHTTr được xác định rõ ràng ngay từ khi mở mã ngành năm 2020 là "Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức trong tự học tập và phục vụ cộng đồng." [H01.1.001]. Trên cơ sở cập nhật, đánh giá CTĐT hiện đang sử dụng, đối sánh giữa các lần chỉnh sửa và xin ý kiến của các bên liên quan, mục tiêu được rà soát, chỉnh sửa định kỳ vào các năm 2022, 2024 [H01.1.002]. Năm 2022, thực hiện Kế hoạch số 89/HD-ĐHTTr, ngày 18/02/2022 của Trường ĐHTTr về điều chỉnh CĐR, CTĐT và đề cương CTHP, Khoa Khoa học Cơ bản đã tiến hành điều chỉnh mục tiêu của chương trình để phù hợp với tiếp cận năng lực [H01.1.003]. Trong quá trình thực hiện, Khoa đã lấy ý kiến của các bên liên quan bằng hình thức trên phiếu khảo sát. Kết quả cho thấy: thị trường lao động yêu cầu SV ngành CNTT phải có kiến thức chuyên sâu để có thể làm việc hiệu quả; có thái độ làm việc tích cực, thích ứng với môi trường hội nhập. Để đáp ứng yêu cầu trên, mục tiêu của CTĐT đã được chỉnh sửa như sau:

Mục tiêu chung: Đào tạo nguồn nhân lực CNTT có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức trong học tập và phục vụ cộng đồng [H01.1.004], [H01.1.005], [H01.1.006].

Mục tiêu cụ thể:

MT1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, pháp luật và ngoại ngữ.

MT2: Vận dụng kiến thức đã học về chuyên ngành và kiến thức thực tế để làm việc ở các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục.

MT3. Có kỹ năng nghề nghiệp để tổ chức, phân tích, xây dựng, đánh giá và phát triển các phần mềm phục vụ cho nghiệp vụ.

MT4. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thuyết trình để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiệp vụ.

MT5. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tự chịu trách nhiệm; năng động, sáng tạo; thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ cộng đồng.

Trường ĐHTT đã hai lần tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn vào các năm 2014 và 2018. Sứ mạng hiện nay trong chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030 là: *“Trường ĐHTT là cơ sở đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước”*. Tầm nhìn hiện nay là: *“Trường ĐHTT sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng”* [H01.1.007].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành CNTT Khoa Sư phạm luôn bám sát vào các nội dung về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường để xác định mục tiêu của CTĐT, cụ thể: 02 mục tiêu về kiến thức, 02 mục tiêu về kỹ năng, 01 mục tiêu về thái độ, năng lực tự chủ. Các mục tiêu đều đề cập đến việc đào tạo theo định hướng phát triển năng lực cho NH, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT đã chú trọng về kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm, khả năng tự học, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng tầm nhìn và sứ mạng của Trường là trở thành cơ sở đào tạo mạnh về lĩnh vực giáo dục của khu vực miền núi phía Bắc. Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định và nhận xét: "mục tiêu của CTĐT ngành CNTT đã phù hợp

với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường" [H01.1.008]. Tuy nhiên, hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa đa dạng.

Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học số 43/2019/QH14 ban hành ngày 27/06/2019 tại Khoản 1 Điều 39: “Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.” và Khoản 2 Điều 39: “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.” [H01.1.009]. Mục tiêu của CTĐT ngành CNTT là đào tạo nguồn nhân lực CNTT có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức PVCĐ. Qua đối chiếu, các nội dung mục tiêu của CTĐT hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học [H01.1.008], [H01.1.010], [H01.1.011]. CTĐT được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường [H01.1.012].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và mục tiêu của GDĐH.

3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, Khoa Sư phạm thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT với các hình thức đa dạng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành CNTT được xác định rõ ràng với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, thái độ phản ánh được mục tiêu CTĐT. CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thông tin được ban hành vào các năm 2019, 2022, 2024 [H01.2.001]. Cụ thể,

CTĐT năm 2019 được ban hành với 18 CĐR, trong đó 7 chuẩn về kiến thức (từ CĐR 1 đến CĐR 7) bao gồm kiến thức chung, kiến thức cơ sở - chuyên ngành để xử lý, đánh giá, lựa chọn phương pháp thu thập thông tin cho vấn đề thực tiễn chuyên ngành; 6 chuẩn về kỹ năng (từ CĐR 8 đến CĐR 13) liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, tuy nhiên trong kỹ năng mềm về ngoại ngữ tại CĐR số 7 mới chỉ đáp ứng giao tiếp tiếng Anh cơ bản, diễn đạt một số tình huống chuyên môn thông thường. Do vậy khi SV ra trường chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ở một số vị trí công việc đòi hỏi trình độ cao về ngoại ngữ; năng lực tự chủ và trách nhiệm gồm 3 chuẩn (từ CĐR 14 đến CĐR 16) yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp [H01.2.002]. Trong biên bản họp nghiệm thu mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thông tin họp ngày 18/06/2024 của Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường đã nhận xét CĐR của CTĐT được xác định rõ những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành khóa học, phù hợp với mục tiêu của CTĐT [H01.1.003].

CĐR đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp [H01.2.004]. Cụ thể, sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin, NH cần đạt được các yêu cầu sau:

Về kiến thức: Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, pháp luật đại cương để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và công nghệ phục vụ cho học tập môn cơ sở ngành, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng để phục vụ cho học tập kiến thức ngành và các hoạt động chuyên môn khác. Vận dụng được các kiến thức ngành CNTT để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu kiến thức định hướng ngành CNTT.

Về kỹ năng: Thực hiện quy trình phát triển và quản lý các dự án phần cứng, phần mềm. Phân tích được chất lượng các dự án phần cứng và phần mềm. Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình thiết kế, xây dựng và quản lý các dự án phần cứng, phần mềm. Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động nghề nghiệp. Thực hiện được việc phản biện các giải pháp thay thế phù hợp với môi trường làm việc năng động và sáng tạo. Sử dụng được các phương pháp lập luận, sắp xếp ý tưởng và các kiến thức ngành CNTT để phục vụ công

việc chuyên môn; có khả năng thuyết trình các vấn đề cụ thể trước đám đông; đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tổ chức làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong quá trình hội nhập quốc tế; chấp hành các nội quy, quy chế của nơi làm việc, có ý thức trách nhiệm với công việc được giao, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước công việc đã thực hiện. Giám sát quản lý các nguồn lực, các vấn đề có liên quan đến công việc; có khả năng tư duy phát triển năng lực cá nhân để giải quyết công việc chuyên môn, có khả năng học tập, nâng cao trình độ ở các bậc học tiếp theo.

Nhìn chung, việc đạt được 12 CDR của CTĐT ngành CNTT khi tốt nghiệp giúp NH có đủ năng lực để đảm nhận những vị trí việc làm tại:

- + Làm chuyên gia và nhà phân tích mạng máy tính.
- + Làm chuyên viên CNTT trong các cơ quan, tổ chức; phát triển và ứng dụng CNTT trong khoa học kỹ thuật, kinh tế - xã hội.
- + Làm nhà phát triển phần mềm ứng dụng, quản trị trang web và phân tích kiểm thử phần mềm.
- + Làm chuyên viên quản trị mạng, an ninh hệ thống, phụ trách quản trị hệ thống máy tính của cơ quan, đơn vị.
- + Làm chuyên gia bảo mật thông tin, chuyên gia an ninh mạng.
- + Làm chuyên viên điện toán đám mây. Xác định, thiết kế, xây dựng và duy trì các hệ thống, giải pháp tận dụng hệ thống và cơ sở hạ tầng được quản lý bởi các nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây.
- + Làm quản trị cơ sở dữ liệu giúp lưu trữ và sắp xếp dữ liệu của khách hàng hoặc hoạt động kinh doanh của nơi làm việc.
- + Làm quản lý trong ngành công nghệ thông tin.
- + Giảng dạy Tin học trong các cơ sở giáo dục.
- + Làm nhân viên bảo trì, sửa chữa máy tính cùng với quản trị viên mạng giúp người dùng sắp xếp, bảo trì và sửa chữa máy tính.”

Điều này là phù hợp với mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của Hội đồng nhằm xây dựng Trường, Khoa Sư phạm trở thành một cơ sở đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng

đất nước. Ngoài ra, CĐR của ngành còn xác định, SV được đào tạo còn có khả năng theo học ở các bậc học cao hơn của ngành CNTT và các ngành liên quan khác.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNTT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CĐR kỹ năng mềm về Ngoại ngữ của SV chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ở một số vị trí công việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Hội đồng ngành CNTT khi triển khai rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành CNTT, đặc biệt chú ý về điều chỉnh CĐR về Ngoại ngữ để đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đòi hỏi cao về Ngoại ngữ ở một số vị trí công việc.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Năm 2019, Khoa Khoa học Cơ bản (nay là Khoa Sư phạm) được Nhà trường giao nhiệm vụ thực hiện xây dựng đề án mở mã ngành CNTT đào tạo trình độ đại học, trong đó có nội dung xây dựng CĐR [H01.3.001]. Nhà trường đã ban hành kế hoạch và văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR. Trong quá trình xây dựng, tổ soạn thảo đã thu thập thông tin từ các đơn vị sử dụng lao động, các văn bản, chính sách liên quan đến yêu cầu về chất lượng đào tạo ngành CNTT, tham khảo CĐR của một số trường Đại học có cùng ngành để xây dựng dự thảo CĐR. Từ kết quả khảo sát phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành CNTT, CĐR đã được xác định trong dự thảo gồm: kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ [H01.3.002], [H01.3.003]. Trong biên bản thẩm định đề án mở ngành đào tạo CNTT họp ngày 10/02/2019, Hội đồng thẩm định đã nhận xét và có ý kiến cần bổ sung một số yêu cầu về kiến thức gắn với dạy học đối với ngành CNTT [H01.3.004]. Căn cứ vào những đề xuất sửa đổi, bổ sung của Hội đồng thẩm định, Tổ soạn thảo đã lựa chọn những nội dung phù hợp để hoàn thiện CĐR như: bổ

sung yêu cầu về kiến thức dạy học, yêu cầu về trình độ ngoại ngữ [H01.3.005], [H01.3.006].

CĐR của CTĐT ngành CNTT được rà soát, điều chỉnh định kì theo kế hoạch và văn bản hướng dẫn của Nhà trường: Kế hoạch số 36/ ĐHTTr-KH ngày 29/01/2022 về xây dựng, điều chỉnh CTĐT; Kế hoạch số 51/KH-ĐHTTr ngày 10/02/2024 về rà soát, chỉnh sửa CTDH và ĐCCT học phần năm 2024; Quyết định số 400/QĐ-ĐHTTr ngày 16/5/2022 về việc thành lập tổ soạn thảo xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT năm 2022; Quyết định số 283/QĐ-ĐHTTr ngày 22/6/2024 về việc thành lập các tổ soạn thảo, rà soát, chỉnh sửa CTDH và ĐCCT các học phần năm 2024; Quyết định số 384/QĐ-ĐHTTr ngày 08/06/2022 về việc thành lập các tổ soạn thảo, rà soát, chỉnh sửa CTDH và ĐCCT các học phần năm 2022 [H01.3.007]; Văn bản hướng dẫn số 550/CV-ĐHTTr ngày 22/8/2022, số 345/ĐHTTr-ĐT ngày 02/8/2024, số 365/CV-ĐHTTr ngày 04/08/2024 [H01.3.008].

Căn cứ vào kế hoạch của Trường, tổ soạn thảo tổ chức xin ý kiến các bên liên quan, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới cho CĐR. Năm 2022, CĐR điều chỉnh một số yêu cầu về kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; phân định kĩ năng thành kĩ năng cứng và kĩ năng mềm; bổ sung cụ thể về trình độ ngoại ngữ cần đạt là B1. Năm 2024, CĐR được điều chỉnh, bổ sung kiến thức bổ trợ và một số nội dung về kiến thức, kĩ năng, thái độ đối với NH cho phù hợp [H01.3.009]. Năm 2022, điều chỉnh mỗi CĐR đều đo lường được theo thang năng lực Bloom và bổ sung một số yêu cầu về tổ chức, quản lí, điều hành các hoạt động chuyên môn; kĩ năng thu thập, phân tích dữ liệu và đánh giá để tổ chức các hoạt động dạy học. Qua các lần chỉnh sửa, CĐR ngành CNTT được bổ sung, hoàn thiện hơn và là cơ sở để chỉnh sửa CTĐT, đề cương CTHP [H01.3.010]. Điều này được thể hiện ở kết quả đào tạo trong chu kì đánh giá từ năm 2020 đến năm 2024. Tính đến tháng 10/2024, đã có 01 khóa tốt nghiệp với 24 SV và hiện có 204 SV đang theo học CTĐT ngành CNTT [H01.3.011]. Tuy nhiên, phạm vi lấy ý kiến của các bên liên quan về chỉnh sửa CĐR của CTĐT chưa rộng.

CĐR của CTĐT ngành CNTT trình độ đại học được công bố công khai tới các bên liên quan qua các hình thức: trên trang thông tin điện tử của Trường, bảng tin của Khoa, trong tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh hằng năm; trong

đợt sinh hoạt công dân đầu khóa hoặc ở buổi sinh hoạt lớp vào đầu năm học để NH chủ động đăng ký và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp [H01.3.012].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNTT được công bố công khai với NH và các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về chỉnh sửa CĐR của CTĐT chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, thực hiện chỉnh sửa CĐR của CTĐT, ngành CNTT mở rộng phạm vi lấy ý kiến của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Trường ĐHTT giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030; phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ và năm học của mỗi khóa đào tạo. CĐR đã bao quát được các yêu cầu chung và các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, tạo điều kiện cho NH phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực của cá nhân. CĐR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan đặc biệt nhà sử dụng lao động, được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần và công bố công khai với NH.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 1 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Trước đây, Bản mô tả CTĐT được lồng ghép trong CTĐT và đề án tuyển sinh của Trường ĐHTT. Tháng 10/2020, Nhà trường đã phê duyệt và ban hành Bản mô tả CTĐT ngành CNTT. Bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần đã cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định và bổ sung thêm một số mục khác. Tất cả các Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan đều có thể tiếp cận một cách dễ dàng.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

Năm 2020 trở về trước, bản mô tả CTĐT ngành CNTT được thể hiện trong bản CTĐT và Đề án tuyển sinh [H02.1.001]. Giai đoạn năm 2020; 2022; 2024 tiếp tục thực hiện rà soát chỉnh sửa CTĐT hai năm một lần [H02.1.002], Nhà trường ban hành mẫu Bản mô tả CTĐT, dựa trên cơ sở đó Khoa đã xây dựng Bản mô tả CTĐT ngành CNTT và được Nhà trường ra quyết định phê duyệt. Bản mô tả CTĐT ngành CNTT được thể hiện đầy đủ các thông tin, nội dung: tên chương trình, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã số, loại hình đào tạo, mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường, về thời gian đào tạo, chuẩn đầu vào, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện giảng dạy, cơ sở vật chất, khối lượng kiến thức toàn khóa học, phân bổ học phần cho từng kỳ. Thể hiện rõ bản đồ chương trình dạy học, mô tả nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, so sánh CTĐT với đợt rà soát trước đó và so sánh CTĐT với các trường khác [H02.1.003].

Trong giai đoạn 2020, 2022, 2024, căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường [H02.1.004], [H02.1.005], [H02.1.006], tổ soạn thảo tiến hành xây dựng bản mô tả theo mẫu hướng dẫn trên các căn cứ văn bản như khung CTĐT, Đề án tuyển sinh, các quy chế đào tạo. Tổ soạn thảo tiến hành thu thập thông tin, MC liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT, xin ý kiến các bên liên quan gồm: Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý, nhà khoa học; đối sánh CTĐT phiên bản các năm; đối sánh với CTĐT cùng ngành của các trường đại học. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CTĐT [H02.1.007], [H02.1.008], [H02.1.09]. Trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ký quyết định ban hành [H02.1.010], [H02.1.011]. Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh, các thông tin về CTĐT được cập nhật những nội dung mới như: năm 2022 có thay đổi tổng số tín chỉ trong CTĐT, xây dựng nội dung, phương pháp đánh giá đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp CDR CTĐT [H02.1.012]. Bản mô tả CTĐT ngành CNTT năm 2024, đã tổng hợp được đầy đủ thông tin của CTĐT, cập nhật thêm các nội dung chi tiết hơn như: Chuẩn đầu ra của CTĐT, nâng cao kỹ năng phát triển bản thân phù hợp với môi trường năng động, sáng tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H02.1.013]. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT ngành CNTT

năm 2024 mới được ban hành đưa vào sử dụng cho khóa tuyển sinh năm 2024 nên chưa được kiểm nghiệm qua thực tiễn để đánh giá cả quá trình.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành CNTT có đầy đủ các thông tin, được rà soát chỉnh sửa bổ sung định kỳ, cập nhật các vấn đề mới nhất qua ý kiến các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT mới được đưa vào thực hiện từ năm học 2024 - 2025 chưa được kiểm nghiệm qua thực tiễn để đánh giá cả quá trình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan đối với bản mô tả CTĐT và tiếp tục cập nhật các vấn đề trong quá trình thực hiện.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

ĐCCT học phần ngành CNTT được xây dựng và điều chỉnh, bổ sung qua các năm 2022, 2024 [H02.2.001]. Các ĐCCT học phần được thể hiện trong Bản đề cương chi tiết học phần với đầy đủ các nội dung như sau: thông tin về GV (Họ tên/chức danh/học hàm, học vị/ Hướng nghiên cứu chính/ địa chỉ/email), thông tin về học phần (tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, giờ tín chỉ đối với các hoạt động, đơn vị phụ trách), mục tiêu học phần, mô tả tóm tắt nội dung học phần, nội dung chi tiết học phần, tài liệu học tập, kế hoạch giảng dạy cụ thể, yêu cầu của GV đối với học phần, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập. Các ĐCCT học phần được chỉnh sửa năm 2016, có bổ sung thêm nội dung về “CĐR của học phần”, “ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR” [H02.2.002], [H02.2.003]. Đến năm 2024, CTĐT ngành CNTT có 125 tín chỉ (không kể học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), các ĐCCT học phần trong Bản ĐCCT học phần đầy đủ các nội dung và bổ sung thêm nội dung “Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT” [H02.2.004].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, ĐCCT học phần ngành CNTT đã được chỉnh sửa, bổ sung định kỳ vào năm 2022, 2024 theo kế hoạch của Nhà trường [H02.2.005]; năm 2022, chỉnh sửa, bổ sung ĐCCT học phần áp dụng cho khóa 2 (khóa học 2022 - 2027); Năm 2024 chỉnh sửa, bổ sung ĐCCT học phần áp dụng cho khóa 4 (khóa học 2024 -

2029). Căn cứ vào kế hoạch Nhà trường, Tổ soạn thảo tiến hành xin ý kiến các bên liên quan gồm: GV, NH, các nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý, nhà khoa học [H02.2.006], [H02.2.007], [H02.2.008]. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của từng ĐCCT học phần trên cơ sở ý kiến các bên liên quan và CĐR của CTĐT ngành CNTT, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ký quyết định ban hành [H02.2.009], [H02.2.001]. Năm 2022, các ĐCCT học phần thực hiện cập nhật nội dung một số học phần, phương pháp kiểm tra, đánh giá và hình thức thi [H02.2.010]. Từ năm 2024, ĐCCT học phần được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, các nội dung thông tin học phần được đổi mới đáp ứng CĐR đã công bố và phù hợp với nhu cầu xã hội, đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá học phần hướng tới năng lực của NH, xây dựng ma trận CĐR phù hợp với năng lực của NH, nội dung ĐCCT học phần tuân thủ chặt chẽ các CĐR học phần và CTĐT, xây dựng cấu trúc đề thi phù hợp với năng lực và các CĐR của học phần, nội dung học phần logic, tránh trùng lặp nội dung, các học phần chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: kiến thức, kỹ năng, thái độ tùy thuộc vào vị trí môn học trong khung CTĐT, đồng thời, thay đổi phương pháp đánh giá, rà soát các giáo trình và tài liệu tham khảo, tuy nhiên đề cương CTHP đợt rà soát năm 2024 mới được ban hành đưa vào sử dụng, chưa đánh giá được kết quả của NH [H02.2.011].

2. Điểm mạnh

ĐCCT các học phần ngành CNTT đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung, cập nhật. Trong quá trình chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT đã có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Đề cương CTHP đợt rà soát năm 2024 mới được ban hành đưa vào sử dụng, chưa đánh giá được kết quả của NH, nhất là các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Bộ môn Tin học phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp rà soát, bổ sung các tài liệu mới phục vụ học tập, giảng dạy ngành CNTT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

CTĐT ngành CNTT được ký quyết định ban hành năm 2019. Từ năm 2020, bản mô tả CTĐT ngành CNTT được công bố trên website của Nhà trường để người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận [H02.3.001]. Người học ngành CNTT còn có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H02.3.002]. Đối với GV, bản mô tả CTĐT được gửi đến email tất cả GV trong Khoa nghiên cứu, tư vấn cho người học và thực hiện CTĐT [H02.3.003].

ĐCCT các học phần được công bố trên website của Nhà trường [H02.3.004]. Đồng thời, người học được GV gửi qua email, zalo cung cấp cùng với tài liệu học tập trước khi lên lớp; đặc biệt trong buổi đầu giảng dạy của học phần, các GV luôn dành một khoảng thời gian từ 10 - 15 phút giới thiệu chi tiết, giải thích trao đổi thông tin về đề cương học phần giúp người học hiểu rõ và thực hiện [H02.3.005]. Đề cương các học phần cũng được lưu trữ tại Văn phòng Khoa và Phòng Đào tạo của Trường để các đối tượng có liên quan cần sử dụng đều dễ dàng tiếp cận [H02.3.006]. ĐCCT các học phần được công khai tới các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng thông qua các đợt thực tế, thực tập của sinh viên tại cơ sở [H02.3.007], [H02.3.008]. Việc công bố Bản mô tả CTĐT bằng nhiều hình thức đã giúp cho các đối tượng liên quan (cơ quan quản lý, người sử dụng lao động, GV, NH) dễ dàng tiếp cận.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành CNTT được công bố công khai bằng nhiều hình thức tới các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Quá trình phổ biến các hình thức tìm kiếm Bản mô tả CTĐT tới đơn vị sử dụng lao động còn chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Để thực hiện yêu cầu công khai và tạo điều kiện tối đa cho các bên liên quan tiếp cận dễ dàng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành CNTT. Năm 2024, Bộ môn Tin học phối hợp với Phòng Đào tạo đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành CNTT tới cộng đồng và xã hội.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành CNTT bổ sung các thông tin mới nhất, được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Quá trình bổ sung, điều chỉnh, tổ soạn thảo CTĐT đều dựa trên nhiều nguồn thông tin đóng góp khác nhau như Hội đồng khoa học của Khoa, GV, các nhà chuyên môn. Tất cả các đề cương CTHP trong CTĐT được định kì rà soát, bổ sung, cập nhật ít nhất 2 năm/lần theo kế hoạch của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp người dạy, NH và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3/3 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: CTDH trình độ đại học ngành CNTT có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Nội dung CTDH của ngành CNTT được cập nhật, thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của NH. Khung CTDH bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp, liên thông. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt CDR.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH ngành CNTT được thiết kế cụ thể dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm trên tinh thần bám sát Khung trình độ quốc gia bậc đại học, dựa vào chuẩn nghề nghiệp và những đổi mới trong hoạt động dạy và học trong bối cảnh thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 hiện nay [H03.1.001]. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT, được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR trong CTĐT [H03.1.002], [H03.1.003]. Theo đó, để đạt mục tiêu và CDR, CTDH ngành CNTT đã có sự kết hợp hài hòa giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt là kiến thức về định hướng ngành và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp). Sau những lần điều chỉnh, CTDH của ngành CNTT đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật, toàn bộ các học phần được

xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm [H03.1.002].

CTDH năm 2020 được thiết kế dựa trên 12 CĐR, gồm CĐR về kiến thức (từ chuẩn 1 đến chuẩn 4), CĐR về kỹ năng cứng (từ chuẩn 5 đến chuẩn 7), CĐR về kỹ năng mềm (từ chuẩn 8 đến chuẩn 10), CĐR về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm (chuẩn 11,12), điều này được thể hiện rõ trong ma trận CĐR của CTĐT, trong đó các học phần đều thể hiện rõ sự đóng góp vào các CĐR ở những mức độ: thấp, trung bình, cao. Căn cứ vào CĐR, tổ soạn thảo đã thiết kế CTDH đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm. Sau những lần chỉnh sửa, CTDH năm 2020 được thiết kế với 130 tín chỉ, đến năm 2022 là 125 tín chỉ và số lượng tín chỉ giữ nguyên đến hiện nay. Các học phần trong CTDH ngành CNTT được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau, tăng dần tính chuyên sâu của ngành; đó là khối kiến thức giáo dục đại cương (Lí luận chính trị, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội); kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành, ngành, định hướng ngành, thực tập và khóa luận tốt nghiệp). Các khối kiến thức này góp phần đạt được những CĐR nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ chịu trách nhiệm [H03.1.002], [H03.1.005].

Để thực hiện tốt CTDH, Trường và Bộ môn đã có những kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH của từng năm học thể hiện trong Chương trình công tác năm học của Trường, kế hoạch năm học của Khoa, của bộ môn, phân công chuyên môn, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, hồ sơ chuyên môn của GV. Các khối kiến thức và các học phần trong CTDH được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau, CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các học phần trong chương trình học từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kì với tiến trình giảng dạy cụ thể và CĐR người học cần đạt được sau mỗi học phần. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các học phần mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của NH theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CĐR của NH [H03.1.003], [H03.1.006], [H03.1.007], [H03.1.008].

Các học phần trong CTĐT ngành CNTT đều xác định rõ tổ hợp các PP dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc có khả năng đạt

được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Mỗi học phần trong CTDH ngành CNTT được cụ thể hóa bằng các mục tiêu và được thể hiện thông qua nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy. Các học phần được thiết kế dựa trên CĐR thông qua các khung năng lực cần đạt. Trong bản mô tả CTĐT các năm và trong ĐCHP cho thấy tổ hợp các PP được sử dụng giảng dạy trong CTDH ngành CNTT như: thảo luận, vấn đáp, tổ chức học tập theo nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, thuyết trình, dự án, thực hành, thực tế, mô phỏng.... Trong đó các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành sử dụng chủ yếu PP thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp, nghiên cứu tình huống; các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành có sử dụng PP giảng dạy đặc thù như thực hành, thực tế, mô phỏng, dự án,... [H03.3.011], [H03.1.012].

Các PP giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, PP kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Các PP dạy học tích cực “lấy NH làm trung tâm” như seminar, thảo luận nhóm, thực hành... được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR như: trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận, thực hành, bài tập lớn... (có 28 học phần thi thực hành chiếm 34,6%, tự luận 40 học phần chiếm 49,3%, vấn đáp 02 chiếm 2,5%, trắc nghiệm 5 chiếm 6,2%, bài tập lớn 03 chiếm 3,7%, học phần thi kết hợp vấn đáp + tự luận + trắc nghiệm 03 chiếm 3,7%) [H03.3.011], [H03.1.012].

Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH, Bộ môn đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan định kì 2 năm 1 lần vào các năm 2020, 2022 và 2024 với mong muốn đạt được CĐR một cách tốt nhất. [H03.1.009]. Hội đồng nghiệm thu CTĐT ngành CNTT đã nhận xét “CĐR của CTDH ngành CNTT đã được xác định cụ thể, bám sát các yêu cầu về CĐR của CTĐT trình độ ĐH trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Các PP giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá của các học phần trong CTĐT ngành CNTT đa dạng, phù hợp, đảm bảo giúp hỗ trợ NH đạt được CĐR” [H03.1.010]. Tuy nhiên, số lượng ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động, cựu SV khi rà soát, chỉnh sửa CTDH chưa được nhiều.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm được định kỳ rà soát 2 năm 1 lần.

3. Tồn tại

Số lượng ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động, cựu SV khi rà soát, chỉnh sửa CTDH chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2024-2025, Bộ môn sẽ tăng số lượng khảo sát các nhà tuyển dụng lao động, cựu SV trong các đợt rà soát CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2019 - 2024, ĐCCT các học phần của ngành CNTT được rà soát, chỉnh sửa vào các năm 2020, 2022, 2024 và được Nhà trường ra Quyết định ban hành [H02.1.001], [H03.2.001]. Các ĐCCT được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT. Từ năm 2022, ĐCCT học phần được điều chỉnh, bổ sung thêm các nội dung để thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần để đạt được CĐR, cụ thể: trong ĐCCT có mục 4 “Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của chương trình đào tạo” ghi rõ mức độ đóng góp theo các thang đo đóng góp ở các mức độ (1 = đóng góp ở mức độ thấp, 2 = đóng góp ở mức độ trung bình, 3 = đóng góp ở mức độ cao đóng góp vào CĐR) cho từng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ năng lực và tự chủ. Mục 5. CĐR của học phần cũng ghi rõ CĐR của học phần, CĐR đó sẽ giúp đạt CĐR nào của CTDH [H03.2.002]. Tại mục 9.5 trong bản mô tả CTĐT năm 2024, bản đồ dạy học ngành CNTT đã thể hiện rõ mối quan hệ giữa các học phần dựa trên các điều kiện tiên quyết và kế hoạch giảng dạy, giúp NH đạt được CĐR của CTDH theo lộ trình xác định [H03.2.003]. Trong biên bản thẩm định CTDH ngành Công nghệ thông tin họp ngày 26/10/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã nhận xét “Bản đồ dạy học của ngành Công nghệ thông tin được thiết kế rõ ràng, logic thể hiện được mối tương quan giữa các học phần theo đúng kế hoạch giảng dạy”, trong biên bản thẩm định ĐCCT các học phần ngành Công nghệ thông tin của Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ngày 26/10/2024 đã nhận xét “các học phần có sự tương thích, đóng góp cho CĐR của

CTDH”, “các học phần đã thể hiện rõ mức độ đóng góp theo từng thang đo cho CĐR của CTDH”[H03.2.004], [H03.2.005].

Toàn bộ các học phần trong CTDH ngành CNTT năm 2024 đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá. Trong bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá ngành đào tạo CNTT năm 2024 đã cho thấy, các học phần đã lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc thù của môn học, đảm bảo đạt được CĐR cụ thể: các học phần giáo dục đại cương, học phần cơ sở ngành có tỷ lệ giờ lý thuyết cao đa phần sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận, làm mẫu; các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành có tỷ lệ giờ thực hành cao sử dụng phương pháp giảng dạy đặc thù như thực hành trên máy, thực tế, ... Các phương pháp kiểm tra, đánh giá gồm có: trắc nghiệm, tự luận, chấm kết quả thực hành trực tiếp trên máy. Trong đề cương chi tiết các học phần khi xây dựng đều xác định rõ khi áp dụng phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá sẽ giúp đạt được CĐR nào, cụ thể tại mục 12. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và mục 13.1. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H03.2.007]. Trong bảng tổng hợp kết quả khảo sát xin ý kiến các bên liên quan về CĐR và CTĐT ngành CNTT năm 2024 đa số các ý kiến của GV giảng dạy kiến thức chuyên môn ngành cho rằng PP giảng dạy là rất phù hợp [H03.2.008]; trong Biên bản họp nghiệm thu của Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ngày 26/10/2024 cũng đã nhận xét “*các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá của các ĐCCT ngành Công nghệ thông tin là phù hợp, có sự đổi mới, bổ sung thêm các phương pháp mới, đảm bảo đạt được yêu cầu của CĐR học phần và CĐR CTDH.*”

Trong ĐCCT các học phần ngành CNTT năm 2024, tại mục 6. Ma trận kiến thức học phần với CĐR học phần có bảng thể hiện mối tương quan giữa nội dung học phần với CĐR. Trong biên bản thẩm định CTĐT họp ngày 26/10/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngành CNTT năm 2024 có nhận xét “*ma trận kiến thức học phần là phù hợp, đảm bảo đạt được CĐR học phần, nội dung học phần đã thể hiện được nội dung giúp đạt được CĐR*” [H03.2.010]. Trong giai đoạn 2019 - 2024, nội dung các ĐCCT học phần ngành Công nghệ thông tin đã được chỉnh sửa, bổ sung định kỳ vào năm 2020, 2022, 2024 Căn cứ vào kế hoạch Nhà trường, Tổ soạn thảo đã lấy được ý kiến của GV, nhà khoa học, chuyên gia [H03.1.011]. Các ý kiến đã nhận xét về mục tiêu, CĐR, ma trận CĐR, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm

tra đánh giá, đặc biệt là các học phần chuyên ngành. Tuy nhiên, số lượng nhà khoa học, chuyên gia tham gia cho ý kiến chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Xác định rõ ràng sự đóng góp của học phần đối với CĐR CTĐT, những nội dung, chương, mục hướng tới CĐR học phần.

3. Tồn tại

Nội dung một số học phần chuyên ngành chưa lấy được nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành.

4. Kế hoạch hành động

Bộ môn Tin học gửi ĐCCT, CTDH tới các chuyên gia chuyên ngành để xin ý kiến đóng góp về CTĐT và ĐCCT năm 2025.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Sau 3 đợt chỉnh sửa, bổ sung, năm 2024 CTDH ngành CNTT gồm 125 tín chỉ được sắp xếp thành các khối kiến thức, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 26 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành gồm 34 tín chỉ, khối kiến thức ngành gồm 34 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành gồm 10 tín chỉ, thực tập gồm 8 tín chỉ, khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 7 tín chỉ [H03.3.001]. Các học phần trong CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, từ lý thuyết tới thực hành, cụ thể: các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được sắp xếp học ở những học kỳ đầu, làm cơ sở để học các học phần sau.

Trong CTDH ngành CNTT năm 2020, các học phần đều phân bổ thời lượng cụ thể, có kế hoạch giảng dạy dự kiến, bản đồ dạy học và điều kiện tiên quyết, thể hiện được tính hợp lý, mối quan hệ giữa các học phần trong nội dung kiến thức cũng như thời gian thực hiện [H03.3.004]. Trong bản đồ dạy học đã thể hiện rõ được điều kiện tiên quyết của từng học phần, thứ tự các học phần được sắp xếp theo từng kỳ [H03.3.005]. Trong đợt khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT và ĐCCT năm 2024, đa số ý kiến của GV đánh giá về cấu trúc và trình tự các học phần trong CTĐT dự kiến là hợp lý [H03.3.006]. Trong biên bản họp nghiệm thu CTDH CNTT họp ngày 26/10/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cũng đã nêu rõ “các học phần trong

CTDH được sắp xếp theo đúng khối kiến thức, điều kiện tiên quyết của từng học phần phù hợp, bản đồ dạy học logic, dễ sử dụng và thể hiện đầy đủ mối quan hệ các học phần trong toàn bộ CTDH” [H03.3.007].

Đối với việc rà soát CTDH, ngành CNTT đã tiến hành 03 đợt rà soát năm 2020, 2022 và 2024 [H03.3.008]. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, Tổ soạn thảo tiến hành thu thập, tổng hợp thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH như xin ý kiến các bên liên quan gồm: GV, NH, các nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý, nhà khoa học; đối sánh CTDH phiên bản các năm; đối sánh CTDH với các trường đại học trong nước... [H03.3.009], [H03.3.010], [H03.3.011], [H03.3.012]. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CTDH, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng trường ĐHTTr ký quyết định ban hành [H03.3.013], [H03.3.014], [H03.3.015], [H03.3.016].

Trong quá trình chỉnh sửa, bổ sung CTDH, Tổ soạn thảo đã tham khảo các CTDH của các trường đại học khác như: Trường Đại học Hoa Sen; Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ; Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM; Trường Đại học Hà Nội; Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia TP.HCM; Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông (CNTT ứng dụng); Trường Đại học Nha Trang. Tuy nhiên, Nhà trường chưa tham khảo được nội dung CTDH của các trường đại học trên thế giới.

Kết quả cho thấy CTĐT ngành CNTT của trường ĐHTTr về cơ bản tương đồng với các CTDH của các Trường được đối sánh, tuy nhiên, một số nội dung, học phần cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT [H03.3.017], [H03.3.018]. Trên cơ sở kết quả đối sánh, Tổ soạn thảo tổng hợp báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đang thực hiện và dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật [H03.3.019]. Năm 2024, Tổ soạn thảo đã chỉnh sửa, cập nhật một số nội dung như: Số tín chỉ tự chọn: Trường ĐHTTr tăng cường tín chỉ tự chọn phần kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị tốt nhất cho sinh viên những kỹ năng chuyên ngành gắn chặt với kiến thức thực tế. Số lượng các học phần Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp được chú trọng và tăng cường nhằm nâng cao, rèn luyện kỹ năng ứng dụng vào thực tiễn cho sinh viên để tăng tính linh hoạt, tích hợp của CTDH dựa trên CTDH của các Trường đã tham khảo [H03.3.020], [H03.1.021].

2. Điểm mạnh

Có cập nhật, điều chỉnh CTDH theo hướng linh hoạt, tích hợp dựa trên cơ sở tham khảo của các CTDH tiên tiến.

3. Tồn tại

Chưa tham khảo được nội dung CTDH của nhiều trường quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025 - 2026, Bộ môn Tin học phối hợp với phòng Quản lý khoa học và HTQT tiếp tục hợp tác với các đối tác nước ngoài có đào tạo ngành CNTT để tham khảo CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành CNTT được thiết kế dựa trên yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có cấu trúc, trình tự logic, nội dung đã cập nhật và có tính tích hợp. Các ĐCCT học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR của CTDH, xác định được tổ hợp phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp, có tính logic và tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho NH tiếp cận được kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy NH làm trung tâm. Khoa Sư phạm, các Bộ môn và GV căn cứ vào mục tiêu GD, CĐR của CTĐT ngành CNTT được Trường ĐHTTr ban hành xác định các PPDH đa dạng và phối hợp nhiều PPDH khác nhau trong dạy học để giúp NH tích cực, chủ động học tập tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng, nâng cao tính sáng tạo, hình thành nền tảng cơ bản và vững chắc cho việc học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Năm 2014, Trường ĐHTTr ban hành triết lý GD và mục tiêu GD theo Quyết định số 2909/QĐ-ĐHTTr, ngày 31/12/2014 với nội dung “*Chất lượng - phát triển bền*

vững” [H04.1.001]. Năm 2016, để phù hợp với thực tiễn, Nhà trường đã điều chỉnh nội dung triết lý GD thành “*Chất lượng - phát triển bền vững - hội nhập*” theo Quyết định số 96/QĐ-ĐHTTr, ngày 25/2/2016, nhằm “*giúp SV cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới*” và khẳng định mục tiêu GD của Nhà trường “*Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường.*” và phù hợp với sứ mạng: “*Trường ĐHTTr là cơ sở đào tạo, NCKH, HTQT và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước*” [H04.1.001], [H04.1.002], [H04.1.003].

Khi xây dựng triết lý GD, Trường ĐHTTr đã tổ chức lấy ý kiến góp ý cho triết lý GD và mục tiêu GD [H04.1.004]. Nhà trường đã khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về triết lý GD [H4.01.005]. Sau khi ban hành vào các năm 2014, 2016, Nhà trường có kế hoạch truyền thông, phổ biến triết lý GD đến toàn thể CBGV, SV và các bên liên quan. Với CB, GV, triết lý GD và mục tiêu GD luôn được Lãnh đạo Nhà trường đề cập thông qua các cuộc họp, phân công nhiệm vụ [H04.1.006], [H04.1.007]. Đối với SV, ngay từ năm thứ nhất, triết lý GD và mục tiêu GD của Trường, được phổ biến tới SV trong “*Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên*”, Sổ tay SV, Sổ cổ vấn học tập,... Ngoài ra, Lãnh đạo Nhà trường, Khoa, ĐTN, Hội SV tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của họ trong quá trình học tập.

Triết lý GD của Nhà trường được công bố công khai với các hình thức đa dạng như: các bài báo, video đăng tải trên Website của trường, Báo điện tử Tuyên Quang, trên Youtube, Facebook, trên các ấn phẩm: tờ rơi, kẹp file nhân các sự kiện lớn, các pano, áp phích, bảng điện tử đặt tại các vị trí trang trọng trong Trường, phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân, đưa vào Sổ tay SV [H04.1.008], [H04.1.009], [H04.1.010], [H04.1.011], [H04.1.012], [H04.1.013], [H04.1.014]. Triết lý GD cũng được Nhà trường phổ biến đến các bên liên quan trong các buổi lễ khai giảng và trong diễn văn của Hiệu trưởng có đề cập đến triết lý GD [H04.01.015]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đối với triết lý GD của Nhà trường được đánh giá là rất phù hợp (đạt 87.3%) [H04.1.005]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa tổ chức được các buổi hội thảo, hoặc công khai triết lý GD tới nhiều đơn vị sử dụng lao động.

2. Điểm mạnh

Triết lý GD, mục tiêu GD của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều buổi hội thảo để giới thiệu triết lý GD tới các đơn vị sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

Trong các năm học, Nhà trường tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu triết lý GD tới các đơn vị sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để đáp ứng được CDR của ngành CNTT, theo định kỳ 2 năm/1 lần, Khoa đã thực hiện theo các. Quyết định, Kế hoạch, hướng dẫn của Nhà trường về rà soát CDR của CTĐT, để cải tiến chất lượng dạy và học [H04.2.001], [H04.2.002], [H04.1.003]. Khoa, Bộ môn, GV ngành CNTT dựa vào quyết định ban hành CDR CTĐT, bản mô tả chương trình, quyết định ban hành CTĐT, kế hoạch công tác đào tạo của của Nhà trường đã lựa chọn và áp dụng các PP giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả [H04.2.004], [H04.2.005], [H04.2.006], [H04.2.007], [H04.2.008]. 100% đề cương chi tiết của ngành CNTT xác định rõ các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CDR như: học truyền thống (học trên lớp), học trên công thông tin trực tuyến (E-learning), thư viện, phòng thực hành, thực tập [H04.2.009], [H04.2.0010], [H04.2.0011].

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH cho CBGV, Nhà trường tổ chức các buổi tập huấn [H4.2.012]. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, các bộ môn trao đổi kinh nghiệm, thảo luận PP nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Dựa vào CDR của từng học phần, Khoa, Bộ môn, GV lựa chọn PPDH đa dạng, phù hợp nhằm phát huy tính tích cực của NH. Hoạt động dạy học được GV xây dựng chi tiết theo các hoạt động trước, trong và sau mỗi buổi học. Trước buổi học, NH đọc tài liệu do GV cung cấp; trong buổi học, NH nghe giảng, tham gia thảo luận, tương tác với GV. Sau buổi học, NH có thể tự cập nhật tài liệu, tự học, tự nghiên cứu, ôn bài, làm bài tập và đưa ra câu trả lời cho các tình huống/câu hỏi/bài tập do GV yêu cầu [H04.2.009],

[H04.2.0010], [H04.2.013], [H04.2.14], [H04.2.015], [H04.2.016], [H4.2.017]. Với việc xác định các mốc thời gian thực tế trong từng học phần giữa thời gian trên lớp (lí thuyết, bài tập, thảo luận,...), thời gian tự học ở nhà cụ thể, NH một mặt lĩnh hội tri thức một cách hệ thống, dễ tiếp thu mà thông qua đó nâng cao năng lực tự học. Đặc biệt, các học phần Rèn luyện kĩ năng lập trình, Thực tập 1 và Thực tập 2 chú trọng thực hành là những học phần có tính chất chuyển tiếp giúp cho người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, [H04.2.018]. Ngoài ra, SV được tham gia vào các hình thức học tập khác như: tham gia thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, công ty về dịch vụ phần mềm, công ty viễn thông, doanh nghiệp sản xuất, giảng dạy và nghiên cứu hoặc các CSGD liên kết với Nhà trường. Phần lớn GV xác định đúng đắn, chủ động vận dụng và tạo ra những bước đột phá trong đổi mới PPDH, nhưng một số ít GV còn hạn chế trong việc sử dụng PPDH tiên tiến trong giảng dạy.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức các hội thảo, đối thoại, tập huấn cho GV để trao đổi về hoạt động, phương pháp dạy học. Nhà trường tổ chức đối thoại với SV để lắng nghe, giải đáp băn khoăn trong hoạt động dạy và học; đồng thời, động viên SV nỗ lực học tập, rèn luyện [H04.2.019]. Nhà trường, Khoa tổ chức hội nghị CBGV, SV lấy ý kiến về sự hài lòng với các hoạt động dạy và học được sử dụng nhằm đạt CĐR của CTĐT [H402.020], [H04.2021], H04.2022], [H04.2023].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp dạy và học đa dạng, phù hợp đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số ít GV còn hạn chế trong việc sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến trong giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025 - 2026, Khoa Sư phạm tổ chức tọa đàm về trao đổi kinh nghiệm và cải tiến PPDH để GV tham khảo ý kiến, đa dạng hoá các PPDH nhằm giúp SV nâng cao năng lực tự học và điều chỉnh CTDH phù hợp với CĐR của ngành CNTT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Tất cả đề cương chi tiết HP đều mô tả rõ việc sử dụng các PP giảng dạy phù

hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết, kỹ năng mềm) cho NH [H04.2.009], [H04.2.010]. Các hoạt động dạy và học đa dạng từ các giờ học lý thuyết trên lớp truyền thống/lớp học trực tuyến đến các hoạt động tự học và NCKH của SV; các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành kỹ năng phân tích và tổng hợp, kỹ năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm [H04.2.011], [H04.2.013]. Bản mô tả CTĐT thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần nhằm giúp SV hình thành và sử dụng thành thạo các kỹ năng học tập và kỹ năng nghề nghiệp [H01.1.005], [H01.1.009].

CTĐT của ngành CNTT năm 2024 có 83/83 đề cương học phần thể hiện được sự đóng góp cụ thể hình thức tự học, tự nghiên cứu với các yêu cầu nhiệm vụ và quy định rõ thời gian của hoạt động tự học, tự nghiên cứu đối với SV. Thời lượng tự học, tự nghiên cứu của SV đối với các giờ lý thuyết được tính bằng 2 lần số giờ trên lớp. Đề cương quy định rõ tài liệu học tập, trong đó có giáo trình bắt buộc, tài liệu tham khảo và yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu ở nhà, thư viện. Hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu là yêu cầu bắt buộc trong tất cả các đề cương nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy học và rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các PP dạy và học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR của CTĐT và biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo ở SV [H04.2.009], [H04.2.010].

Nhà trường, Khoa, ĐTN, Hội SV đã tổ chức hội thảo, tọa đàm về nghiên cứu khoa học cho SV [H04.3.001], [H04.3.002], [H04.3.003]. SV được tham gia thực hiện đề tài NCKH cấp trường; tham gia các cuộc thi Chuyên môn - Nghiệp vụ; tham gia các CLB như: CLB rèn kỹ năng sống, CLB Nghiên cứu trẻ, CLB tiếng Anh,...với các phong trào tình nguyện dạy cho HS trên địa bàn Nhà trường đóng; tham gia các hoạt động cộng đồng; tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và các hoạt động ngoại khóa học tập [H04.3.004], [H04.3.005], [H04.3.006], [H04.3.007], [H04.3.008], [H04.3.009]. Để giúp cho hoạt động dạy và học đạt hiệu quả cao, Nhà trường rà soát, bổ sung nguồn học liệu và liên kết với các trung tâm học liệu của các đơn vị khác nhằm đảm bảo nguồn tài liệu học tập luôn được cập nhật và đa dạng [H04.3.010]. Khoa tổ chức nhiều hoạt động để SV tham gia như: NCKH, tọa đàm khoa học, seminar, sinh hoạt nhóm, hoạt động ngoại khóa góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên

cứu và giao lưu khoa học. Từ đó đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết của NH, nâng cao năng lực tự học và biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Tuy nhiên, trong các hoạt động dạy học một số GV sử dụng PP dạy học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

2. Điểm mạnh

GV trong Khoa sử dụng đa dạng các PP giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và phát triển các kỹ năng, khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Một số GV sử dụng PP dạy học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025 - 2026, Trường và Khoa tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến PP dạy và học trực tuyến giúp GV sử dụng hiệu quả PP dạy học này, đa dạng hoá các PP dạy học, lựa chọn nhóm PP phù hợp cho từng học phần; đồng thời, nâng cao tính tích cực rèn luyện năng lực tự học của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

PP tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành CNTT tuân thủ theo triết lý GD của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Môi trường học thân thiện tạo ra sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV. Đề cương chi tiết các học phần đã mô tả rõ việc sử dụng các PP giảng dạy, học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm cho NH và khả năng học tập suốt đời.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 4 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Việc đánh giá kết quả học tập của NH ngành CNTT ở Trường ĐHTTr có các văn bản quy định quy trình và kế hoạch rõ ràng. Các quy trình và tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các PP, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR của CTĐT. Các PP kiểm tra, đánh giá đa dạng, hiện đại, phù hợp với năng lực NH và đáp ứng được những yêu cầu của xã hội trong thời kỳ đổi mới giáo dục. Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo trực tiếp tới NH, đảm bảo khách quan, minh bạch, đồng thời NH có thể phản hồi kịp thời về kết quả học tập của mình, từ đó có thể chủ động điều chỉnh việc học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trường ĐHTTr đã ban hành các văn bản, quy định về quy trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả NH dựa trên các quy định của BGD&ĐT và có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn sau thời gian thực hiện. Nhà trường đã ban hành “*Quy định đào tạo đại học - cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*” năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2015, 2017 và 2020 [H05.1.001]. Trong Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr, ngày 20/9/2024 có những nội dung về việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Cụ thể: quy định về đánh giá học phần; tổ chức kỳ thi kết thúc học phần; ra đề thi, hình thức thi, chấm thi; điều kiện dự thi và số lần được dự thi kết thúc học phần; cách tính điểm học phần; cách tính điểm trung bình chung; xét và công nhận tốt nghiệp [H05.1.001]. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập NH còn được trình bày rõ ràng trong Bản mô tả CTDH [H05.1.002], trong CTĐT và đề cương chi tiết các học phần [H01.1.001], [H01.1.003], [H01.1.004], [H01.1.005], [H01.1.007]. Các văn bản quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.1.003], văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp dành cho SV đi thực tập trong nước và nước ngoài [H05.1.004], quy định điều kiện tốt nghiệp/làm khóa luận, hướng dẫn trình bày khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn chấm khóa luận tốt nghiệp [H05.1.006], quy định quản lý hoạt động KH&CN [H05.1.007].

Trường có văn bản quy định về quy trình, tài liệu hướng dẫn cho việc thiết kế các PP kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Cụ thể là các văn bản: Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các PP kiểm tra đánh giá, quy trình thiết lập hệ thống kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập, công văn hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi các năm từ 2020 đến 2024 quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.1.003], trong đó có các quy định cụ thể về hình thức thi có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, bài tập lớn, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên, các bộ môn đề xuất hình thức thi thích hợp cho từng học phần, được lãnh đạo trường phê duyệt vào đầu năm học. Ngoài ra còn có Quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm, Quy định quản lý sinh viên của Trường ĐHTTr đi thực tập và làm việc ở nước ngoài [H05.1.004], Quy định về hướng dẫn trình bày khóa

luận tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp [H05.1.006], Quy định quản lý hoạt động KHCN [H05.1.007].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, Khoa đã thiết kế các PP kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng của từng học phần và mức độ đạt được của CĐR. Khoa đã tiến hành xây dựng và nghiệm thu ngân hàng đề thi các học phần trong các buổi sinh hoạt chuyên môn [H05.1.008]. Các ngân hàng đề thi học phần được đánh giá theo 5 mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung học phần được quy định trong CTĐT, bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR. Trong chu kỳ đánh giá, ngành CNTT đã hoàn tất toàn bộ 100% ngân hàng đề thi của các học phần trong CTĐT và tiến hành rà soát bổ sung định kỳ theo năm học [H05.1.009].

Các PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường các mức độ đạt được CĐR thể hiện ở nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần của NH được xây dựng từ mục tiêu, CĐR học phần và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Tổ hợp các PP kiểm tra đánh giá được sử dụng đa dạng, phù hợp với đặc trưng của từng học phần. Nội dung đánh giá học phần bao gồm đánh giá chuyên cần được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm, ...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức bài tự luận/bài tiểu luận/hoặc thực hành. Đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tự luận/vấn đáp/ thực hành/trắc nghiệm/ bài tập lớn, tất cả được chỉ rõ trong đề cương các học phần [H01.1.001], [H01.1.003], [H01.1.004], [H01.1.007]. Ví dụ học phần “Mạng nơ ron” trong CTĐT năm 2022 có điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10% đo lường CĐR 10, CĐR 12, điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30% đo lường CĐR 7, CĐR 10, điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60% đo lường CĐR 7, CĐR 10.

Trong đề cương CTHP có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra, đánh giá bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được, các yêu cầu này được quy định rất rõ ràng trong văn bản quy định về xây dựng ngân hàng đề thi tự luận và trắc nghiệm trên máy tính [H05.1.010], [H05.1.011]. CTĐT ngành CNTT năm 2022 tất cả

học phần đều sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng: thực hành, vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm trên máy tính, bài tập lớn, báo cáo thực tế tại cơ sở...

Nhà trường ban hành Kế hoạch số 58/KH-ĐHTTr ngày 08/3/2022 về tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong Trường ĐHTTr giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Theo kế hoạch này việc đánh giá độ tin cậy, độ giá trị và độ phân biệt của các đề thi sẽ được thực hiện bằng các phần mềm chuyên dụng [H05.1.012]. Tuy nhiên, GV chưa được trang bị kỹ năng sử dụng đánh giá hiện đại này. Trong giai đoạn 2020 - 2024, Khoa và bộ môn chưa tổ chức thống kê, phân tích, định lượng đầy đủ các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ của đề thi từ đó có hướng điều chỉnh đề thi phù hợp năng lực đạt được của SV.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHTTr có đầy đủ văn bản quy định chặt chẽ về quy trình kiểm tra và đánh giá NH.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2020 - 2024, Khoa và bộ môn Tin học chưa tổ chức thống kê, phân tích, định lượng đầy đủ các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ của đề thi từ đó có hướng điều chỉnh đề thi phù hợp năng lực đạt được của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa và Bộ môn Tin học sẽ triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, định lượng các kết quả thi của sinh viên để kịp thời chỉnh sửa bổ sung để đánh giá năng lực đạt được của SV một cách khách quan hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Quy định về đánh giá kết quả học tập của NH ngành CNTT được xác định rõ ràng theo Quy định số 997/QĐ-ĐHTTr, ngày 20/9/2024 về Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHTTr [H05.1.001], trong những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường về kiểm tra đánh giá [H05.1.005] và trong đề cương chi tiết học phần có chỉ rõ về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan [H05.1.004]. Quy định về đánh giá kết quả học tập của NH cụ thể như sau:

Thời gian: Các hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện thường xuyên, trong suốt thời gian học. Mỗi kì học gồm 15 tuần học chính thức và 1 tuần dự trữ, điểm chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học, bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần 8, bài thi kết thúc học phần thực hiện sau tuần thứ 16. Tất cả các thông tin về thời gian đều được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần [H05.1.004].

Phương pháp, hình thức: Các văn bản hướng dẫn đã quy định rõ phương pháp, cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành... đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu [H05.1.001], [H05.1.004], [H05.1.005].

Tiêu chí đánh giá: tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương CTHP, trong quy định đánh giá kết quả rèn luyện, đánh giá kết quả thực tập chuyên ngành, khóa luận tốt nghiệp [H01.1.007], [H05.1.005], [H05.1.008], [H05.1.011].

Trọng số điểm: Nhà trường quy định rõ ràng về trọng số điểm trong ĐCHP như sau: điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%, điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%, điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60% [H05.1.004]. Ngoài ra đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành, khóa luận tốt nghiệp của SV cuối khóa có quy định cụ thể [H05.1.007], [H05.1.008], SV tham gia NCKH và SV đi thực tập tại nước được cộng điểm khuyến khích học tập [H05.1.006], [H05.1.009].

Nội dung: Việc kiểm tra, đánh giá đảm bảo bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành CNTT đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Ngân hàng đề thi thể hiện đầy đủ nội dung kiến thức cơ bản trong CTĐT, đảm bảo chính xác, khoa học, cân đối, cập nhật thực tiễn. Bộ câu hỏi trong ngân hàng đề phải sắp xếp từ dễ đến khó (phân tái hiện kiến thức khoảng 30%, phần vận dụng kiến thức và sáng tạo khoảng 70%), tùy theo đặc thù môn học, nội dung đề thi được quy định rõ số lượng câu hỏi tương ứng với số tín chỉ, học phần 02 tín chỉ có số lượng đề là 10, học phần 03-04 tín chỉ có 12 đề, số câu hỏi trong đề bám sát các nội dung trong ĐCHP và tương ứng với trọng số môn học [H05.1.011].

Cơ chế phản hồi của NH về đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới nhiều hình thức: qua lấy ý kiến của NH và cựu NH, Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và

SV được tổ chức định kì hằng năm, trong các buổi lên lớp giảng dạy của GV, trong buổi sinh hoạt lớp cuối năm học. Tuy nhiên, việc phổ biến văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH ở một số ít CVHT chưa thường xuyên, liên tục [H05.2.001], [H05.2.002], [H05.2.003], [H05.2.004].

Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học trong tuần giáo dục công dân sau khi SV nhập học/ kỳ học/ học phần qua nhiều kênh khác nhau để NH nắm được:

Qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV vào tuần đầu tiên khi SV mới nhập học, đại diện Phòng Quản lý SV sẽ hướng dẫn NH cách tiếp cận các tài liệu/hướng dẫn về kiểm tra đánh giá trong suốt khóa học [H05.2.004].

Trợ lý khoa và CVHT tổ chức các buổi sinh hoạt lớp định kì tối thiểu 1 lần/tháng để hướng dẫn cụ thể về các quy định kiểm tra đánh giá, thực tế, thực tập, NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi cho NH [H05.2.002].

GV giảng dạy các học phần tại buổi lên lớp đầu tiên và trong quá trình giảng dạy học phần phải cung cấp cho NH ĐCHP và phổ biến các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan, giúp SV có hiểu biết toàn diện về các yêu cầu kiểm tra, đánh giá để lên kế hoạch hoặc điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp trong quá trình học tập [H05.2.005].

Ngoài ra các quy định về kiểm tra, đánh giá người học đều được đăng tải công khai trên website của Trường ĐHTTr. SV theo dõi các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi, kết quả bài thi, quy trình thủ tục khiếu nại phúc khảo bài thi qua tài khoản cá nhân [H05.2.003].

NH được phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập qua nhiều hình thức: trong sổ tay SV từ đầu khóa học, trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về quy định kiểm tra, đánh giá và các nội dung liên quan trong các kỳ thi/ kiểm tra. SV được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, thực tập, điều kiện tốt nghiệp từ Trợ lý đào tạo và CVHT của Khoa. Các thông tin, quy định về kiểm tra, đánh giá các học phần cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương học phần, quy định về kiểm tra đánh giá học phần ngay từ buổi học đầu tiên. Ngoài ra các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập còn được công bố công khai trên trang

thông tin điện tử của Trường và cổng thông tin cá nhân của SV [H05.2.002], [H05.2.003], [H05.2.004], [H05.2.005].

GV giảng dạy học phần có trách nhiệm kịp thời công khai điểm chuyên cần và điểm kiểm tra định kỳ cho SV biết; Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra có trách nhiệm tổng hợp điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy cho SV, kiểm tra, rà soát điểm học phần, sau đó in và ký bảng điểm, gửi về các đơn vị. Kết quả học tập của SV được đăng tải trên website của Nhà trường. Tuy nhiên, việc phổ biến văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH ở một số ít CVHT chưa thường xuyên, liên tục [H05.2.005], [H05.2.006].

2. Điểm mạnh

Các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được xác định rõ ràng và thông báo công khai bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Việc phổ biến văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH ở một số ít CVHT chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa yêu cầu CVHT phải phổ biến văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH thường xuyên, liên tục tại các buổi sinh hoạt định kỳ hàng tháng và có báo cáo kết quả bằng văn bản.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Từ các văn bản hướng dẫn về kiểm tra đánh giá của Nhà trường [H05.3.001] [H05.3.002], Khoa đã cụ thể hóa việc sử dụng các phương pháp khác nhau trong đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần, các phương pháp kiểm tra đánh giá được xác định rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần. Trong đó sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện ở hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy

theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H05.3.003]; [H05.3.004]; [H05.3.005]. Ví dụ: Theo thống kê phương pháp thi học phần CTĐT CNTT 2024 có 01 học phần Trắc nghiệm; 28 học phần thi thực hành; 42 học phần thi tự luận; 7 học phần làm bài tập lớn; ngoài ra còn có các học báo cáo thực tế thực hành và kết hợp nhiều hình thức thi.

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được xác định trong đề cương CTHP, trong đó chỉ rõ hình thức, trọng số điểm, tiêu chí đánh giá có sự tương thích với CDR của học phần và đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo [H05.3.004]. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thiết kế dựa trên Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá. Cụ thể, Khoa giao nhiệm vụ cho GV ra đề thi học phần, ngân hàng đề thi học phần bám sát nội dung của học phần, CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ; lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp; GV có trách nhiệm bảo mật đề thi và nộp cho Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra (đối với đề thi) hoặc tổ chức nghiệm thu ngân hàng đề cấp khoa với sự góp ý của các thành viên chuyên môn, sau đó GV chính xác hoá và nộp cho đơn vị tổng hợp nộp cho Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra quản lý, sử dụng ngân hàng đề thi một cách chủ động, đảm bảo tính khách quan, công bằng [H05.3.006]; [H05.3.007]; Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. GV tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ công bố công khai cho người học trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp kết quả đánh giá về văn phòng khoa nhập điểm, GV báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận của trưởng bộ môn; sau khi SV thi kết thúc học phần, GV chấm thi theo kế hoạch, trợ lý tổng hợp điểm học phần cho SV dựa trên điểm chấm trên bài thi và Phiếu tổng hợp điểm thi của SV theo từng môn học [H05.3.008]. Định kỳ, Nhà trường tổ chức Hội nghị sơ kết công tác đào tạo theo tín chỉ [H05.3.002] và Hội nghị đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT [H05.3.002], qua đó kiểm tra các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của NH có phân định rõ ràng nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Để đánh giá độ tin cậy của đề thi, Khoa dựa vào các công cụ và văn bản: văn bản về xây dựng đề thi, mục tiêu, CDR học phần, đề cương CTHP; ngân hàng đề thi; kết quả thi của SV. Bộ môn TLGD luôn luôn chú trọng xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy. Hằng năm, Khoa đều tiến hành khảo sát và xây

dựng báo cáo phân tích hiệu quả của các hình thức kiểm tra đánh giá, kết quả cho thấy trong các năm học các hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo độ tin cậy, chính xác, khoa học, có tính phân hóa sâu trong đánh giá NH, góp phần nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; phổ điểm của SV đều và có 95% NH hài lòng với các phương pháp kiểm tra đánh giá [H05.3.010], [H05.3.011], [H05.3.012], [H05.3.013].

2. Điểm mạnh

Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn CNTT và đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Một số các học phần chưa xây dựng được ngân hàng đề nên mức độ bao quát của đề thi do GV tự xây dựng trong các lần thi học phần chưa cao, do vậy ở một số môn học chưa thể hiện độ tin cậy và độ giá trị cao.

4. Kế hoạch hành động

Các năm học tiếp theo, Khoa Sư phạm tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới bộ đề thi và cách ra đề thi, hoàn thiện ngân hàng đề thi cho toàn bộ CTĐT CNTT nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải tiến việc học tập

1. Mô tả

Nhà trường đã có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH thông qua các văn bản: Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHTT [H05.4.001]; Quyết định về việc ban hành quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.4.002]; Quyết định ban hành quy định về giải quyết khiếu nại kết quả học tập [H05.4.003].

Các quy định này được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH thông qua website của Trường ĐHTT [H05.4.004], sổ tay SV [H05.4.002] và tài khoản cá nhân của SV [H05.4.005]. Đồng thời những nội dung này được đội ngũ CVHT phổ biến trực tiếp đến NH thông qua các buổi sinh hoạt lớp [H05.4.006].

Theo quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Điểm đánh giá chuyên cần về ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất sau 2 ngày kể từ khi có kết quả thi học phần, trợ lý khoa hoàn thành việc nhập điểm thi học phần vào phần mềm quản lý điểm và khóa điểm trên hệ thống. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày công bố điểm thi, nếu có yêu cầu chấm lại bài thi, SV phải làm Đơn xin phúc khảo [H05.4.003], [H05.4.002]. Trong CTĐT ngành CNTT hình thức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc HP đa dạng như: Thực hành, tự luận, bài tập lớn, báo cáo thực tế... NH nhận được ngay kết quả đánh giá, qua đó có kế hoạch học tập nghiên cứu phù hợp trong từng giai đoạn. Sau khi thi kết thúc học kỳ, điểm thi của SV được đưa lên hệ thống phần mềm quản lý điểm, SV tự truy cập kiểm tra kết quả học tập của mình trên hệ thống phần mềm. Đồng thời, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra trích xuất kết quả học tập cho các lớp, gửi về văn phòng các Khoa, Trợ lý khoa tiếp nhận và gửi cho các CVHT để CVHT thông báo tới các lớp SV mình phụ trách. Trên cơ sở đó, các SV có kế hoạch cải thiện kết quả học tập của mình cho phù hợp với tiến độ đã đề ra [H05.4.004], [H05.3.008], [H05.3.008], [H05.4.007], [H05.4.008], [H05.4.009].

Nhà trường, Khoa tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng NH đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng phiếu khảo sát SV đánh giá GV từng học kỳ. Kết quả này được thể hiện trong Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; Báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học trước khi tốt nghiệp; Báo cáo lấy ý kiến phản hồi từ người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H05.4.010], [H05.4.011], [H05.4.012].

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá NH được phản hồi kịp thời, giúp NH chủ động trong việc cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Còn một số GV chưa công bố kịp thời điểm giữa kì tới NH để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Lãnh đạo Khoa kiểm tra việc công bố điểm giữa kì tới NH, yêu cầu GV báo cáo trong các cuộc họp khoa/SHCM.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của NH [H05.5.001]. Theo đó, SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian 7 ngày từ khi nhận được kết quả thi. SV nộp đơn đề nghị cho chuyên viên Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra, chuyên viên tiếp nhận đơn và trình lãnh đạo Phòng xem xét. Sau đó, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các Khoa, Bộ môn tổ chức thực hiện việc chấm phúc khảo bài thi học phần và thông báo kết quả cho các đơn vị và SV muộn nhất 15 ngày từ khi nhận đơn phúc khảo.

Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như: thông qua website của Trường ĐHTTr, Sổ tay SV và tài khoản cá nhân của SV. Đồng thời, những nội dung này được đội ngũ CVHT phổ biến trực tiếp đến NH thông qua các buổi sinh hoạt lớp [H05.4.006], [H05.4.002], [H05.4.001].

Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra đã phân công chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan. Theo thống kê hằng năm, 100% SV ngành CNTT hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập [H05.4.003], [H05.5.002], [H05.5.003], [H05.5.004].

2. Điểm mạnh

NH được phổ biến đầy đủ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi qua nhiều hình thức. Đến nay không có SV nào khiếu nại.

3. Điểm tồn tại

Thời gian thực hiện quy trình phúc khảo còn dài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của NH.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của NH ngành CNTT được thực hiện nghiêm

túc, hiệu quả, đúng quy trình và bám sát các quy định, hướng dẫn của BGD&ĐT, của Trường ĐHTTr, đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của NH, tập trung vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi/kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến NH để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 5 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Đội ngũ GV của Bộ môn Tin học thuộc Khoa Sư phạm được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng và bổ nhiệm CB cho Khoa được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên vị trí việc làm, yêu cầu của CTĐT ngành Công nghệ thông tin. Từng năm học, Bộ môn thực hiện phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các nhiệm vụ chuyên môn khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng GV. Để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, khối lượng công việc và năng lực của GV được đo lường, giám sát và đánh giá theo đúng quy định của Nhà trường, làm cơ sở để khen thưởng, khích lệ và tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm, Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV căn cứ vào Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 đã đánh giá toàn bộ thực trạng về nguồn nhân lực, về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ, cơ sở vật chất của Nhà trường [H06.1.001]. Tại mục IV - Chiến lược phát triển đội ngũ và tổ chức bộ máy, Nhà trường đã xác định mục tiêu cụ thể về phát triển nguồn nhân lực của Trường, về quy mô cơ cấu đội ngũ viên chức, GV, nhân viên. Theo đó, Trường xác định đến năm 2021 có 20% GV đạt

trình độ tiến sĩ; năm 2025 có 30% GV đạt trình độ tiến sĩ; 2030 có 40% GV đạt trình độ tiến sĩ. Năm 2022 Nhà trường đã thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Chiến lược phát triển Trường, trong đó nêu rõ mục tiêu cụ thể về phát triển nguồn nhân lực của Trường, về quy mô cơ cấu đội ngũ viên chức, GV, nhân viên [H06.1.002]

Hàng năm, Nhà trường xây dựng Quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc, trong đó có quy hoạch cán bộ của Khoa Sư phạm. Trên cơ sở kết quả rà soát bổ sung Quy hoạch, Nhà trường thực hiện đưa vào quy hoạch những nhân tố mới, có triển vọng phát triển; đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện [H06.1.003]. Căn cứ Chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường, Khoa Sư phạm đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa trong từng giai đoạn, giai đoạn 2019-2024, Khoa cử từ 30-40% số GV đi học tập nâng cao trình độ (bao gồm cả thạc sĩ và nghiên cứu sinh) nhằm đạt mục tiêu đến năm 2025, 100% GV của Khoa đạt trình độ Thạc sĩ trở lên, 40% GV đạt trình độ Tiến sĩ, 100% GV có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho GV đại học, cao đẳng và đạt chuẩn về Tin học, Ngoại ngữ [H06.1.004]

Việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa Sư phạm phù hợp với chiến lược phát triển và quy hoạch CB của Trường ĐHTTr [H06.1.001], [H06.1.004]. Công tác phát triển đội ngũ GV của Khoa được thực hiện theo đúng quy trình, chặt chẽ, minh bạch, khoa học, phù hợp với Điều lệ trường đại học, Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định về tuyển dụng viên chức cũng như các quy định về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng của Trường ĐHTTr [H06.1.005], [H06.1.006], [H06.1.007], [H06.1.008]. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ GV, Khoa luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và bồi dưỡng GV trẻ. Những GV mới tuyển dụng được bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy của CTĐT. Trong năm năm qua, khoa đã đề xuất và Nhà trường đã cử 14 GV đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H06.1.009].

Khoa Sư phạm được thành lập theo Nghị quyết số 316/NQ-HĐTĐHTT ngày 23/4/2024 về việc sáp nhập Khoa Khoa học cơ bản và Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non thành Khoa Sư phạm. Hiện nay, đội ngũ GV trong Khoa bao gồm 46 GV đạt trình độ từ thạc sĩ trở lên, có độ tuổi bình quân là 43,8 tuổi. Tính đến tháng 12/2024, tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ của Khoa còn thấp so với mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường. Cụ thể: số GV có trình độ

Tiến sĩ là 12 người (chiếm 25%), số GV có trình độ Thạc sĩ là 35 người (chiếm 75%); số GV đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 3 người (chiếm 0,6%); số lượng GV chính là 21 người (chiếm tỉ lệ 44,6%) [H06.1.010], [H06.1.011].

Tổng số GV tham gia công tác đào tạo ngành CNTT là 11 GV [H06.1.012]. Việc tuyển dụng CB đều xuất phát từ nhu cầu, kế hoạch nhân sự của Khoa, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt. Việc sắp xếp, bố trí CB mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo quy định trong đề án vị trí việc làm [H06.1.013], [H06.1.014], [H06.1.015]. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024, Khoa đã được Nhà trường tuyển dụng 6 GV, chấm dứt hợp đồng lao động/ngỉ hưu 02 GV, chuyển công tác 1 GV [H06.1.016].

Bảng 6.1.1. Số lượng GV của Khoa Sư phạm

Năm học	Số lượng GV	Tuyển dụng mới/Điều động/Tiếp nhận	Chấm dứt hợp đồng/Nghỉ hưu	Chuyển công tác
2019 - 2020	20	3	0	0
2020 - 2021	22	3	1	0
2021 - 2022	22	0	0	0
2022 - 2023	22	0	0	0
2023 - 2024	46	0	1	1

Việc tuyển dụng GV được thực hiện theo đúng các quy định của Trường ĐHTTr. Sau khi có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng thử việc, các GV mới đều phải tham gia dự giờ, soạn giáo án giảng dạy để Khoa phê duyệt; thực hiện việc giảng dạy các lớp giả định và thực tế tại Khoa để được góp ý, điều chỉnh trước khi tham gia giảng dạy chính thức. Trong thời gian tập sự hoặc thử việc, Khoa phân công GV có kinh nghiệm để hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ GV mới. Sau đó, Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch thẩm định giờ dạy đối với GV, gửi Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra để đề nghị thẩm định các giờ giảng của GV [H06.1.017], [H06.1.018]. Nhà trường đã thực hiện bổ nhiệm các chức vụ Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn thuộc khoa theo đúng quy định [H06.1.019], [H06.1.020], [H06.1.021], [H06.1.022]. Khoa Sư phạm luôn thực

hiện đúng các quy định và các quyết định của Nhà trường về việc điều động, bố trí công việc cũng như chấm dứt hợp đồng đối với CB, GV [H06.1.023].

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với chiến lược phát triển và quy hoạch cán bộ của Trường. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ còn thấp so với mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Đến năm 2026, Khoa phấn đấu có 30% GV đạt trình độ tiến sĩ.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hiện nay, tổng số GV cơ hữu của Khoa là 46 người (giảng dạy CTĐT ngành CNTT là 11 người), GV của Trường tham gia giảng dạy là 20 người, số GV đạt trình độ TS là 11 (chiếm 35,5 %); 01 PGS (chiếm 3,2%), thạc sĩ là 19 người (chiếm 61,3%). Độ tuổi bình quân của GV cơ hữu là 43,8 tuổi, giới tính nam là 14 người (chiếm 45,2%) và giới tính nữ là 17 người (chiếm 54,8%) [H06.2.001].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ cho Khoa Sư phạm và Bộ môn Tin học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng thu hút viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và số lượng GV sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H06.2.002], [H06.2.003], [H06.2.004]. Tỷ lệ SV/GV được quy đổi (Thông tư 06/2018/TT-BGD&ĐT ngày 28/2/2018 và Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT) thể hiện cụ thể trong bảng sau được quy đổi như sau:

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên ngành CNTT giai đoạn 2020-2024

Năm	Số lượng giảng viên			Số giảng viên đi học nâng cao trình độ	Số lượng sinh viên ngành CNTT	Tỷ lệ (sinh viên/giảng viên)
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	PGS			
2019-2020	6	30		6	0	
2020-2021	9	24		3	27	0,64
2021-2022	11	22		1	86	1,95
2022-2023	12	19			146	3,39
2023-2024	12	19			219	5,097
2024-2025	11	19	1		195	4,43

Ngành CNTT thuộc Khối ngành V - Công nghệ Kỹ thuật, Sản xuất và Xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. Do đó, tỷ lệ sinh viên trên giảng viên quy đổi đối với ngành này tuân theo quy định của khối ngành V, cụ thể là không vượt quá 20 sinh viên chính quy trên một giảng viên quy đổi. Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (SV/GV) trong các năm đều thấp hơn ngưỡng 20 SV/GV quy định cho khối ngành V. Điều này cho thấy tỷ lệ giảng viên so với sinh viên của ngành CNTT tại khoa đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT. Như vậy, Tỷ lệ GV và NH về cơ bản là đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, số lượng SV ngành CNTT tuyển sinh được trong các năm còn thấp.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Khối lượng công việc của GV, giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác được thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của GV; Quy định Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHTTr; Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHTTr, các văn bản trên đã xác định khối lượng công việc của GV theo vị trí chức danh cho từng đối tượng lãnh đạo, kiêm nhiệm, công tác Đảng, đoàn thể. Quy định về chế độ làm việc của GV đã nêu rõ về thời gian làm việc, giờ chuẩn và định mức giảng dạy, NCKH của GV, cụ thể tổng thời gian làm việc của GV trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Thời gian giảng

dạy một tiết lý thuyết trên lớp hoặc trực tuyến 50 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn. Tại Điều 6 của Quy định này cũng chỉ rõ việc quy đổi giờ chuẩn đối với một số hoạt động chuyên môn bao gồm giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, sinh hoạt chuyên môn, CVHT, soạn đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi, chấm thi,... Nhà trường có quy định tỷ lệ quy đổi các đề tài NCKH, bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, sáng kiến kinh nghiệm các cấp [H06.2.005], [H06.2.006], [H06.2.007].

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết thúc năm học, GV kê khai định mức lao động của GV bao gồm khối lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác để nghiệm thu cấp Khoa và cấp Trường, ngoài ra các kết quả về khối lượng và chất lượng công việc còn được sử dụng để bình xét danh hiệu thi đua hằng năm. Bảng kê khai định mức của GV và tổng hợp của Khoa được gửi về Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra (trước đây là Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng) để tổng hợp và tham mưu cho Lãnh đạo trường thành lập Hội đồng nghiệm thu định mức lao động. Kết quả nghiệm thu của Hội đồng cấp trường được thông báo công khai về các đơn vị để thông báo cho GV. Trên cơ sở nghiệm thu định mức lao động, GV tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm học và bảng chấm điểm thi đua khen thưởng. Sau đó, Khoa tổ chức họp bình xét danh hiệu thi đua của GV và tổng hợp kết quả, gửi tờ trình về Văn phòng (trước đây là Phòng Tổ chức - Chính trị); kết quả thi đua được khen thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Từ kết quả đã đạt được Nhà trường đồng thời triển khai cho GV đăng ký danh hiệu thi đua của cá nhân và tập thể trong năm học tiếp theo [H06.2.008], [H06.2.009], [H06.2.10], [H06.2.11], [H06.2.12], [H06.2.13], [H06.2.14].

Để đảm bảo chất lượng hoạt động giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác, trong năm học, Nhà trường đã tổ chức hoạt động thanh tra chuyên môn và đánh giá công tác đảm bảo chất lượng hằng năm, từ đó Khoa tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD trong các năm học tiếp theo [H06.2.15].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/SV đáp ứng tốt yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV ngành CNTT tuyển sinh được trong các năm còn thấp.

4. Kế hoạch hành động:

Tích cực thực hiện công tác truyền thông tuyển sinh ngành CNTT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Nhà trường có các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định về tiêu chí, quy trình tuyển dụng và lựa chọn GV, Nghiên cứu viên được quy định trong Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động của Trường ĐHTTr. Theo đó các tiêu chí tuyển dụng GV gồm: có bằng thạc sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành phù hợp của ngành cần tuyển (ưu tiên người có bằng thạc sĩ đúng ngành cần tuyển); có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên; có năng lực sư phạm và khả năng nghiên cứu khoa học; có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Đáp ứng tiêu chuẩn riêng cho từng vị trí tuyển dụng được nêu cụ thể trong thông báo tuyển dụng [H06.3.001], [H06.3.002]. Ngoài ra quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV còn được quy định trong Danh mục vị trí việc làm Trường ĐHTTr và Bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của Trường ĐHTTr [H06.3.003], [H06.3.004].

Quy trình tổ chức tuyển dụng của Trường ĐHTTr thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP như sau: Bước 1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng. Bước 2. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển. Bước 3. Thông báo kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự thi và kế hoạch thi. Bước 4. Tổ chức thi /xét tuyển 5. Thông báo kết quả tuyển dụng và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Sau khi có quyết định tuyển dụng, các GV mới đều phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng để Bộ môn phê duyệt; lên lớp thử tại Bộ môn để được góp ý, điều chỉnh trước khi được lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử

việc, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ [H06.3.005], [H06.3.006].

Các quy định về bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, trong đó Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực quản lý, có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên và có đủ sức khoẻ theo quy định. Trưởng khoa phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại khoa. Phó Trưởng khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ TS. Trưởng khoa có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của Trưởng khoa, Phó Trưởng Khoa theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu của Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa phải đảm bảo thực hiện nhiệm vụ ít nhất 01 (một) nhiệm kỳ. Trưởng khoa và phó trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm. Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa theo quy định của pháp luật và Quy chế bổ nhiệm của Trường [H06.3.007].

Tính đến thời điểm hiện tại tại Khoa Sư phạm có 46 GV, Khoa được thành lập trên cơ sở sáp nhập Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non và Khoa Khoa học cơ bản trực thuộc Trường tháng 5/2024. Trong chu kỳ đánh giá 5 năm, Nhà trường đã bổ nhiệm 04 GV giữ chức vụ lãnh đạo, chấm dứt 02 GV hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ [H06.3.008], [H06.3.009].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai bằng cách triển khai văn bản tại các cuộc họp Khoa, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua đường link website của Trường ĐHTTr; Báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, trong những năm gần đây việc tuyển dụng giảng viên giảng dạy chuyên ngành CNTT của Trường gặp nhiều khó khăn [H06.3.010].

2. Điểm mạnh

Quy trình về việc tuyển dụng và lựa chọn GV được xây dựng theo các tiêu chí chặt chẽ và phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển dụng GV giảng dạy chuyên ngành CNTT gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường xây dựng cơ chế thu hút đặc thù đối với giảng viên một số ngành trong đó có giảng viên ngành CNTT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Căn cứ vào Đề án vị trí việc làm, Nhà trường đã ban hành Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm, Quy định về chế độ làm việc của GV Trường ĐHTTr [H06.4.001], [H06.4.002], [H06.4.003]. Năng lực của đội ngũ GV được xác định là các năng lực giảng dạy; năng lực nghiên cứu khoa học; năng lực xây dựng và thiết kế CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các PP giảng dạy trong kiểm tra đánh giá; năng lực sử dụng và áp dụng CNTT trong các hoạt động chuyên môn; năng lực tự giám sát và đánh giá chất lượng công việc; năng lực tư vấn và kết nối các bên liên quan...

Các năng lực đó có các tiêu chí xác định cụ thể hơn trong các văn bản như: các tiêu chí xác định đối với năng lực NCKH được quy định trong quy chế hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường; các tiêu chí xác định năng lực về xây dựng và thiết kế CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng PP giảng dạy được quy định trong các văn bản về hồ sơ chuyên môn của GV; tiêu chí về năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học được xác định trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường; tiêu chí về năng lực tự giám sát và đánh giá chất lượng của GV được thể hiện qua các tiêu chí bình xét thi đua và đánh giá viên chức hằng năm; năng lực tư vấn và kết nối các bên liên quan được thực hiện theo văn bản quy định về công tác cố vấn học tập và các hoạt động tư vấn đào tạo cụ thể [H06.4.004], [H06.4.005], [H06.4.006], [H06.4.007], [H06.4.008].

Dựa trên việc xác định các năng lực chung đó, năng lực của GV Bộ môn Tin học được đánh giá thông qua kết quả thực hiện các hoạt động chuyên môn cụ thể: đối với hoạt động NCKH là các sản phẩm khoa học của GV được công bố, các sản phẩm khoa học của sinh viên được GV hướng dẫn; đối với hoạt động giảng dạy bên cạnh việc thực hiện đúng nội quy, quy định thì việc đánh giá năng lực giảng dạy còn được thông qua kết quả dự giờ, phiếu đánh giá, tổng hợp giờ dạy của GV, các kế hoạch và

kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc học phần; với hoạt động xây dựng và thiết kế CTDH của GV được thực hiện thường xuyên như rà soát đề cương học phần, rà soát tài liệu học tập, rà soát chỉnh sửa CTĐT các phiên bản năm 2020, 2022 theo kế hoạch chung của Nhà trường; các hoạt động tư vấn như tư vấn về học tập, tư vấn tuyển sinh cũng được thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường. [H06.4.009], [H06.4.010], [H06.4.011], [H06.4.012]. Tuy nhiên, năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV còn chưa thực hiện thường xuyên.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình và biểu mẫu đánh giá năng lực của GV [H06.4.007]. Việc đánh giá được thực hiện 02 lần/năm vào cuối năm học (tháng 7) và cuối năm (tháng 12). Văn phòng làm đầu mối triển khai, hướng dẫn các đơn vị. Trình tự đánh giá GV được thực hiện như sau: Trình tự thủ tục đánh giá GV được thực hiện qua các bước: 1) Văn phòng thông báo kèm theo công văn hướng dẫn đánh giá, mẫu phiếu chấm điểm, khung tiêu chí đánh giá viên chức; 2) Viên chức tự đánh giá, phân loại vào các phiếu mẫu và tự chấm điểm; 3) Tổ chức họp Khoa để tập thể nhận xét và đánh giá về GV và lãnh đạo Khoa trực tiếp quản lý nhận xét, đánh giá vào bản tự đánh giá, xếp loại của từng GV; 4) Khoa tổng hợp phiếu đánh giá, kèm biên bản họp của khoa nộp cho Văn phòng; 5) Văn phòng tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại để trình Hội đồng thi đua Nhà trường họp xét và ra quyết định công nhận. [H06.4.013], [H06.4.014]. Giai đoạn 2019 - 2024, kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV Bộ môn Tin học cho thấy 100% GV đạt các danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến trở lên, 100% GV hoàn thành tốt nhiệm vụ [H06.4.015]. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá theo đúng quy định, đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Hoạt động giảng dạy và NCKH của GV trong Bộ môn Tin học được đánh giá thường xuyên và tạo động lực cho sự phát triển của đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường và Bộ môn Tin học xây dựng kế hoạch tổ

chức các cuộc hội thảo chuyên môn để GV mở rộng khả năng kết nối với các nhà khoa học, các đơn vị tuyển dụng, các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo CNTT.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Căn cứ vào Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr trong từng giai đoạn cũng như để triển khai mục tiêu phát triển nguồn nhân lực. [H06.5.001], [H01.1.009], Bộ môn Tin học, Khoa Sư phạm đã xây dựng Chiến lược phát triển của Bộ môn trong đó việc phát triển đội ngũ giảng viên là một trong những chiến lược quan trọng. Hằng năm, Nhà trường gửi văn bản đề nghị các đơn vị trực thuộc rà soát, đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên [H06.5.002], [H06.5.003]. Để thực hiện các văn bản đó Khoa đã tổ chức triển khai rà soát, lấy ý kiến của đội ngũ GV về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ từ năm 2019 - 2024 [H06.5.004].

Bên cạnh các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chung của Nhà trường, để đáp ứng theo yêu cầu giảng dạy ngày càng cao của CTĐT ngành CNTT, Khoa luôn tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn như các lớp bồi dưỡng giảng viên chính, các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, lớp bồi dưỡng Lý luận chính trị trình độ cao cấp, trung cấp và được cấp văn bằng, chứng chỉ sau mỗi khóa học [H06.5.005], [H06.5.006].

Trong vòng 5 năm của chu kỳ KĐCL giáo dục, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV trong Bộ môn Tin học được triển khai thực hiện. Đối với việc phát triển đội ngũ đạt chuẩn học hàm, học vị, GV giảng dạy của Bộ môn có 01 Phó giáo sư, tiến sĩ; 02 GV đang nghiên cứu sinh và 4 GV có trình độ Thạc sĩ.

Bảng 6.5.1. Trình độ giảng viên của Bộ môn Tin học giai đoạn 2019-2024

TT	Năm	Tổng số GV	Trình độ của GV			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đang NCS	Ghi chú
1	2019 - 2020	7	01	6	0	
2	2020 - 2021	8	02	6	0	

3	2021- 2022	8	02	6	0	
4	2022 - 2023	7	01	6	0	
5	2023 - 2024	7	01	4	02	

Số GV của Bộ môn có nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường ngày càng tăng cao. Cụ thể, trong giai đoạn 2019 - 2024, GV được tham gia các lớp bồi dưỡng giảng viên chính (03 GV), bồi dưỡng chính trị trình độ trung cấp Lý luận chính trị (03 GV), cao cấp Lý luận chính trị (01 GV), bồi dưỡng lãnh đạo cấp khoa phòng (01 GV), lớp cử nhân văn bằng 2 tiếng Anh (03 GV), đăng ký đi nghiên cứu sinh (02 GV), 100% GV thường xuyên được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực phát triển chương trình đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học. Một số GV tham gia giảng dạy ngành sư phạm được tham gia tập huấn về đổi mới chương trình sách giáo khoa phổ thông do Bộ GD &ĐT tổ chức [H06.5.007]. Tuy nhiên, còn có một số GV của bộ môn trong độ tuổi đi học nghiên cứu sinh nhưng chưa sắp xếp được công việc cá nhân để đi học.

Hàng năm, Văn phòng được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức, GV của các đơn vị, tổng hợp trình BGH [H06.5.008]. Đối với GV Bộ môn Tin học, kết quả hoàn thành định mức giảng dạy, định mức NCKH của GV và việc tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của tất cả GV được Lãnh đạo Khoa giám sát và đánh giá phân loại chất lượng GV hàng năm. [H06.5.009]. Kết quả này sẽ là tiêu chí để Khoa xét danh hiệu thi đua trong năm học [H06.5.010], [H06.5.011]. Căn cứ vào báo cáo việc thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV trong Bộ môn, Văn phòng tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng phát triển của Nhà trường theo từng năm [H06.5.012].

2. Điểm mạnh

Bộ môn Tin học đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV.

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa chủ động trong việc học tập nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Nhà trường, Khoa và Bộ môn tạo điều kiện để GV trong độ tuổi ký cam kết đi học nghiên cứu sinh.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và PVCĐ, trên cơ sở đó, Bộ môn Tin học dựa trên các văn bản chỉ đạo của Khoa Khoa học cơ bản, nay là khoa Sư phạm, ban hành kế hoạch công tác cụ thể đối với đơn vị gồm: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, phân công chuyên môn, kế hoạch về NCKH và các hoạt động chuyên môn khác để phục vụ hoạt động đào tạo ngành CNTT. Căn cứ kế hoạch của Bộ môn, mỗi GV xây dựng kế hoạch cá nhân gồm: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ NCKH, hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác liên quan đến việc thực hiện CTĐT ngành CNTT [H06.6.001], [H06.6.002], [H06.6.003], [H06.6.004].

Trong năm học, Trưởng bộ môn tổ chức quản lý, giám sát GV theo kế hoạch đã thống nhất. Kết thúc năm học, GV thống kê khối lượng công việc của cá nhân theo thực tế thực hiện về các hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác như: cố vấn học tập, dự giờ đồng nghiệp, tham gia công tác tuyển sinh, công tác đoàn thể, hướng dẫn sinh viên NCKH... gửi báo cáo về Bộ môn. Bộ môn Tin học tiến hành họp để nghiệm thu khối lượng công việc thực tế của GV, sau đó gửi kết quả về Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nghiệm thu định mức lao động của GV, đồng thời làm cơ sở đánh giá GV trong năm học [H06.6.002], [H06.6.003], [H06.6.004], [H06.6.005].

Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại CBVC, người lao động gồm: Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; Quy định thi đua, khen thưởng; Quy chế chi tiêu nội bộ. Trong các văn bản quy định rất cụ thể về tiêu chí đánh giá viên chức, người lao động, các phiếu định lượng đánh giá tập thể, từng cá nhân hàng tháng, năm học hoặc theo năm, mức khen thưởng... [H06.6.006], [H06.6.007], [H06.6.008]. Đối với phiếu đánh giá, xếp loại CBVC có thang điểm 100, bảng tiêu chí đánh giá cụ thể gồm 17 tiêu chí đối với CBVC các phòng, trung tâm, khoa; 14 tiêu chí đối với CB giảng dạy, giáo viên thực hành. Căn cứ các văn bản này, hàng quý Trưởng Bộ môn tổ chức họp để đánh giá

xếp loại viên chức gửi Văn phòng tổng hợp. Quy định tiêu chí xếp công A (từ 80 điểm trở lên), tiêu chí xếp công B (từ 60 đến <80 điểm), tiêu chí xếp công C (từ 50 đến <60 điểm, không xét (dưới 50 điểm). Cuối năm và cuối năm học Văn phòng tổng hợp kết quả bình xét GV của các đơn vị, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét và ra quyết định thi đua khen thưởng đối với đội ngũ GV, đồng thời làm căn cứ chi tăng thu nhập cho GV [H06.6.010], [H06.6.011].

Kết quả xét thi đua đối với tập thể và cá nhân GV giảng dạy CTĐT ngành CNTT giai đoạn 2020-2024 cho thấy, một số GV bộ môn được nhận giấy khen các cấp, được khen thưởng về thành tích trong hoạt động chuyên môn và cống hiến cho cộng đồng, được nâng bậc lương trước thời hạn; tỷ lệ CBVC hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 15%, hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85%, [H06.6.010], [H06.6.011]. Kết quả đánh giá cho thấy việc quản trị các hoạt động giảng dạy và NCKH đối với GV được thực hiện hiệu quả.

Hàng năm, Khoa Sư phạm tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm và khảo sát ý kiến của GV về kết quả đánh giá năng lực GV. Kết quả khảo sát cho thấy 100% GV đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, tính đến tháng 12/2024, Khoa và Nhà trường chưa nhận được ý kiến hoặc đơn thư khiếu nại nào về kết quả đánh giá, phân loại, bình xét thi đua khen thưởng [H06.6.009], [H06.6.012]. Công tác thi đua khen thưởng đã động viên khuyến khích GV tích cực tham gia hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ, đóng góp vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, bộ môn chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị các hoạt động giảng dạy và NCKH đối với GV được thực hiện chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn Tin học chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Bộ môn tự xây dựng hoặc đề xuất Khoa Sư phạm xây dựng được kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của đội ngũ GV, Nghiên cứu viên được thể hiện trong Quy định Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHTTr. Loại hình NCKH bao gồm: tham gia các chương trình, đề án, dự án, đề tài KHCN; viết giáo trình, tài liệu khoa học, sách chuyên khảo; viết bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, báo cáo trên kỷ yếu hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học; biên dịch ấn phẩm khoa học; tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của CBGV; tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật, hướng dẫn sinh viên NCKH... [H06.1.001]. Khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN (Điều 5) và Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHTTr (Điều 2). Theo đó, GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với các chức danh GV được quy định cụ thể như sau: GV cao cấp: 310 giờ; GV chính: 225; GV: 195. Kết quả NCKH của GV được quy đổi ra giờ chuẩn làm căn cứ thực hiện đánh giá, đối sánh, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; Nhà trường cho phép GV bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ NCKH [H6.1.002].

Hoạt động NCKH của GV được tổ chức thực hiện và giám sát như sau: Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ NCKH tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường [H06.7.004]. Bộ môn Tin học căn cứ văn bản chỉ đạo của Khoa Sư phạm triển khai kế hoạch tới toàn thể GV, mỗi GV đăng ký nhiệm vụ NCKH của năm học đảm bảo thực hiện đủ khối lượng NCKH theo đúng quy định của Nhà trường [H06.7.005]. Trong năm học, Phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học của GV và tham mưu thành lập các tiểu ban, hội đồng nghiệm thu, đánh giá sản phẩm NCKH [H06.7.006], [H06.7.007]. Chất lượng NCKH của đội ngũ CBGV được đánh giá thông qua chất lượng các sản phẩm khoa học mà CBGV đó đạt được, được thể hiện điểm số của các tiểu ban/hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài, giáo trình/tài liệu, sáng kiến cơ sở; đối với sách chuyên khảo, chất lượng được đánh giá bằng uy tín của nhà xuất bản; chất

lượng của báo cáo trên kỷ yếu hội thảo được đánh giá bằng uy tín của hội thảo khoa học; chất lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học được đánh giá bằng uy tín của tạp chí khoa học đó [H6.1.003]. Kết quả đánh giá được qui đổi ra giờ chuẩn, đối chiếu với định mức giờ chuẩn theo quy định để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng [H06.7.008]. Cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của CBGV được lưu giữ và cập nhật hằng năm tại Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp của Trường. Danh sách sản phẩm khoa học được thông báo công khai đến từng đơn vị và CB, GV và được cập nhật thường xuyên trên website của Nhà trường [H06.7.006]. Trong chu kỳ đánh giá, kết quả nghiệm thu cho thấy: 100% GV trong Khoa hoàn thành đủ và vượt mức định mức nghiên cứu khoa học [H06.6.009]. Một số sản phẩm NCKH của GV giảng dạy CTĐT ngành CNTT có tính ứng dụng cao, được áp dụng vào giảng dạy. Trong giai đoạn 2020-2024, các GV giảng dạy CTĐT ngành CNTT có nhiều công trình NCKH, cụ thể:

Bảng 6.7.1. Sản phẩm NCKH của GV giảng dạy CTĐT ngành CNTT qua các năm

Năm học/loại hình nghiên cứu		2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	Tổng cộng
<i>Đề tài khoa học</i>	Đề tài cấp Trường	02	02	02	02	08
	Đề tài cấp Nhà nước			01		01
<i>Bài báo khoa học</i>	Đăng trong nước	03	03	03	03	12
	Đăng nước ngoài bao gồm cả ISI và SCOPUS	10	10	10	10	40
<i>Tài liệu tham khảo, giáo trình xuất bản, TLTK lưu hành nội bộ</i>		01	02	02	01	7
<i>Bài Hội thảo quốc tế</i>		02	02	02	02	08
<i>Bài Hội thảo trong nước</i>		0	01	01	01	04

<i>Sáng kiến kinh nghiệm</i>		01	01		02
Tổng cộng	18	21	21	19	79

Kết quả trên cho thấy trong giai đoạn 2020 - 2024, GV của Bộ môn Tin học đã tích cực đẩy mạnh hình thức và khối lượng sản phẩm NCKH. Hình thức viết báo trong nước, báo quốc tế được quan tâm thực hiện nhiều hơn, trong đó đã có bài báo thuộc danh mục ISI và SCOPUS (07 bài). Viết giáo trình, tài liệu tham khảo cũng được thực hiện tốt nhằm có tài liệu phù hợp cho công tác đào tạo của Trường.

Bảng 6.7.2. Đối sánh sản phẩm khoa học của GV Bộ môn Tin học với các đơn vị khác trong Nhà trường của năm học 2022 - 2023

	Đề tài NCKH cấp Trường	Giáo trình/ TLTK	Bài báo ISI, Scopus	Bài báo khoa học đăng tạp chí/kỷ yếu hội thảo trong nước	Bài báo khoa học đăng tạp chí/kỷ yếu hội thảo nước ngoài	Sáng kiến kinh nghiệm
Bộ môn Tin học	2	5	7	04	08	02
Khoa Sư phạm	4	2		15	6	
Khoa - Nông - Lâm - Ngư nghiệp	5	1		9	0	
Khoa Chính trị và Tâm lý giáo dục	2	2		39	5	1
Khoa Y - Dược	5	1	1	14	2	1

Nhà trường đã thực hiện đối sánh về loại hình, số lượng các sản phẩm NCKH của CBGV trong Trường với một số trường đại học trong nước và quốc tế: Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Hạ Long, Trường Đại học Quảng Bình, Trường Mabalacat City College (Philippine), Trường Sakon Nakhon Rajabhat University (Thái Lan). Kết quả đối sánh cho thấy Trường ĐHTTr có tỷ số xếp thứ hai đối với các Trường Đại học Hùng Vương và Trường Đại học Hạ Long, qua đó cho thấy số lượng các sản phẩm NCKH của GV Nhà trường khá tốt. Tuy nhiên, kết quả đối sánh với các

trường quốc tế cho thấy Trường ĐHTTr có tỷ số thấp nhất về số lượng bài báo ISI, Scopus và các chỉ số khác [H23.1.019]. Giảng viên của Bộ môn Tin học thực hiện việc đối sánh kết quả NCKH với giảng viên bộ môn/khoa khác để tự ý thức, rút kinh nghiệm, từng bước nâng cao chất lượng, số lượng, đa dạng hoá hình thức NCKH của mỗi GV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các văn bản quy định rõ ràng về loại hình và số lượng sản phẩm NCKH của GV. Giảng viên bộ môn Tin học rất tích cực trong công tác NCKH, có nhiều bài báo quốc tế, đặc biệt là bài báo ISI và SCOPUS. Thêm vào đó bộ môn còn có GV tham gia nhiều hội thảo trong nước và quốc tế. Đặc biệt, có GV bộ môn Tin học có công trình NCKH cấp nhà nước và có 01 GV được Hội đồng Giáo sư Nhà nước phong học hàm Phó Giáo sư năm 2024.

3. Điểm tồn tại

Số đề tài NCKH cấp trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Bộ môn Tin học tích cực vận động giảng viên đi học tiến sĩ, trên cơ sở đó giảng viên nâng cao kỹ năng viết báo, tham gia hội thảo quốc tế, tham gia nghiên cứu thêm các đề tài NCKH cấp trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6: Thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐHTTr, Khoa Sư phạm luôn coi trọng công tác phát triển đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Những năm qua, Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế rõ ràng, chặt chẽ, công khai, minh bạch về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GV, Nghiên cứu viên của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện hiệu quả đã tạo động lực cho GV của Bộ môn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của CTĐT ngành CNTT. Tuy nhiên, tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ và chức danh GV chính còn thấp. Do đó, Khoa và Bộ môn cần có kế hoạch và giải pháp để thúc đẩy GV đi học nghiên cứu sinh cũng như tham gia các khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 6 có 5/7 tiêu chí đạt 5/7, 2/7 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Trường ĐHTTr thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chuẩn tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai. Định kỳ hằng năm, Nhà trường thực hiện việc rà soát nhu cầu về đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên để có hình thức khen thưởng phù hợp, tạo động lực và hỗ trợ cho nhân viên góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã đánh giá thực trạng của Nhà trường về nguồn nhân lực, về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD, CSVC và đưa ra các mục tiêu, giải pháp phát triển toàn diện Nhà trường, trong đó có các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch phát triển đội ngũ của Nhà trường theo lộ trình từng năm [H07.1.001]. Năm 2023, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá lại Chiến lược, cụ thể: đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu và chỉ tiêu của giai đoạn năm 2018 đến 2022, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng trường điều chỉnh mục tiêu và các chỉ tiêu chính cho phù hợp với Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 - 2025 [H07.1.002]. Trường ĐHTTr đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-ĐHTTr về việc Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến 2030, Hội đồng trường Trường ĐHTTr đã ban hành Nghị quyết số 888/NQ-HĐTTĐHTTr về việc sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển của Trường ĐHTT cho phù hợp với hoạt động thực tế và yêu cầu phát triển của Nhà trường trong những năm tiếp theo. Trong đó xác định đến năm 2025 có 30% giảng viên có trình độ tiến sĩ, 70% giảng viên có trình độ thạc sĩ, đến năm 2030 có 40% giảng viên là TS, 60% GV là thạc sĩ; không còn GV có trình độ đại học. [H07.1.003], [H07.1.004].

Chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên của Trường ĐHTT được thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Định kỳ có điều chỉnh, bổ sung

[H07.1.005]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có quy định các chính sách về lương, phụ cấp và các chế độ khác nhân viên được hưởng như: chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ phép, tham quan học tập kinh nghiệm; chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho cán bộ, nhân viên, kỹ thuật viên trực tiếp làm việc tại các đơn vị không có phụ cấp đứng lớp: 350.000 đồng/tháng; chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho CB, nhân viên, kỹ thuật viên trực tiếp làm việc tại phòng nuôi cấy mô: 500.000 đồng/tháng; nhân viên thí nghiệm, thư viện chưa được bổ nhiệm ngạch, nhân viên thường xuyên tiếp xúc với hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, môi trường độc hại được hỗ trợ phụ cấp độc hại 6.000 đồng/ngày làm việc thực tế; thư viện viên, thư viện viên chính được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm hệ số 0,2. Đội ngũ nhân viên được bình xét thi đua khen thưởng theo năm học, kết quả thi đua là căn cứ để xét nâng bậc lương trước thời hạn [H07.1.006]. Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; căn cứ vào đó, những nhân viên có nhu cầu đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đều được Trường tạo điều kiện cử đi học [H07.1.007], [H07.1.008].

Việc quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm vào các vị trí Lãnh đạo quản lý, GV, nhân viên đều thực hiện thực hiện dựa trên những văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, căn cứ vào nhu cầu công việc; đảm bảo khách quan, công bằng; đúng vị trí, đủ điều kiện và đúng tiêu chuẩn. Hằng năm, Đảng ủy Nhà trường đều có quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch các chức danh viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc. [H07.1.009], [H07.1.010], [H07.1.011], [H07.1.012].

Các văn bản trên đều được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử và gửi cho các đơn vị trong trường. Quy trình quy hoạch lãnh đạo quản lý và viên chức đều được thực hiện theo đúng quy định.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, phát triển nguồn nhân lực có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ CB quản lý, GV, nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện dựa trên việc phân tích thực trạng nguồn nhân lực hiện có, cũng như nhu cầu sử dụng nhân sự của Nhà trường. Căn cứ thực trạng đội ngũ viên chức gắn với chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, ban hành

Khung năng lực vị trí việc làm, trong đó có quy định rõ các tiêu chí cụ thể về năng lực, kỹ năng, yêu cầu hiểu biết về chuyên môn, tiêu chuẩn trình độ cho từng vị trí từ Hiệu trưởng, các thành viên trong ban giám hiệu, chuyên viên các phòng ban, nhân viên y tế, bảo vệ, lái xe, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp... [H07.1.013], [H07.1.014]. Nguồn nhân lực hiện nay được Nhà trường quy hoạch đủ để đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ như: 100% viên chức trong Nhà trường đều đạt chuẩn về trình độ, trong đó có 23,5% viên chức đạt mức trên chuẩn, cụ thể: 70 giảng viên chính, chuyên viên chính/200 viên chức, chiếm 35 %; 44 tiến sĩ /200 viên chức đạt 22%; 131 thạc sĩ/200 viên chức đạt 65,5%. Hiện tại đang có 12 nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước.

Tính đến năm 2024, tổng số nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo trong toàn trường là 110 người. Số nhân viên này có nhiệm vụ hỗ trợ chung cho tất cả các hoạt động đào tạo của Trường nói chung và ngành CNTT nói riêng [H07.1.015]. Trình độ của đội ngũ nhân viên được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng, trình độ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ chung toàn Trường

TT	Đội ngũ nhân viên	Trình độ					Tổng số
		Khác	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
1	Nhân viên thư viện			6	2		8
2	Nhân viên, kỹ thuật viên Trung tâm Tin học - ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp		2	4		1	7
3	Nhân viên Trung tâm Thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ	9	1	7	6	1	24
4	Nhân viên Hành chính - Tổ chức	16	3	8	6		33
5	Nhân viên Đào tạo - Quản lý khoa học - Thanh tra - Tâm lý			2	6		8
6	Nhân viên tài chính - cơ sở vật chất			7	2		9
7	Công tác sinh viên			7	2		9
8	Nhân viên y tế	5	4	3			12
	Tổng cộng	30	10	44	24	2	110

Đến nay, đội ngũ nhân viên có nhiều biến động: nhiều GV cơ hữu có trình độ cao và kinh nghiệm lâu năm chuyển công tác, người mới tuyển dụng tuy chưa có bề dày kinh nghiệm nhưng đúng vị trí việc làm, đạt chuẩn về trình độ vẫn đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định và nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ. [H07.1.016].

Nhân viên của Nhà trường có nhiệm vụ hỗ trợ chung cho tất cả các hoạt động đào tạo của Trường. Với đội ngũ đó, Nhà trường có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Để đánh giá chính xác mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, Hằng năm, Nhà trường yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên thông qua các cuộc khảo sát. Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị cho thấy về cơ bản đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H07.1.017]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên được thực hiện chủ yếu bằng hình thức phiếu khảo sát.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên đảm bảo yêu cầu về vị trí việc làm, đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa đa dạng về hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tham mưu với đơn vị Văn phòng trong việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bằng nhiều hình thức.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHTTr, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm xác đã xác định rõ năng lực, kinh nghiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm cho từng vị trí lãnh đạo, quản lý và các vị trí của giảng viên, nhân viên, làm cơ sở cho việc tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ [H07.1.012]. Năm 2016, Nhà trường đã ban hành Quy định về tuyển dụng, năm 2021 sửa đổi, bổ sung lần

1, năm 2024 được chỉnh sửa bổ sung và đổi tên thành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động với các quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch [H07.2.001]. Văn bản đã quy định cụ thể nguyên tắc tuyển dụng, phương thức tuyển dụng, các tiêu chuẩn tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Khi có nhu cầu tuyển dụng, Nhà trường có thông báo tuyển dụng, trong đó ghi rõ các tiêu chí tuyển dụng, số lượng viên chức cần tuyển dụng cho từng vị trí kèm theo các tiêu chuẩn, cụ thể về trình độ chuyên môn, đối tượng tuyển dụng, nội dung thi tuyển, các yêu cầu về hồ sơ dự tuyển và thông báo công khai. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau.

Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý, năm 2021 được điều chỉnh bổ sung lần 1 [H07.2.002]; năm 2024 chỉnh sửa bổ sung và đưa vào Chương IV Mục 2 của Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động của Trường Đại học Tân Trào [H07.2.001], trong đó quy định chi tiết về tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và sắp xếp nhân sự như sau: đối với công tác bổ nhiệm: quy định thời hạn giữ chức vụ theo khoản 23 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP [H07.2.003], điều kiện về trình độ đào tạo, quy định về quy hoạch nhân sự, công khai minh bạch lý lịch cá nhân, kê khai tài sản, tuổi bổ nhiệm... Quy định rõ trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác bổ nhiệm viên chức quản lý; thực hiện trình tự, thủ tục bổ nhiệm theo khoản 25 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP... Đối với công tác bổ nhiệm lại, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP [H07.2.004]; (kèm theo quy trình, thủ tục, hồ sơ và các biểu mẫu hướng dẫn thực hiện). Trong giai đoạn đánh giá ngoài 2019-2023, Nhà trường đã bổ nhiệm 28 viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị (trong đó có 17 người có trình độ tiến sĩ, 10 thạc sĩ và 01 ĐH) và bổ nhiệm lại 55 vị trí đối với viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị (trong đó có 24 tiến sĩ, 31 thạc sĩ) [H07.2.005], [H07.2.006]. Các viên chức lãnh đạo được bổ nhiệm đều nằm trong danh sách quy hoạch Hằng năm [H07.1.015]. Tại thời điểm đánh giá ngoài, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế đều có học vị Tiến sĩ; Trưởng các khoa chuyên môn và trưởng các bộ môn các bộ môn chuyên ngành thuộc các ngành đào tạo có cấp văn bằng của Nhà trường đều có học vị tiến sĩ [H07.2.007].

Các văn bản về tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên đều được thông báo công khai trên Website của Trường và được gửi tới các đơn vị trong Trường để trưởng các đơn vị thông báo, triển khai, quán triệt đến đơn vị mình. Riêng thông báo về tuyển dụng được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang và trên Báo Tuyên Quang, niêm yết tại bảng tin của Trường và được gửi tới tất cả các đơn vị trong Trường [H07.2.008].

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Nhà trường đã tuyển dụng được 51 người, trong đó viên chức có trình độ TS là 04 người, trình độ ThS là 40 người, trình độ ĐH là 07 người, Trung cấp là 01 người; đã có 19 người chuyển công tác, trong đó có 08 TS, 10 ThS và 01 ĐH. Trong số tuyển dụng mới có 04 Thạc sỹ được xét tuyển đặc cách.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ ràng và phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đẩy mạnh thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên bằng nhiều hình thức.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Căn cứ vào các nghị định của chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật về hướng dẫn đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của Nhà nước [H07.3.001]. Hiệu trưởng đã ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và các quy chế đánh giá viên chức, người lao động, các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTTTr định kì hằng năm trong giai đoạn từ 2020 đến 2024 [H07.3.002]. Văn phòng gửi văn bản về việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động cuối năm tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường. Các khoa, đơn vị phòng ban tự tổ chức họp xét theo thời gian quy định [H07.3.003]. Trong văn bản đã quy định cụ thể về quy trình thủ tục đánh giá năng lực cán bộ, viên chức, người lao động gồm các bước như sau:

Bước 1: Cán bộ, viên chức, người lao động tự đánh giá; tự chấm điểm theo từng tiêu chí đánh giá tương ứng của Bộ Tiêu chí đánh giá và phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, tự nhận mức xếp loại. [H07.3.003].

Bước 2: Hội nghị phòng, ban, khoa, trung tâm và tương đương thảo luận, đánh giá, nhận xét về ưu điểm, nhược điểm, chấm điểm và đề xuất đánh giá, xếp loại đối với viên chức, người lao động được đánh giá trong đơn vị. Căn cứ vào kết quả đánh giá và đề xuất xếp loại đó, lãnh đạo phòng, ban, khoa, trung tâm và tương đương thực hiện hiện đánh giá, xếp loại đối với viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, làm Đề nghị lãnh đạo trường công nhận kết quả đánh giá xếp loại đơn vị và viên chức người lao động. Sau đó, đơn vị tổng hợp hồ sơ gửi về bộ phận văn phòng.

Bước 3: Đơn vị Văn phòng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động của các đơn vị và trình tại Hội nghị tập thể lãnh đạo Trường nhận xét, đánh giá và xếp loại đối với viên chức và người lao động. Tập thể lãnh đạo Trường quyết định xếp loại viên chức và người lao động và quyết định số lượng cá nhân được xếp loại “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tại các đơn vị trực thuộc theo nguyên tắc không vượt quá 20% số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo và người lao động được xếp loại “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*”.

Nhà trường căn cứ trên kết quả họp xét, ra quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo năm học trong giao đoạn 2020-2025 [H07.3.004].

Để đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên, người lao động. Nhà trường sử dụng Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động, trong đó quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, thái độ phục vụ nhân dân, doanh nghiệp. Đội ngũ nhân viên được đánh giá, phân loại cuối năm ở 04 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn dựa trên ý kiến của lãnh đạo, CB, nhân viên khác tại các cuộc họp đánh giá, phân loại CB, xét thi đua khen thưởng của đơn vị và Nhà trường.

Năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá khách quan, là căn cứ để bình xét thi đua Hằng năm. Kết quả đánh giá, xếp loại cho thấy, đội ngũ nhân viên

trong Nhà trường có năng lực năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm, cụ thể: 100% nhân viên đều hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó 20% cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hằng năm, trên 80% đội ngũ nhân viên của Nhà trường đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên. Đó là sự ghi nhận của Nhà trường đối với những thành tích, đóng góp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Các nhân viên đều hài lòng với kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm của Nhà trường dựa trên quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại các đơn vị trực thuộc viên chức và lao động hợp đồng, lao động hợp đồng 68 kết quả đánh giá, xếp loại các đơn vị trực thuộc viên chức và lao động hợp đồng, lao động hợp đồng theo Nghị định 68 [H07.3.005].

Bên cạnh đó tất cả viên chức, người lao động bao gồm cả nhân sự tham gia hệ thống quản trị của Nhà trường đều được đánh giá xếp loại lao động theo 03 mức (A, B, C). Cuối năm, nhân sự tham gia hệ thống quản trị (những người có hệ số quản lý) được đánh giá các nội dung theo Phiếu chấm điểm theo tiêu chí đánh giá cán bộ, với tổng tiêu chí 100 điểm. Kết quả đánh giá cho thấy: 94% nhân sự tham gia hệ thống quản trị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Riêng BGH Nhà trường được đánh giá theo Phiếu chấm điểm theo tiêu chí đánh giá cán bộ và lấy ý kiến của các đơn vị phòng, ban, sau đó đánh giá tại Hội nghị Ban Chấp hành, Hội nghị cán bộ chủ chốt nhà trường và theo tiêu chuẩn của Tỉnh ủy đánh giá đối với cán bộ quản lý [H07.3.006]. Hằng năm, Nhà trường còn đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên bằng hình thức khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H07.3.007] và nhân viên phục vụ thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ GV và người học. Tuy nhiên, các phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn chưa đa dạng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được quy trình, công cụ đánh giá đội ngũ nhân viên với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ và nhân viên phục vụ chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Nhà trường cần đa dạng các phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã đánh giá thực trạng của Nhà trường về nguồn nhân lực, về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD, CSVC và đưa ra các mục tiêu, giải pháp phát triển toàn diện Nhà trường, trong đó có các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch phát triển đội ngũ của Nhà trường theo lộ trình từng năm. Chiến lược đã chỉ rõ “*nhu cầu bồi dưỡng viên chức Hằng năm ước khoảng 20 người/năm, trong đó 1/3 đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài, 2/3 trong nước cho giai đoạn 2018-2021; 2022-2030 đào tạo bồi dưỡng ước khoảng 50 người/năm, trong đó 1/2 ở nước ngoài*” [H07.4.001]. Trên cơ sở đó và các yêu cầu của vị trí việc làm, Hằng năm Nhà trường ban hành công văn về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường để rà soát, thống kê những GV, nhân viên trong độ tuổi đi học nâng cao trình độ [H07.4.002]. Hằng năm, các đơn vị căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, nhân viên của đơn vị để lập biểu thống kê gửi về Văn phòng tổng hợp [H07.4.003].

Năm 2023, thực hiện công văn 191/CV-ĐHTTr v/v góp ý kiến chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018-2025 định hướng đến 2030 [H07.4.004(1/5)]. Nhà trường thành lập ban chỉ đạo thực hiện rà soát, điều chỉnh và bổ sung Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr theo Quyết định số 276/QĐ-ĐHTTr [H07.4.004(2/5)], và thành lập các tổ giúp việc cho ban chỉ đạo [H07.4.004(3/5)], trên cơ sở đó nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá lại Chiến lược, cụ thể: đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu và chỉ tiêu của giai đoạn năm 2018 đến 2022, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân và đề nghị Hội đồng trường tổ chức họp hội nghị [H07.4.004(4/5)] để lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh mục tiêu và các chỉ tiêu chính cho phù hợp với Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 - 2025 [H07.4.004(5/5)]. Trường ĐHTT đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-ĐHTTr về việc Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến 2030, Hội đồng trường Trường ĐHTTr đã ban hành Nghị quyết số 888/NQ-HĐTTĐHTTr về việc sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển của Trường ĐHTTr cho phù hợp với hoạt động thực tế và yêu cầu phát triển của Nhà trường trong những năm tiếp theo. Trong

đó xác định đến năm 2025 có 30% giảng viên có trình độ tiến sĩ, 70% giảng viên có trình độ thạc sĩ, đến năm 2030 có 40% giảng viên là TS, 60% GV là thạc sĩ; không còn GV có trình độ đại học.

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu và căn cứ vào chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, Hằng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, bao gồm đào tạo nội bộ do nhà trường tổ chức và đào tạo bên ngoài trường. Bên cạnh bồi dưỡng chung của trường, nhân viên của các đơn vị còn tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị [H07.4.005]. Để khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực học tập nâng cao trình độ, Nhà trường đã có những chính sách đãi ngộ và ban hành trong Quy chế chi tiêu nội bộ giai đoạn 2019 - 2021, trong mục V điều 2 có xác định ngân sách chi cho công tác tổ chức cho cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu thực tế, bồi dưỡng, học tập trong và ngoài nước để bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nguồn chi từ Quỹ phát triển sự nghiệp giáo dục mức chi tùy thuộc vào khả năng tài chính của năm học (p.8) [H07.4.006(1/5)], mức chi cho hoạt động này đã được đề cập rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHTTr giai đoạn 2022-2025 bằng mức chi cụ thể tại phần XVI mục 2 khoản b trong quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHTTr giai đoạn 2019-2021 chỉnh sửa bổ sung năm 2020 (p.25) [H07.4.00(2/5)], trong quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHTTr giai đoạn 2022-2025 mức chi cho hoạt động này là 30% chi hỗ trợ đào tạo sau đại học và nghiên cứu sinh trích từ nguồn kinh phí sử dụng nguồn học phí và kinh phí hỗ trợ (mục 1, phần còn lại, p.32) [H07.4.006(3/5)]. Để động viên và khuyến khích hơn nữa việc học tập và nâng cao trình độ của cán bộ giảng viên, người lao động thì trong quyết định về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ giai đoạn 2019-2021 chỉnh sửa và bổ sung thực hiện năm 2021 có quy định rõ mức hỗ trợ thêm cho cá nhân đi học tại khoản b mục 2 điều 24 chi học tập, bồi dưỡng, thu hút có quy định rõ và mức hỗ trợ này được duy trì ở cả những giai đoạn tiếp theo 2022-2025 [H07.4.006]. Các văn bản, quyết định cử người đi học được lưu trữ đầy đủ tại Văn phòng.

Trong 5 năm qua, Trường đã cử 01 nhân viên đi đào tạo trình độ Tiến sĩ tại nước ngoài; cử 08 nhân viên đi học Thạc sĩ; cử 12 nhân viên đi học Đại học; cử 12 người tham gia lớp Bồi dưỡng Quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính; cử 12 người tham gia bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị; cử 02 người

tham gia bồi dưỡng Cao cấp Lý luận chính trị; Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 08 người [H07.4.007]. Tuy nhiên, một số nhân viên chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm và chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên, nhân viên chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, các đơn vị cần tăng cường công tác kiểm tra, rà soát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTTr các năm 2019, 2022, sửa đổi tháng 8/2022. Đồng thời, Nhà trường cũng ban hành Quy định chung về về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị Trường ĐHTTr [H07.5.001], [H07.5.002]. Khối lượng công việc của CBVC được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm của Trường và trong Quy định về chế độ làm việc của GV [H07.5.003], [H07.5.004]. Các Quy chế đánh giá viên chức, người lao động và các đơn vị trực thuộc; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; Công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức, người lao động và kết quả thi đua khen thưởng là các văn bản để các đơn vị thực hiện theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc, khen thưởng CBVC về kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao [H07.5.005], [H07.5.006], [H07.5.007], [H07.5.008].

Năm 2014, Trường thành lập Phòng Thanh tra - Pháp chế (nay là Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra) với nhiệm vụ theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công

việc của đội ngũ GV theo quy chế tổ chức và hoạt động của phòng. Phòng có kế hoạch, phân công cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên [H07.5.009]. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch thanh tra nội bộ và kế hoạch thanh tra, kiểm tra hồ sơ chuyên môn. Các nội dung thanh tra, kiểm tra này đều được và báo cáo rõ ràng và đầy đủ [H07.5.010], [H07.5.011], [H07.5.012], [H07.5.013]. Bên cạnh đó, Trường ĐHTTr có quy định về đánh giá xếp loại lao động đối với viên chức, người lao động trong trường để hướng dẫn chấm công lao động hàng tháng đối với toàn bộ GV, nhân viên giúp Nhà trường giám sát, quản lý chặt chẽ việc thực hiện các công việc của đội ngũ nhân viên nhằm tạo động lực trong quá trình công tác và hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động đào tạo [H07.5.014]. Việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên được thể hiện qua việc xếp loại công lao động hàng tháng, hàng quý của đơn vị. Trưởng các đơn vị quản lý lao động có trách nhiệm họp xét về việc xếp loại công lao động của CBVC trong đơn vị. Biên bản bình xét được gửi về Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường xem xét quyết định [H07.5.015].

Căn cứ chương trình công tác năm của Nhà trường, các đơn vị xây dựng Chương trình công tác và triển khai đến toàn thể cán bộ, nhân viên thuộc đơn vị mình. Trên cơ sở phân công nhiệm vụ của đơn vị, các cá nhân xây dựng kế hoạch cá nhân. Trong kế hoạch cá nhân thể hiện rõ khối lượng công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết [H07.5.016]. [H07.5.017]. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của CB, nhân viên thuộc phạm vi quản lý.

Việc xây dựng các văn bản đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên do các phòng tham mưu dự thảo. Quy định về việc đánh giá phân loại viên chức, người lao động cuối năm, Quy định về công tác thi đua khen thưởng, Quy chế chi tiêu nội bộ... đều được Nhà trường triển khai lấy ý kiến của toàn thể CBNV bằng cách gửi văn bản dự thảo đến các đơn vị qua email nội bộ, đăng tải trên Website nhà trường [H07.5.018], [H07.5.019]. Việc góp ý các quy chế, quy định còn được thực hiện tại Hội nghị CB, viên chức, lao động hằng năm [H07.5.020].

Hằng năm, các đơn vị đều tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và lấy ý kiến của đội ngũ nhân viên trong đơn vị về việc thực hiện các nhiệm vụ trong năm học. Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV, nhân viên về kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua. Kết quả cho thấy hầu hết GV, nhân viên

trong Nhà trường đều hài lòng ở mức độ cao với kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu thi đua khen thưởng của Nhà trường. Tính đến 12/2024, chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá. Công tác thi đua khen thưởng đã góp phần khuyến khích, động viên GV, nhân viên tích cực tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Năm 2024, đã thực hiện việc khen thưởng đột xuất đối với một số CBVC tích cực trong công tác phòng chống bão lũ. Tuy nhiên, việc khen thưởng đột xuất còn ít, chủ yếu là khen thưởng định kỳ [H07.5.021], [H07.5.022].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị kết quả công việc của nhân viên được thực hiện hiệu quả. Nhân viên hài lòng về kết quả đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ đa dạng các hình thức khen thưởng để tạo động lực làm việc cho đội ngũ CB, GV, nhân viên trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Khoa đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường, việc tuyển dụng được công bố công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện, khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, Nhà trường có chế độ thi đua khen thưởng phù hợp. Có thể nói, công tác phát triển đội ngũ nói chung, đội ngũ nhân viên nói riêng được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường ĐHTTr giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 7 có 4/5 tiêu chí đạt 5/7 và 1/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Trường ĐHTTr đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể đối với từng ngành đào tạo; phương pháp xét tuyển, thi tuyển công khai; kết quả tuyển sinh

đầu vào ngành CNTT chất lượng tốt. SV ngành CNTT được giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện bởi một hệ thống phù hợp từ cố vấn học tập, GV, các đơn vị liên quan trong nhà trường và hệ thống quản lý bằng phần mềm; hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan Nhà trường sạch, đẹp; trang thiết bị dạy học hiện đại, phù hợp với đặc thù của chuyên ngành CNTT, từ đó nâng cao chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần khẳng định uy tín, thương hiệu về chất lượng đào tạo ngành CNTT của Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển, thời gian tuyển sinh, quy định tuyển thẳng, các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đối với từng đối tượng... cho từng ngành đào tạo. Đối với ngành CNTT, chỉ tiêu năm tuyển sinh đầu tiên (2020) được dự kiến là 30, các năm sau được nâng lên và giữ ổn định 60 chỉ tiêu từ năm 2021 đến nay [H08.1.001]. Quy định tuyển sinh ngành CNTT luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành về tuyển sinh của BGD&ĐT [H08.1.002]. Hàng năm, đề án tuyển sinh của Trường đều được cập nhật các quy định và điều kiện đảm bảo chất lượng theo thực tế của Trường, của ngành đào tạo [H08.1.001]. Bên cạnh đó, tỉnh Tuyên Quang cũng có chính sách hỗ trợ Nhà trường trong hoạt động tuyển sinh, đó là Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách thu hút GV trình độ cao và khuyến khích SV cho Trường ĐHTT [H08.1.003].

Chính sách và quy định tuyển sinh của Trường nói chung và ngành CNTT nói riêng được Nhà trường công bố công khai trong Đề án tuyển sinh đăng tải trên website của Trường [H08.1.004]. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông để giới thiệu, quảng bá rộng rãi thông tin về trường và các ngành tuyển sinh năm đó [H08.1.005]. Nội dung truyền thông tuyển sinh được đưa trong thông báo tuyển sinh hàng năm bao gồm: đối tượng, chỉ tiêu, vùng, các ngành tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, chế độ ưu đãi... [H08.1.006]. Công tác truyền thông được thực hiện dưới nhiều

hình thức phong phú và đa dạng. Hằng năm, Nhà trường cử GV đến tư vấn trực tiếp cho học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh lân cận [H08.1.005]. Các thông tin cụ thể về chính sách và quy định tuyển sinh được nhà trường chuyển tải qua các hình thức: poster, tờ rơi thông tin, qua hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình địa phương và trung ương, trên website của trường. Những nội dung này còn được phổ biến trong các Ngày hội tư vấn hướng nghiệp, Ngày hội tuyển sinh do Trường ĐHTTtr tổ chức [H08.1.007], [H08.1.008], [H08.01.009]; Ngoài ra, tất cả các đơn vị và CBGV, SV trong toàn Trường cùng tham gia truyền thông tuyển sinh bằng cách chia sẻ thông tin tuyển sinh trên các trang cá nhân facebook, zalo, Group Đại học Tân Trào; website của Nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin tuyển sinh lên vị trí dễ tiếp cận nhất, đa dạng hóa thông tin và hình thức thể hiện để thu hút người xem tại địa chỉ: <http://daihoctantrao.edu.vn>.

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và ngành CNTT nói riêng được điều chỉnh, cập nhật hằng năm dựa trên nhiều cơ sở như: Những thay đổi của Quy chế thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của BGD&ĐT; số lượng doanh nghiệp của Tỉnh cần sử dụng nhân lực CNTT; các ý kiến thảo luận về đề án tuyển sinh của trường qua các năm, điều kiện thực tế và xu hướng phát triển của ngành CNTT;...[H08.1.002], [H08.1.008]. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được Nhà trường tổng kết, đánh giá sau mỗi kỳ tuyển sinh làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh năm sau [H08.1.010]. Với chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và được cập nhật, ngành CNTT đã tuyển sinh được số lượng NH như sau:

Bảng 8.1.1. Kết quả tuyển sinh ngành CNTT giai đoạn 2020 - 2024

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển (điểm)	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2020-2021	39	36	1.1	28	15/30	21,8	1
2021-2022	85	81	1.0	61	15/30	21,6	1
2022-2023	100	67	1.5	59	15/30	21,8	

2023-2024	168	73	2.3	56	15/30	22,3	3
2024-2025	224	87	2.6	60	16/30	22,8	

2. Điểm mạnh

Chính sách và quy định tuyển sinh được công bố rộng rãi bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh còn chưa rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Đào tạo phối hợp với phòng Quản lý sinh viên và các Khoa đưa nội dung thảo luận về chính sách tuyển sinh trong “Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp” hằng năm của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 6/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Nhà trường xác định tiêu chí xét tuyển thí sinh vào ngành CNTT cụ thể là: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; thí sinh có nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường ĐHTTr; tham dự kỳ thi THPT quốc gia hoặc kỳ thi tốt nghiệp THPT [H08.1.001], [H08.1.006]. Hằng năm, phương pháp tuyển sinh hệ đại học chính quy ngành CNTT của Trường ĐHTTr thay đổi phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực trạng thí sinh dự thi của vùng tuyển sinh: Năm 2020, Nhà trường xét tuyển bằng kết quả thi THPT Quốc gia của thí sinh [H08.2.001], [H08.2.002]. Tổ hợp môn xét tuyển của ngành CNTT gồm có: A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) và B00 (Toán, Hoá, Sinh), ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành CNTT giữ ổn định từ 15-16 điểm/3 môn xét tuyển, trong đó nếu thí sinh sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT để xét thì được cộng điểm ưu tiên, nếu sử dụng điểm trong học bạ để xét sẽ không bao gồm điểm ưu tiên [H08.1.007], [H08.2.003]. Nhìn chung, các phương pháp tuyển sinh ngành CNTT đều dựa trên cơ sở kết quả học tập, thi tốt nghiệp ở bậc THPT, Nhà trường chưa có phương pháp tuyển sinh đặc thù riêng đối với ngành CNTT.

Nhằm tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được NH có chất lượng phù hợp ngành CNTT, hằng năm Nhà trường rà soát, đánh giá cải tiến tiêu chí, phương pháp tuyển sinh. Dựa trên báo cáo thống kê phân tích kết quả tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học và báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan từ các khoa chuyên môn, Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hằng năm [H08.1.010], [H.08.2.003], [H08.2.004]. Cụ thể năm 2020, xét tuyển những thí sinh tham dự kì thi THPT quốc gia đạt điểm sàn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; từ năm 2021 đến nay, Nhà trường còn tổ chức tuyển sinh theo phương thức dựa trên kết quả học tập bậc THPT bằng đề án tuyển sinh riêng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có cơ hội vào đại học đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào. Nội dung tiêu chí và phương pháp tuyển sinh năm trước được phân tích, chỉ rõ những ưu điểm và hạn chế để kịp thời điều chỉnh trong năm tuyển sinh tiếp theo. Những nội dung thay đổi này được thể hiện qua các đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường [H08.1.002].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các quy định của BGD&ĐT, phù hợp với thực trạng của thí sinh trong vùng tuyển sinh trọng điểm của Trường và yêu cầu cơ bản của NH ngành CNTT.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp tuyển sinh ngành CNTT chưa có nhiều điểm riêng mang tính đột phá, đặc thù.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Khoa Sư phạm sẽ tham mưu với Lãnh đạo trường, Phòng Đào tạo xây dựng một số phương pháp tuyển sinh mang tính đặc thù riêng của ngành.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 6/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Nhà trường có các bộ phận chuyên trách thực hiện nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ, cung cấp các thông tin chi tiết đầy đủ cho NH, cụ thể: Phòng Đào tạo chủ trì tổ

chức đăng ký, giám sát khối lượng học tập của người học trong từng học kỳ, phòng phân công nhiệm vụ cụ thể, đầy đủ cho chuyên viên phụ trách [H08.3.001]. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra chủ trì tổng hợp kết quả đánh giá trong học tập của người học, kịp thời phản hồi cho người học trên hệ thống phần mềm quản lý điểm [H08.3.002]. Phòng Quản lý sinh viên chủ động phối hợp với CVHT, các khoa chuyên môn, ĐTN, Hội Sinh viên đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo học kỳ năm học [H08.3.003], [H08.3.004]. Nhà trường đưa quyết định thành lập đội ngũ CVHT để tăng cường việc giám sát và tư vấn, hỗ trợ cho NH. Ngoài ra, đội ngũ CVHT cũng có trách nhiệm thường xuyên báo cáo tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên mình phụ trách cho lãnh đạo khoa. [H08.3.005].

Quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH được quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học - cao đẳng chính quy và Sổ tay đảm bảo chất lượng của Trường ĐHTTr [H08.3.006], [H08.3.007]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng Quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT về việc tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho SV hệ chính quy [H08.3.008]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản chi tiết và cụ thể để các phòng chức năng, các khoa và các bên liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát chặt chẽ khối lượng, kết quả học tập và sự tiến bộ trong học tập của sinh viên [H08.3.009]. Đồng thời, Nhà trường cũng đã cụ thể hóa quá trình giám sát kết quả học tập của sinh viên thông qua các quy trình trong bộ thủ tục hành chính, bao gồm: Quy trình đăng ký khối lượng học tập, quy trình đăng ký học lại, học cải thiện điểm, quy trình rút bớt học phần đã đăng kí.....Tất cả các bộ thủ tục hành chính đều được đăng tải trên trang web của nhà trường [H08.3.010]. Đối với kết quả học tập của SV, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra có trách nhiệm trích xuất kết quả học tập của từng lớp cuối mỗi học kỳ và gửi cho khoa để theo dõi hoặc ra thông báo đối với các sinh viên có kết quả học tập bị cảnh báo. [H08.3.011].

Quy trình đánh giá điểm rèn luyện của SV được thực hiện ở cấp khoa và cấp trường dựa theo Điều 11 Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện trong Quyết định số 60, ngày 16/10/2007 của BGD&ĐT [H08.3.012]. Tại cấp khoa, quy trình đánh giá điểm rèn luyện được đánh giá theo 3 bước. **Bước 1:** SV căn cứ vào kết quả rèn luyện, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết bằng phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của SV do nhà

trường quy định; **Bước 2:** Tổ chức họp lớp (có CVHT tham gia) và lập biên bản tiến hành xem xét và thông qua mức điểm của từng SV trên cơ sở phải được trên 50% ý kiến đồng ý của NH trong lớp; Lớp công khai kết quả đánh giá ở lớp một tuần. Sau đó, tổng hợp kết quả đánh giá và bản tự đánh giá của HSSV nộp về khoa quản lý; **Bước 3:** Hội đồng đánh giá cấp khoa xem xét, xác nhận kết quả điểm rèn luyện của từng học sinh, SV và tổng hợp trình Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với SV trường [H08.3.013]. Tại cấp trường, quy trình đánh giá điểm rèn luyện cũng được đánh giá theo 3 bước, cụ thể **Bước 1:** Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với SV trường tổ chức họp đánh giá kết quả rèn luyện của SV; **Bước 2:** Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả; **Bước 3:** Công bố công khai và thông báo cho SV về kết quả đánh giá [H08.3.014].

Đánh giá đoàn viên được thực hiện đúng theo quy định của Đoàn và Hội Sinh viên. ĐTN, Hội SV phối hợp với phòng Quản lý sinh viên, CVHT tổ chức đánh giá đoàn viên dựa trên quá trình tham gia các hoạt động Đoàn, Hội của SV. Kết quả này được lưu vào sổ Đoàn viên và các danh sách xếp loại và khen thưởng đoàn viên hằng năm [H08.3.015].

Nhà trường quản lý kết quả học tập, rèn luyện của SV bằng phần mềm Unisoft Phần mềm có khả năng trích xuất dữ liệu phục vụ cho xét học vụ, khen thưởng, xét tốt nghiệp, ... [H08.3.016]. Mỗi SV được cấp 01 tài khoản cá nhân để đăng nhập, cập nhật, theo dõi các dữ liệu về kết quả học tập của SV. Sau khi có kết quả, SV sẽ được truy cập trên trang cá nhân để nắm bắt được kết quả và tiến độ học tập, đăng ký học trả nợ học phần, học cải thiện điểm. Dữ liệu quản lý đào tạo được cập nhật kịp thời, chính xác đảm bảo cho các thành viên có thể chủ động theo dõi, cải thiện kết quả học tập, tuy nhiên phần mềm chưa có tính năng tự động thông báo kết quả học tập cho người học theo số điện thoại đã được đăng kí [H08.3.017]. Đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện và lưu hồ sơ trên phần mềm quản lý điểm, tại Khoa Sư phạm, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra [H08.3.018].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra đánh giá sự tiến bộ của NH có nhiều đơn vị tham gia với nhiều hình thức khác nhau và được phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục đầu tư và nâng cấp phần mềm Unisoft theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với NH trong học tập và rèn luyện, bổ sung chức năng gửi thông báo kết quả học tập vào số điện thoại của NH đã đăng ký trước.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả

Công tác tư vấn và hỗ trợ SV của Nhà trường được thực hiện ở 2 cấp: Cấp trường và cấp đơn vị (các phòng, khoa, ban chuyên môn và các trung tâm trực thuộc trường). Phòng Quản lý sinh viên là đầu mối tiếp nhận các thông tin cần tư vấn, hỗ trợ từ SV, tư vấn trực tiếp hoặc liên hệ đến các đơn vị phòng, khoa có chuyên môn tổ chức tư vấn. Các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm tư vấn cho sinh viên trong đơn và liên hệ với các đơn vị ngoài trường để hỗ trợ NH về công tác thực tập, thực hành [H08.4.001], [H08.4.002], [H08.4.003]. Nhà trường phối hợp với ĐTN, HSV tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng, giáo dục toàn diện cho SV [H08.4.004], [H08.4.005], [H08.4.006]. Đặc biệt, người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả về học tập, sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động thi đua khác liên quan đến ngành đào tạo về CNTT bởi Cố vấn học tập, giảng viên cốt cán và chuyên gia về CNTT. Nhiệm vụ Cố vấn học tập gồm nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo, giải đáp thắc mắc của sinh viên; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa, Trường và các tổ chức xã hội liên quan hiện nay liên quan đến ngành đào tạo CNTT; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ [H08.4.007], [H08.4.008].

Nhà trường thành lập “Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm Trường ĐHTTr” với cơ cấu tổ chức gồm 01 trưởng ban, 03 phó trưởng ban, 01 ủy viên thư ký và 07 thành viên là đại diện cho các đơn vị trong Nhà trường. Ban có nhiệm vụ: Giúp NH định hướng nghề nghiệp đã lựa chọn, chủ động và sáng tạo trong học tập cũng như am hiểu về ngành nghề đang học để phát huy năng lực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Riêng với ngành đào tạo CNTT, Ban tư vấn cụ thể giúp NH có thông tin về thị trường lao động đặc biệt là giáo viên tin học tại các cơ sở giáo dục trong nước phù hợp với CT GDPT mới và các ngành nghề khác. Nhà trường và Ban hướng nghiệp tăng cường sự phối hợp giữa CSGD với đơn vị sử dụng lao động để việc đào tạo của Nhà trường tiếp cận với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của xã hội trong giai đoạn hiện tại [H08.4.004]. Ngoài ra, Nhà trường còn giao cho Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý sinh viên chủ trì phối hợp với các đơn vị hằng năm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm như: “Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp”; “Hội nghị hỗ trợ, tư vấn việc làm cho sinh viên” [H08.4.006].

Đầu mỗi năm học mới, tuần sinh hoạt công dân HS-SV do Phòng Quản lý sinh viên chủ trì phối hợp với các phòng, khoa chức năng tổ chức, ngoài việc quán triệt thực hiện các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật, ... Phòng còn tổ chức tư vấn, hướng dẫn cho NH về các nội dung hoạt động ngoại khóa, hoạt động thực hành trên máy tính tại phòng máy và phương pháp học tập cho SV ngành học về CNTT [H08.4.009]. Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị công tác quản lý sinh viên nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, thay đổi học phần [H08.4.010]. Hằng tháng, Nhà trường còn xây dựng bản đề cương hướng dẫn sinh hoạt định kỳ cho các lớp hệ đào tạo chính quy với nội dung chủ đề, chủ điểm về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, pháp luật; văn hóa ứng xử; học tập, rèn luyện, ... [H08.4.011]. ĐTN, HSV nhà trường xây dựng kế hoạch và định kỳ tổ chức thực hiện các hoạt động ngoại khóa, thi đua: đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng cuộc sống; các câu lạc bộ; các hoạt động về văn hóa văn nghệ thể thao, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng [H08.4.012], [H08.4.013]. Khoa Sư phạm, Bộ môn Tin học chú trọng đến công tác tư vấn cho GV và SV ngành CNTT phải thường xuyên cập nhật các nội dung mới, thiết thực liên quan đến công nghệ, tin học, chuyển đổi số trong đổi mới GDĐH [H08.4.14].

Nhằm hỗ trợ, tư vấn giúp cho SV gặp gỡ, trao đổi thông tin trực tiếp với các nhà tuyển dụng và người sử dụng lao động từ đó SV nâng cao hiệu quả tham gia tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức “Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp”; “Hội nghị tư vấn việc làm” [H08.4.006]. Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho SV chủ trì kết nối, tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng việc làm của

các đơn vị; chuyển tải thông tin chi tiết, cụ thể tới SV [H08.4.004]. Các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH được tổ chức dưới nhiều hình thức như lập group, facebook, zalo... để kết nối thông tin giữa nhà tuyển dụng với SV... [H08.4.015]. Tuy nhiên, SV chưa được kết nối thông tin với nhiều nhà tuyển dụng và người sử dụng lao động.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của SV đối với mọi hoạt động phục vụ mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường, trong đó có nội dung đánh giá chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả cho thấy có trên 90% NH hài lòng về các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường [H08.4.016].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động thi đua, ngoại khóa được nhiều đơn vị tham gia và triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục.

3. Điểm tồn tại

SV chưa được kết nối thông tin với nhiều nhà tuyển dụng và người sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, Khoa Sư phạm chủ động kết nối với các cơ sở sử dụng lao động; Nhà trường định kỳ hằng năm tổ chức ngày hội tư vấn việc làm và kết nối doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường ĐHTTr đã ban hành Quy tắc ứng xử của sinh viên, học viên Trường ĐHTT [H08.5.001]. Nhà trường và các tổ chức đoàn thể: Công đoàn; ĐTN; Hội SV thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao nhằm tạo điều kiện giao lưu, tiếp xúc, tạo sự đoàn kết giữa các cá nhân trong đơn vị và giữa các đơn vị trong Nhà trường. Việc thực hiện nghiêm túc các quy tắc ứng xử, các quy định về nhiệm vụ tham gia xây dựng môi trường văn hóa trường học trong Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học đã thu hút số lượng đông cán bộ GV và NH tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao từ đó tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện giữa CBGV, HS, SV; tạo môi trường văn hóa - nhân văn thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập [H08.5.002], [H08.5.003], [H08.5.004].

Trường ĐHTTr có môi trường, cảnh quan sư phạm sạch sẽ và đảm bảo an toàn cho CB, GV, NH và khách làm việc, giảng dạy, học tập tại trường. Trường có tường rào an toàn, có Đội bảo vệ 05 người, được trang bị trang phục và công cụ hỗ trợ phục vụ công việc, trực 24/24h với các chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H08.5.005]. Trung đội tự vệ của trường có 33 người tham gia các hoạt động trực, bảo vệ an ninh trật tự hỗ trợ lực lượng bảo vệ của Nhà trường những ngày lễ, tết và các hoạt động lớn [H08.5.006]. Hệ thống trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy của Nhà trường được thường xuyên kiểm tra, rà soát đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định; các phương án phòng cháy chữa cháy của Trường được đơn vị phòng cháy chữa cháy tỉnh Tuyên Quang phê duyệt; Đội phòng cháy, chữa cháy của Nhà trường được tập huấn nghiệp vụ định kỳ hằng năm [H08.5.007], [H08.5.008]. Nhà trường có hệ thống camera tại tất cả các lớp học, các đơn vị hành chính, ở cổng và sân trường để giám sát an ninh [H08.5.009]. Hệ thống pa-nô với nội dung nhắc nhở việc đảm bảo vệ sinh, phòng tránh tệ nạn trong khuôn viên nhà trường được đặt ở các vị trí dễ quan sát [H08.5.010]. Mọi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có các quy định về an toàn lao động, vận hành [H08.5.011]. Nhà trường có quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền, cơ quan công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực và quản lý SV nội trú, ngoại trú [H08.5.012]. Ngoài ra, Nhà trường đã hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh, thu gom rác thải, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh định kỳ và trồng mới cây xanh để đảm bảo cảnh quan vệ sinh môi trường [H08.5.013]. Cảng tin Trường có chứng nhận an toàn thực phẩm, đội ngũ nhân viên có giấy khám sức khỏe hằng năm, có lưu trữ các thực phẩm theo quy định 24h phục vụ cho công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Nhà trường thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của địa phương định kỳ thực hiện công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại cảng tin Nhà trường [H08.5.014]. Nhà trường có nhân viên y tế học đường với 01 CB và 05 giường bệnh đảm bảo theo dõi, sơ cấp cứu ban đầu, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe, hoàn thiện thủ tục cấp phát thẻ BHYT cho SV. Trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho NH. Có tủ thuốc sơ cấp cứu với nhiều loại thuốc chuyên dụng [H08.5.015]. 100% CBGV, nhân viên và SV đều được nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế; tất cả SV đều được khám sức khỏe khi nhập học và khi ra trường [H08.5.016]. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch khám sức khỏe tổng quát cho CBGV, nhân viên và SV theo định kì [H08.5.017].

Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của GV, SV trong công tác chăm sóc y tế và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập. Kết quả cho thấy có trên 90% CB, GV, SV hài lòng về môi trường, sức khỏe và sự an toàn của Nhà trường [H08.5.018]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của đối tượng là khách đến làm việc tại trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều hoạt động hiệu quả để đảm bảo môi trường cảnh quan an toàn đối với CB, GV và NH.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của đối tượng là khách đến làm việc tại trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của đối tượng là khách đến làm việc tại trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành CNTT. Chất lượng đó được thể hiện ở kết quả học tập, rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường. Khoa Sư phạm và Nhà trường luôn hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả NH về hoạt động học tập, hướng nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực học tập, NCKH, sức khỏe thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác đào tạo tại Trường ĐHTTr. Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 2/5 tiêu chí đạt 6/7, 2/5 tiêu chí đạt 5/7, 1/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Đầu tư cơ sở vật chất đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu và phát triển bền vững. Một trường đại học có cơ sở vật chất tốt là điều kiện tiên quyết thúc đẩy việc dạy và học một cách hiệu quả, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, quốc tế hóa giáo dục.

Trường ĐHTTr đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị để phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Có thể đánh giá như vậy vì Nhà

trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành và hầu hết đều được trang bị đầy đủ các thiết bị. Trường có Thư viện với nguồn học liệu phong phú, được cập nhật thường xuyên và có đủ phòng đọc để đáp ứng yêu cầu của việc tổ chức thực hiện CTĐT ngành CNTT. Hệ thống CNTT với các trang thiết bị của Nhà trường phù hợp, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được triển khai thực hiện tốt để hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Trường ĐHTTr có đủ số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng chức năng với tổng diện tích 10.235,8 m² [H09.1.001]. Nhà trường có 03 cơ sở đào tạo và có tổng diện tích đất đang sử dụng: 286.764,4 m² [H09.1.002].

Trong đó:

+ Cơ sở 1 ở Km 6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích đất 138.533,1 m² [H09.1.003].

+ Cơ sở 2 ở Tổ 10, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang có tổng diện tích 100.795 m², bao gồm Trung tâm Thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ, Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp [H09.1.004].

+ Cơ sở 3 ở Tổ 9, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích 47.436,3 m² [H09.1.005].

- Cơ sở vật chất của Trường ĐHTTr được đầu tư xây dựng để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng học, phòng chức năng của Trường ĐHTTr

Cơ sở đào tạo	Tổng diện tích xây dựng (m²)	Số phòng làm việc	Số phòng họp	Số hội trường lớn	Số phòng học	Số phòng TN, TH
Cơ sở 1	7.625,3	58	05	02	46	13
Cơ sở 2	1.976,0	06	0	0	03	05
Cơ sở 3	634,5	0	0	0	06	02
Tổng cộng	10.235,8	64	05	02	55	20

Theo số liệu được thống kê trong *Bảng 9.1.1*, Trường ĐHTTr có 64 phòng làm việc, 55 phòng học lý thuyết, 20 phòng thí nghiệm, thực hành, 05 phòng họp và 02 hội trường lớn với tổng diện tích xây dựng là 10.235,8 m². Trong số đó có 32 phòng có sức chứa từ 50 -100 SV, 04 phòng có sức chứa từ 100 - dưới 150 SV và 28 phòng có sức chứa dưới 50 SV. Với số lượng SV hiện có thì ngoài việc phục vụ cho các lớp học, số phòng học của Nhà trường còn có thể được sử dụng để thực hiện những hoạt động khác như: phòng tự học, phòng sinh hoạt đoàn hội hoặc tổ chức hoạt động ngoại khóa,... [H09.1.006].

Ngành CNTT thuộc Khoa Sư phạm được trang bị 05 phòng làm việc với tổng diện tích 387 m².

- 01 phòng làm việc của trưởng khoa 408 nhà A1 diện tích: 27,0 m².
- 02 phòng làm việc của khoa 401 và 411 nhà A1 với tổng diện tích: 150 m².
- 02 phòng thực hành CNTT 402 và 410 nhà A1 với tổng diện tích: 210 m².

Các phòng làm việc của ngành CNTT của Khoa Sư phạm có đầy đủ trang thiết bị, máy tính điện tử, máy in, bàn ghế,... đủ cho GV làm việc. Hầu hết các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng của Trường ĐHTTr đều được trang bị đầy đủ hệ thống máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro, bảng, quạt điện, đèn điện, camera, máy vi tính kết nối mạng Internet, máy in, máy điều hòa nhiệt độ, tủ đựng tài liệu, bàn làm việc,.... Phù hợp để hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các phòng máy, phòng thí nghiệm, phòng thực hành được Nhà trường giao về cho các đơn vị khoa chuyên môn, các trung tâm quản lý và sử dụng. Nhà trường có hệ thống văn bản về quản lý tài sản quy định về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị, đồng thời có kế hoạch phân phòng học và báo cáo tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, các phương tiện dạy học [H09.1.007], [H09.1.008], [H09.1.009].

Hàng năm, căn cứ các kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường giao Phòng Hành chính - Quản trị (nay là Văn phòng) và Phòng Kế hoạch - Tài vụ phối hợp triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và các nội dung, hạng mục đầu tư [H09.1.010]. Cụ thể, trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024, đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển CSVC, cơ sở hạ tầng: đầu tư xây dựng Khu nhà làm việc, trung tâm học liệu

và thông tin thư viện, Nhà 5 tầng cấp III, diện tích xây dựng $S_{xd}=1.015\text{ m}^2$, diện tích sàn 5.078 m^2 gần 30 tỷ đồng; cải tạo, sửa chữa nâng cấp sân đường phía trước nhà làm việc Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường ĐHTTr: 497.750.000 đồng; cải tạo, nâng cấp nhà gara xe ô tô và cấp điện sân vườn khu Nhà làm việc Trường ĐHTT: 497.034.000 đồng; thi công xây dựng hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà; hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà; thiết bị trong nhà; đường dây 35KV, trạm biến áp 400KVA-35(22)/0,4KV thuộc dự án: San nền; hạ tầng kỹ thuật; nhà làm việc, Trung tâm học liệu và thông tin thư viện: 8.241.241.000; cải tạo, nâng cấp nhà gara xe máy và hệ thống nước qua đường khu Nhà làm việc Trường ĐHTTr: 484.750.000 đồng; xây dựng và cải tạo khuôn viên nhà A1 Trường ĐHTTr: 436.568.000 đồng [H09.1.011].

Ngoài ra, Nhà trường giao Văn phòng khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng, hiệu quả sử dụng, sự phù hợp với từng CTĐT đối với hệ thống CSVC, trang thiết bị. Về cơ bản SV và CBGV đều hài lòng với hệ thống CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD (trên 80%) [H09.1.012].

Trong giai đoạn kiểm định chất lượng 2020-2024, Nhà trường đã đầu tư mua trang thiết bị và xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình [H09.1.013], [H09.1.014], [H09.1.015], [H09.1.016]. Đặc biệt, Nhà trường đang phối hợp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 với ba hạng mục: Nhà thực hành Y Dược, nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá du lịch và thư viện; Nhà giảng đường; Nhà ươm, xưởng sơ chế dược liệu trung tâm Thực nghiệm, thực hành và chuyển giao KHCN, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập với tổng kinh phí gần 250 tỷ đồng [H09.1.017].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Trường ĐHTT được bố trí hợp lý, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành CNTT, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất một số phòng học của Trường ĐHTTr cần được cải tạo, sửa chữa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa Sư phạm đề xuất với Lãnh đạo Trường ĐHTTr đầu tư kinh phí để trang bị thêm trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để đáp ứng theo Thông tư số

01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2024 của BGD&ĐT về việc ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường ĐHTTr được thành lập theo Quyết định số 1512/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr. Đến năm 2024, Trung tâm Thông tin - Thư viện được sáp nhập với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Trung tâm Bồi dưỡng và Phát triển nghề nghiệp thành Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có chức năng, nhiệm vụ là phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý của Nhà trường [H09.2.002]. Tổng diện tích sàn thư viện của Nhà trường là 600 m², gồm 01 phòng đọc, 01 phòng máy tính kết nối Internet, 02 kho sách, 03 phòng làm việc của CB, nhân viên thư viện. Các phòng này đều có đầy đủ trang thiết bị như: bàn, ghế, đèn điện, quạt điện, máy điều hòa nhiệt độ [H09.2.001].

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin - Thư viện (nay là Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp) đã được ban hành kèm theo quyết định số 743/QĐ-ĐHTTr, ngày 19/8/2020; Nội quy Thư viện Trường ĐHTTr được ban hành kèm Quyết định số 1514/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2013 [H09.2.003], [H09.2.016]. Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, Thư viện phục vụ bạn đọc 02 buổi/ngày với thời gian hoạt động như sau: Buổi sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút [H09.2.018]. Thư viện có Quy định về việc mượn, trả tài liệu và xử lý vi phạm được ban hành kèm theo quyết định số 626/QĐ-ĐHTTr ngày 09/4/2015 [H09.2.017].

Thư viện được trang bị phần mềm quản lý thư viện ELIB-LRC với đội ngũ nhân viên có nghiệp vụ tốt để quản lý các tài nguyên của Trường [H09.2.004], [H09.2.005]. Phòng truy cập Internet của Thư viện có 20 máy tính được kết nối mạng internet để phục vụ bạn đọc. Các phòng làm việc và phòng đọc ở đây đều được trang bị đầy đủ thiết bị như: bàn, ghế, đèn điện, quạt điện, máy điều hòa nhiệt độ,... Trường có Thư viện điện tử được kết nối với Trung tâm số - Đại học Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Hùng Vương với quyền được khai thác tài liệu

điện tử thuộc nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành khác nhau [H09.2.009]. Với nguồn học liệu hiện có và số lượng học liệu được kết nối như vậy, Thư viện của Trường ĐHTTr đã cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH.

Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có số lượng sách bằng bản in là trên 7300 đầu sách, hơn 90.000 bản sách với trên 90% sách bằng Tiếng Việt và số còn lại là sách, tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài [H09.2.013]. Thư viện điện tử của Trường trên trang <http://ttttv.daihoctantrao.edu.vn/> có 3152 tài liệu bằng bản điện tử với 88 tài liệu phục vụ ngành CNTT [H09.2.009].

CTĐT ngành CNTT năm 2020 của Trường ĐHTT có 57 đề cương CTHP, 99 cuốn giáo trình và 224 tài liệu tham khảo. Với số lượng sách hiện có và được kết nối với Trung tâm số - Đại học Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Hùng Vương, Thư viện Trường ĐHTT có đầy đủ học liệu để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ CTĐT ngành CNTT. Tuy nhiên, Thư viện Trường ĐHTTr còn chưa được kết nối với thư viện của nước ngoài.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu của CTĐT, các khoa và bộ môn trực thuộc Trường lập danh sách các tài liệu, học liệu cần mua để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của từng đơn vị, gửi cho Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp. CB, nhân viên Thư viện tổng hợp số lượng sách cần mua theo danh sách đã lập của các đơn vị, gửi Phòng Kế hoạch - Tài vụ để lập dự toán đầu tư kinh phí mua bổ sung tài liệu, học liệu mới, trình Hiệu trưởng phê duyệt [H9.2.010], [H9.2.011]. Các tài liệu, học liệu (bản in và bản điện tử) được cập nhật đã đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành CNTT nói riêng [H09.2.022].

Toàn bộ cơ sở dữ liệu về các nguồn lực học tập của Trường ĐHTT được quản lý bằng phần mềm ELIB và các báo cáo định kỳ được chiết xuất từ phần mềm này. Cán bộ, nhân viên của Thư viện thường xuyên theo dõi tình hình bạn đọc đến và sử dụng thư viện qua 02 phương thức: theo dõi thư viện truyền thống bằng sổ mượn sách đối với GV và bằng lý lịch bạn đọc đối với SV [H09.2.013], [H09.2.025]. Theo số liệu thống kê trên thực tế, số CB, GV, SV đến Thư viện để tra cứu tài liệu, truy cập Internet trong 05 năm gần đây như sau: Năm 2020 có 18.548 lượt bạn đọc, 296.262 lượt truy cập internet; Năm 2021 có 2.601 lượt bạn đọc, 169.476 lượt truy cập internet; Năm

2022 có 3.226 lượt bạn đọc, 53.018 lượt truy cập internet; Năm 2023 có 6.580 lượt bạn đọc, 273.953 lượt truy cập internet; [H09.2.021]. Hằng năm, vào tuần sinh hoạt công dân, Thư viện có hướng dẫn cho SV mới nhập học về cách thức sử dụng thư viện, đặc biệt là cách thức tra cứu và download tài liệu trên thư viện điện tử của Trường [H09.2.019].

2. Điểm mạnh:

Thư viện của Trường ĐHTTr cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của toàn Trường nói chung và của CTĐT ngành CNTT nói riêng.

3. Điểm tồn tại:

Thư viện của Trường ĐHTTr chưa được kết nối với nhiều thư viện của nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2024 - 2025, Thư viện Trường ĐHTTr sẽ được kết nối với Thư viện của một số trường đại học nước ngoài để khai thác tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường đảm bảo đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Hiện tại, Nhà trường có 22 phòng thực hành, thí nghiệm tại các khoa, bộ môn với tổng diện tích 3.113m². Các phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí hợp lý theo thiết kế phù hợp với yêu cầu từng môn học và công năng sử dụng đáp ứng nhu cầu đào tạo [H09.3.001], [H09.3.002], [H09.3.003], [H09.3.004], [H09.3.005].

Hệ thống phòng thực hành dành riêng cho ngành CNTT có đầy đủ máy chủ, thiết bị mạng, máy tính, máy chiếu và hệ thống âm thanh, ánh sáng thuận tiện cho việc học tập, thực hành, làm việc nhóm, xêmina của SV [H09.3.004]. Hiện nay, SV ngành CNTT sử dụng 04 phòng học thực hành Tin học là phòng 401, 402 nhà B và phòng 402, 410 nhà A1 thuộc cơ sở 1 với tổng diện tích là 800m². Tại các phòng học, phòng thực hành đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng [H09.3.004], [H09.3.006].

Hằng năm, CSVN, trang thiết bị của nhà trường được bổ sung, sửa chữa và nâng cấp để đáp ứng yêu cầu của quá trình đào tạo [H09.3.007]. Nhà trường có hệ

thống văn bản về quản lý tài sản quy định về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị [H09.3.008]. Các thiết bị máy móc hiện đại sau khi được đầu tư trang bị đều được nhà cung cấp tập huấn cách thức sử dụng, phương thức vận hành, bảo trì, sửa chữa định kỳ. Hằng năm, căn cứ vào sổ theo dõi tần suất sử dụng của phòng máy, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, Nhà trường tổng kết đánh giá hiệu quả sử dụng và tình trạng máy móc thiết bị để xây dựng kế hoạch, lập dự toán phân bổ kinh phí đầu tư mua mới, sửa chữa, bảo dưỡng các trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành [H09.3.009], [H09.3.010], Ngành CNTT được nhà trường đầu tư thêm trang thiết bị cho phòng thực hành Tin học và nâng cấp đường truyền Internet đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu đào tạo, học tập của giảng viên và sinh viên [H09.3.011], [H09.3.012].

Phòng thực hành của ngành CNTT do 01 Trợ lý Khoa phối hợp với cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động. Các cán bộ quản lý các trang thiết bị và vật tư tại phòng thực hành, có nhiệm vụ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị trước và sau khi kết thúc buổi thực hành, ghi vào sổ theo dõi. Các Khoa có phòng thực hành, thí nghiệm đều có nội quy, quy định, sổ theo dõi thống kê các trang thiết bị theo các nội dung thực hành của từng môn học. Các trang thiết bị đều có hướng dẫn sử dụng, phiếu lý lịch trang thiết bị, nhật ký sử dụng [H09.3.006].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; Hạ tầng CNTT, nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và NCKH từ năm 2020 đến 2024 có tỷ lệ hài lòng trung bình là 88%. Trong đó, các tiêu chí đạt tỷ lệ hài lòng cao như: Phòng thí nghiệm, phòng thực hành đạt tiêu chuẩn, thoáng mát; Phòng học có hệ thống chiếu sáng đạt chuẩn, Có trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập theo quy định, Bàn ghế học sinh đúng quy cách [H09.3.010], [H09.3.013].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị hiện đại để phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý bằng phần mềm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Khoa/bộ môn tiến hành quản lý hồ sơ theo dõi trên phần mềm điện tử.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

CSVC của Trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung. Tại thời điểm đánh giá, trường có 382 máy tính để bàn: trong đó số máy phục vụ cho công tác quản lý 115 máy, công tác đào tạo 187 máy; 75 máy Projector; 60 máy in; 04 máy phô tô; 03 máy scan, 02 server, 108 (4 camera IP-TT TDDT), hệ thống mạng Internet và hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H09.4.001], [H09.4.002], [H09.4.003]. Để phục vụ cho dạy học trực tuyến, Nhà trường đã mua 03 tài khoản của phần mềm dạy học trực tuyến Zoom [H09.4.003]. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng về các hoạt động đào tạo, ứng dụng CNTT trong toàn trường [H09.4.004]. Trung tâm xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng [H09.4.005]. Tuy nhiên, hệ thống máy tính tại các phòng thực hành hầu hết đều được trang bị từ lâu, cấu hình thấp, hoạt động không được ổn định và không cài đặt được một số phần mềm để dạy học ngành CNTT.

Nhà trường đã đầu tư trang bị 5 đường truyền FTTH chất lượng cao bằng kỹ thuật cân bằng tải tiên tiến giúp cân bằng hệ thống và tối ưu hóa băng thông, giảm tối đa rủi ro về sự cố đường truyền. Nhà trường đã trang bị hệ thống mạng Wifi hoạt động 24/24 và được bố trí ở những vị trí thuận lợi nhất giúp cho người dùng có thể dễ dàng sử dụng. Trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ <http://daihoctantrao.edu.vn>, đồng thời Nhà trường ban hành quy định về tổ chức và quản lý duy trì hoạt động trang thông tin điện tử [H09.4.006], [H09.4.007]. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H09.4.008].

Văn phòng làm việc của Khoa Sư phạm có 04 máy tính, 04 máy in, 03 wifi đang hoạt động tốt để đáp ứng cho nhu cầu quản lý, hoạt động, đào tạo và NCKH [H09.4.009]. Năm 2022, Khoa Sư phạm được trang bị 02 phòng LAB (được đặt tại tầng 4, nhà A1) phục vụ cho đào tạo ngành CNTT [H09.4.010]

Nhà trường có hệ thống máy tính phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, công tác quản lý [H9.4.001]. Phòng họp được trang bị đầy đủ máy tính và các thiết bị trực tuyến. Trường có hệ thống thông tin dự phòng qua máy chủ (Server) lưu trữ chung do Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp quản lý; hệ thống tường lửa bảo vệ an toàn hệ thống mạng nội bộ của Nhà trường [H09.4.011]. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có trách nhiệm cập nhật, lưu giữ thông tin trên máy chủ, có kế hoạch bảo trì thiết bị, cài đặt các phần mềm đảm bảo cho hệ thống thông tin hoạt động ổn định, an toàn giúp người dùng khai thác thông tin thuận lợi [H09.04.012].

CBGV của Khoa dễ dàng truy cập vào hệ thống mạng để sử dụng các phần mềm ứng dụng, quản lý, điều hành của Nhà trường và chia sẻ dữ liệu phục vụ giảng dạy và quản lý như phần mềm giảng dạy trực tuyến Elearning. SV ngành CNTT được cấp tài khoản truy cập phần mềm quản lý Unisoft để đăng ký học tín chỉ, tra cứu điểm, tình trạng học phí, theo dõi thời khóa biểu [H09.4.013].

Năm 2022, Nhà trường cũng ban hành các Quy định quản lý, sử dụng hệ thống mạng máy tính; Quy định quản lý, sử dụng, sửa chữa thiết bị tin học và hỗ trợ giảng dạy; Quy định quản lý, sử dụng hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo Unisoft [H09.1.014], [H09.1.015], [H09.1.016]. Hằng năm, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp của Trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng CNTT trong toàn trường. Đối với các thiết bị mới, được bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất quy định trong các hợp đồng đảm bảo vận hành tốt thiết bị CNTT phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Hệ thống CNTT của Nhà trường trong 5 năm qua đảm bảo thông suốt, ổn định, bảo mật an toàn đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu. Nhà trường đã hợp đồng mua phần mềm an ninh mạng, phần mềm diệt virus [H09.4.017]. Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường đã dành khoản kinh phí để mua mới các thiết bị CNTT và duy tu, bảo trì hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H09.4.018], [H09.4.019].

Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của CBGV, SV về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT phục vụ cho công tác quản lý, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H09.4.020]. Kết quả khảo cho thấy trên 80% cán bộ, nhân viên và người học hài lòng về hạ tầng CNTT Nhà trường [H09.4.021].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống CNTT đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu về hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy tính tại các phòng thực hành máy tính đa phần cấu hình thấp, hoạt động không được ổn định và không cài đặt được một số phần mềm để dạy học ngành CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Nhà trường cần triển khai các gói đầu tư cung cấp hệ thống phòng thực hành máy tính mới nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phục vụ đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Căn cứ vào các quy định hiện hành, Trường ĐHTTr đã ban hành các văn bản trong đó có quy định rõ các tiêu chí về môi trường sức khỏe và an toàn đặc biệt là có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [H09.5.001]. Trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như Ký túc xá SV. Văn phòng và Phòng Quản lý sinh viên có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, môi trường và sức khỏe [H09.5.002].

Hằng năm, theo nhiệm vụ được phân công, Văn phòng kết hợp với các đơn vị trong Trường triển khai xây dựng các kế hoạch thực hiện và lập dự toán kinh phí về công tác môi trường, y tế, xây dựng kế hoạch bổ sung thuốc và khám sức khỏe cho SV và GV, có đội bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh trong Trường, trình BGH phê duyệt [H09.5.003]. Nhà trường có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho CB, GV, NV, kế hoạch khám sức khỏe đầu vào cho SV hệ đại học, cao đẳng chính quy và thực

hiện đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn tại CSGD [H09.5.003], [H09.5.004].

Tháng 12/2020, Nhà trường đưa vào sử dụng khu nhà hiệu bộ và trung tâm học liệu mới với nhiều phòng học hiện đại, trong đó thiết kế xây dựng đã lưu ý đến việc đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật. Có các nội quy quy định về bảo đảm an toàn trong khu vực giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm. Các quy định, nội quy được tóm tắt thành bảng và treo ở các khu nhà trong khuôn viên của Trường để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện [H09.5.005].

Hàng năm, theo nhiệm vụ được phân công, Văn phòng tham mưu ban hành quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn trong Nhà trường, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện và lập dự toán kinh phí về công tác môi trường, y tế, xây dựng kế hoạch bổ sung thuốc và khám sức khỏe cho SV và GV, có đội bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh trong trường, trình BGH phê duyệt [H09.5.006].

Về môi trường: Trường có ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ làm vệ sinh, thu gom rác thải, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh định kỳ và trồng mới cây xanh để đảm bảo cảnh quan vệ sinh môi trường [H09.5.007].

Về công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: Trường có bộ phận y tế với 02 CB với 10 giường bệnh đảm bảo sơ cấp cứu ban đầu cho CB và SV của Nhà trường. Có tủ thuốc sơ cấp cứu với 33 loại [H09.5.008]. 100% CBGV, nhân viên và SV đều được nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế; tất cả SV đều được khám sức khỏe khi nhập học và khi ra trường [H09.5.009], [H09.5.0010], [H09.5.003]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho toàn bộ CBGV, nhân viên, nhiều hoạt động khám, tư vấn sức khỏe cho người lao động [H09.5.004].

Bếp ăn Nhà trường vận hành theo quy trình một chiều, có chứng nhận an toàn thực phẩm, đội ngũ nhân viên có giấy khám sức khỏe hằng năm, có lưu trữ các thực phẩm theo quy định 24h phục vụ cho công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Nhà trường thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của địa phương định kỳ thực hiện công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại căng tin Nhà trường [H09.5.011].

Trường có tường rào an toàn, có Đội bảo vệ được trang bị trang phục và công cụ hỗ trợ phục vụ công việc trực 24/24h với các chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H09.5.012], [H09.5.013]. Ngoài lực lượng trên, hằng năm Nhà trường đều cử cán bộ, chiến sĩ tự vệ tham gia huấn luyện tự vệ nhằm bảo vệ an ninh trật tự và

hỗ trợ lực lượng bảo vệ của Nhà trường những ngày lễ, tết và các hoạt động lớn [H09.5.014], [H09.5.015]. Nhà trường lắp đặt hệ thống camera tại tất cả các lớp học, các đơn vị hành chính, ở cổng và sân trường để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường [H09.5.016]. Tại mỗi vị trí cầu thang đều có bảng nội quy, thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn bộ khuôn viên nhà trường, sơ đồ thoát hiểm và được treo ở các vị trí dễ quan sát để mọi người thực hiện [H09.5.017]. Tất cả các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đều có các quy định về an toàn lao động, vận hành [H09.5.005]. Ngoài ra, Trường có quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền, cơ quan công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực và quản lý SV nội trú, ngoại trú .

Nhà trường có đội phòng cháy, chữa cháy, hằng năm được tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ do Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Tuyên Quang tổ chức [H09.5.018]. Trường có phương án phòng cháy chữa cháy do công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Tuyên Quang phê duyệt. Trường thường xuyên theo dõi, quản lý các hoạt động phòng cháy chữa cháy và rà soát trang thiết bị phòng cháy chữa cháy đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định. Ký túc xá Trường có nội quy, đội bảo vệ trực 24/24h, có hệ thống phòng cháy nổ. Trong giai đoạn 2019-2024, tất cả CB, GV, SV của nhà trường đều được đảm bảo an toàn [H09.5.019], [H09.5.020].

Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của SV trong công tác chăm sóc y tế và các hoạt động hỗ trợ khác, từ đó có những điều chỉnh hợp lý. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80,0% CB, GV, SV hài lòng về môi trường, sức khỏe và sự an toàn của nhà trường sự hài lòng được thông qua một số tiêu chí cụ thể sau: Hệ thống thu gom và xử lý rác thải, có đủ nước sinh hoạt và ăn uống, chăm sóc sức khỏe cho GV, học sinh, SV; hệ thống phòng cháy chữa cháy bố trí phù hợp và đảm bảo an toàn; khuôn viên nhiều cây xanh; phòng chống dịch bệnh; an toàn vệ sinh [H09.5.021]. Nhà trường đã có đường xe lăn cho người khuyết tật tại giảng đường G và nhà A1 [H09.5.022]. Tuy nhiên, còn nhiều khu vực khác chưa có đường xe lăn dành cho người khuyết tật.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và đã triển khai thực hiện tốt.

Nhà trường đã đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường G, nhà A1.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường còn thiếu đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường H, cơ sở 2 và cơ sở 3.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Nhà trường xây dựng đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở tất cả các khu vực giảng đường.

5. Tự đánh giá; Tiêu chí đạt 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

CSVN và trang thiết bị của Trường ĐHTT đã đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo SV ngành CNTT. CTĐT Ngành CNTT được sử dụng để đào tạo nguồn cán bộ CNTT có trình độ chuyên môn và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp và là thế mạnh mới của Trường ĐHTT. Chính vì vậy, Khoa Sư phạm và Nhà trường luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Đặc biệt, hệ thống CSVN được đầu tư bao gồm: hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được Khoa và Nhà trường thực hiện có hiệu quả. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục nâng cấp CSVN, thực hiện việc kết nối với thư viện của nước ngoài, đảm bảo môi trường sức khỏe và an toàn để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và PVCD.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có 4/5 tiêu chí đạt 4/7, 1/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Hiện nay, Nhà trường và Khoa Sư phạm rất chú trọng, thực hiện theo quy trình chặt chẽ và có hệ thống nhằm việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Mục tiêu là đào tạo cử nhân ngành CNTT đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho nền kinh tế địa phương và khu vực trong từng giai đoạn phát triển.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả

Nhà trường và Khoa Sư phạm có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi của các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCT học phần nhằm đáp ứng yêu cầu của NH về kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội [H10.1.001]. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT đã được Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo làm đầu mối quản lý, Khoa Sư phạm phối hợp thực hiện các nội dung: rà soát, cập nhật, điều chỉnh, đánh giá, thẩm định và phát triển CTĐT ngành CNTT [H10.1.002]. Trên cơ sở đó, Khoa Sư phạm tổ chức lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác cập nhật, rà soát, chỉnh sửa và đánh giá CTĐT ngành CNTT, trình độ đại học, hệ chính quy, thu thập thông tin từ các bên liên quan và tổng hợp nhu cầu đào tạo ngành CNTT bằng các hình thức: tổ chức hội nghị lấy ý kiến, phỏng vấn trực tiếp, phiếu khảo sát bằng Google Form,... [H10.1.003]. Nhà trường đã huy động được các nhà khoa học, cán bộ quản lý đào tạo và các GV có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp tham gia xây dựng CTĐT theo qui trình, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Nhà trường [H10.1.004]. Quy trình lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT ngành CNTT được thực hiện như sau: **Bước 1.** Lập kế hoạch tổng thể và lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo ngành CNTT, rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển CTDH; **Bước 2.** Đề xuất thành lập tiểu ban rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, phát triển CTĐT ngành CNTT; **Bước 3.** Xây dựng và hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan; **Bước 4.** Thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan theo kế hoạch; **Bước 5.** Tổng hợp và xử lý số liệu lấy ý kiến về nhu cầu nguồn nhân lực và chuẩn đầu ra, CTĐT ngành CNTT; Phân tích kết quả và viết các báo cáo tổng hợp; **Bước 6.** Sử dụng kết quả khảo sát để xây dựng phát triển CTĐT ngành CNTT; Tổ chức nghiệm thu CTĐT cấp khoa; Trình Hội đồng Khoa học và đào tạo Nhà trường thẩm định [H10.1.005]. Trong giai đoạn 2020-2024, CTĐT ngành CNTT đã được rà soát và điều chỉnh 2 lần (năm 2022 và 2024), trong quá trình điều chỉnh CTĐT Nhà trường đã ban hành văn bản qui định và

hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTĐT [H10.1.006].

Dựa trên CTĐT ngành CNTT đã có (giai đoạn trước khi chỉnh sửa, bổ sung) Khoa Sư phạm đã tiến hành họp lấy ý kiến đánh giá và góp ý để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [H10.1.007], [H10.1.008]. Sau khi thảo luận, đánh giá, Khoa tiến hành xây dựng bộ phiếu khảo sát với các nội dung chỉnh sửa, bổ sung cho CTĐT và xin ý kiến của các bên liên quan bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, GV, SV và cựu SV [H10.1.009]. Khoa áp dụng hình thức khảo sát bằng xin ý kiến trực tiếp, phiếu hỏi gửi trực tiếp, phiếu khảo sát bằng Google Form,.. đến các bên liên quan ... Thông tin thu thập được từ hoạt động khảo sát được tổng hợp, xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, sau đó Khoa phân tích và lập báo cáo tổng hợp ý kiến các bên liên quan ngành CNTT và đề xuất những thay đổi cho chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo ngành CNTT [H10.1.010]. Sau khi có kết quả khảo sát các bên liên quan, Khoa xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CĐR, CTĐT đang thực hiện và đề xuất những nội dung cần thay đổi [H10.1.011]. Đồng thời, Khoa tổ chức Hội nghị đánh giá về tính hiệu quả của các CĐR, CTĐT đang thực hiện, kết hợp với các báo cáo đối sánh CTĐT ngành CNTT trong và ngoài nước, từ đó hội nghị thảo luận và thống nhất các nội dung chỉnh sửa, bổ sung cho CTĐT ngành CNTT [H10.1.012], [H10.1.013]. Toàn bộ các thông tin phản hồi của các bên liên quan thu thập được qua quá trình khảo sát, đối sánh, hội nghị, hội thảo được xử lý, tổng hợp, phân tích, đánh giá và làm cơ sở để Khoa xây dựng bản CTĐT mới trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường thẩm định và nghiệm thu [H10.1.014]. Khoa tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản biện và kết luận của Hội đồng thẩm định, hoàn thiện các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị Nhà trường ra quyết định ban hành CTĐT ngành CNTT [H10.1.015].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã vận hành hiệu quả hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, kết quả đã áp dụng tích cực cho việc thiết kế và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc đóng ý kiến để xây dựng CTDH mới chỉ ở mức góp ý mà thiếu sự phân tích chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa Sư phạm có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, chú trọng tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Từ năm 2019-2024, Nhà trường đã 2 lần ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH, cụ thể: (1) Hướng dẫn số 550/HD-ĐHTTr ngày 22/8/2019 về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCT học phần; (2)) Hướng dẫn số 550/HD-ĐHTTr ngày 22/8/2019 về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCT học phần [H10.1.001]. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ở các lần ban hành khác nhau có sự thay đổi, điều chỉnh và bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối, phối hợp với các khoa chuyên môn để tiến hành các bước thực hiện rà soát và điều chỉnh CTDH. Căn cứ vào quy trình thiết kế và phát triển CTDH do Nhà trường ban hành, Khoa Sư phạm lập và thực hiện các kế hoạch xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, đánh giá, thẩm định và phát triển CTĐT ngành đào tạo CNTT, trình độ đại học, hệ chính quy [H10.2.001], [H10.1.003]. Năm 2022, quy trình thiết kế và phát triển CTDH quy định 16 bước thực hiện như sau: **Bước 1.** Lập kế hoạch rà soát, cập nhật và đánh giá CDR, CTĐT và ĐCCT học phần; **Bước 2.** Thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và bổ sung CDR, CTĐT và ĐCCT học phần; **Bước 3.** Thành lập Hội đồng rà soát, đánh giá và cải tiến mục tiêu, CDR, CTĐT và ĐCCT học phần; **Bước 4.** Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCT học phần; Khảo sát ý kiến các bên liên quan về CDR, CTĐT và ĐCCT học phần; **Bước 5.** Đánh giá về tính hiệu quả của mục tiêu, CDR, CTĐT đang thực hiện và đề xuất những nội dung cần thay đổi; **Bước 6.** Xây dựng dự thảo mục tiêu, CDR, CTĐT, đề cương học phần dựa trên kết quả khảo sát; **Bước 7.** Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo mục tiêu, CDR, CTĐT, đề cương học phần; **Bước 8.**

Bổ sung, hoàn thiện mục tiêu, CĐR, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường; **Bước 9.** Thông qua mục tiêu, CĐR; **Bước 10.** Ban hành CĐR sửa đổi, bổ sung; **Bước 11.** Rà soát các điều kiện đảm bảo để thực hiện CTĐT; **Bước 12.** Thành lập hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình, tài liệu phục vụ thực hiện CTĐT; **Bước 13.** Thẩm định, lựa chọn giáo trình, tài liệu phục vụ thực hiện CTĐT; **Bước 14.** Hoàn thiện CTĐT và ĐCCT học phần trình Hội đồng Khoa học và đào tạo; **Bước 15.** Xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT, ĐCCT học phần và trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT, ĐCCT sửa đổi, bổ sung; **Bước 16.** Ban hành CTĐT và ĐCCT học phần sửa đổi, bổ sung [H10.1.001].

Từ năm 2019 đến nay, Phòng Đào tạo đã phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện 02 lần rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Cụ thể: Năm 2022, Nhà trường tổ chức rà soát và đánh giá quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành CTĐT ngày 14/02/2022 [H10.1.001]. Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá, Phòng Đào tạo dự thảo quy trình thiết kế và phát triển CTDH mới cải tiến trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường họp xét, thẩm định và đề xuất ban hành [H10.2.002], [H10.1.001]. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH thể hiện ở Bảng 10.2.1:

Bảng 10.2.1. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH

Năm ban hành	Tên quy trình	Số văn bản	Nội dung cải tiến
2019	Hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCT học phần.	Hướng dẫn số 550/HD-ĐHTTr ngày 22/8/2019	- Quy định cụ thể đối với hai quy trình: 1. Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới (đối với mở mã ngành); 2. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCT học phần (đối với TCĐT đang thực hiện). - Bổ sung khảo sát ý kiến các bên liên quan về thiết kế chuẩn đầu ra của CTĐT.

2022	Hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm định và ban hành ngành đào tạo mới; đánh giá, cải tiến mục tiêu, chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐC học phần	Hướng dẫn số 89/HD-ĐHTTr ngày 18/2/2022	- Quy định cụ thể đối với hai quy trình: 1. Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới. 2. Hướng dẫn đánh giá, cải tiến mục tiêu, chuẩn đầu ra, CTĐT và đề cương học phần. - Quy định về thời gian đánh giá và cải tiến mục tiêu, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề cương học phần.
------	---	---	--

2. Điểm mạnh

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên hai năm một lần, có sự tham gia của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại

Quá trình rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan như các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên...

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH tiếp theo, Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về quá trình dạy học để đảm bảo tính thống nhất giữa dạy và học như: Quy định Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.3.001]; Các quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của

Trường ĐHTTr [H10.3.002]; Quyết định ban hành chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT [H10.3.003]; Quy định thực hiện hồ sơ chuyên môn của GV [H10.3.004]; Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H10.3.005]; Quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm [H10.3.006]; Quy định quản lý khoa học và công nghệ [H10.3.007]; Quy định công tác CVHT [H10.3.008]...

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong ĐCCT học phần, chỉ rõ hình thức thi, thời gian thi, trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá, nội dung, kết cấu đề thi, cấp độ nhận thức... Bên cạnh đó để đánh giá NH, Nhà trường còn ban hành: Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H10.3.009]. Trong đó, có quy định rõ về tổ chức thi học phần từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, lựa chọn các loại hình thức thi (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, bài tập lớn...), công thức tính điểm thành phần, trọng số của các thành phần điểm, cách quy đổi thang điểm 10 sang thang điểm 4 và điểm chữ. Nhà trường có quy định rõ về điều kiện cho những SV được làm khóa luận tốt nghiệp, quy định về cách chấm khóa luận [H10.3.001]. Đối với các học phần thực tập, thực tế, Nhà trường đã ban hành các quy định về kiểm tra, đánh giá kèm theo các Quyết định số 462/QĐ-ĐHTTr ngày 15/7/2017 quy định tổ chức học tập các học phần chuyên môn trên thực tế, thực địa và Quyết định số 1029/QĐ-ĐHTTr, ngày 13/11/2018 quy định về thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm [H10.3.010]. Để đánh giá quá trình học tập, thực tập ở nước ngoài của SV, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý SV theo Quyết định số 152/QĐ- ĐHTT ngày 02/3/2017 [H10.3.011]. Ngoài các quy định về học tập, Nhà trường còn căn cứ theo Thông tư số 16 ngày 12/8/2015 của BGD&ĐT ban hành quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của người học hệ chính quy theo Quyết định số 1469/QĐ-ĐHTTr ngày 16/12/2019 [H10.3.012].

Hằng năm, Nhà trường đều triển khai thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng giáo dục để đánh giá việc thực hiện các quy định về nhiệm vụ chuyên môn của GV, từ đó có những nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm cho mỗi GV trong từng nhiệm vụ cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học [H10.3.013], [H10.3.014]. Bên cạnh đó, hoạt động dự giờ của GV cũng được Khoa chú trọng. Khoa đã tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những GV lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới và thường xuyên dự giờ các học phần khác nhằm đóng góp ý kiến cho các GV về

nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp cùng Khoa Sư phạm tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung GV có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.3.015]. Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức các cuộc họp giữa Lãnh đạo Khoa, các GV bộ môn, trợ lý Khoa, cố vấn học tập, đại diện Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá, đồng thời họp đánh giá kết quả rèn luyện và xét học bổng cho SV [H10.3.016]. Việc xây dựng cách thức kiểm tra đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra. Mỗi học phần đều đáp ứng ít nhất một chuẩn đầu ra của CTĐT và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và CTĐT.

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra gửi đến Khoa lịch thi và danh sách các học phần cần bổ sung ngân hàng đề thi mới và rà soát ngân hàng đề thi đã có, trong thời gian quy định, các GV bộ môn nộp lại ngân hàng đề thi theo quy chế bảo vệ tài liệu mật, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra tổ chức cho SV thi đảm bảo tính độc lập, khách quan. Ngân hàng đề thi được GV rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa các kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Đối với các học phần chưa có ngân hàng đề thi, GV bộ môn ra đề và nộp trực tiếp cho phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra trước khi kết thúc học phần một tuần [H10.3.005].

Về quy trình chấm báo cáo thực tập: (1) Trợ lý Khoa thu báo cáo thực tập của SV, đồng thời yêu cầu nộp nhận xét của đơn vị thực tập về SV thực tập; (2) Khoa phân công 02 GV chấm báo cáo, bao gồm GV hướng dẫn và 01 GV khác chấm độc lập. (3) Kết quả thực tập của SV được trợ lý Khoa rà soát, tổng hợp và nộp Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra và nhập phần mềm quản lý điểm. (4) Kết quả thực tập được Trợ lý Khoa công bố cho SV trong vòng 2 tuần sau khi kết thúc đợt thực tập; (5) Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra, Phòng Đào tạo sẽ rà soát và kiểm tra xác suất việc kiểm tra, đánh giá cũng như quá trình vào điểm của SV [H10.3.006].

Trong các đợt rà soát, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo định kỳ 2 năm một lần (2022, 2024), cùng với việc rà soát chung các nội dung, Khoa tiến hành rà soát, đánh giá việc sử dụng các PP đánh giá kết quả học tập của NH ở tất cả các học phần trong CTĐT đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR [H10.1.015] [H10.1.016], [H10.1.017]. Khoa đã tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thảo luận giữa các giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành CNTT để tìm mô hình giảng dạy phù hợp, đề xuất các phương pháp giảng dạy thích hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CDR của CTĐT ngành CNTT. Tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức được hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành CNTT.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học ngành CNTT được tổ chức bài bản, đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo đại học và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức được hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Trong chu kỳ đánh giá và cải tiến CTĐT ngành CNTT tiếp theo, Khoa Sư phạm tổ chức hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Nhận thức rõ tầm quan trọng của NCKH đối với phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Nhà trường đã ban hành các quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Tân Trào, có sự điều chỉnh, bổ sung và cải tiến theo từng giai đoạn [H10.4.001]. Đối với GV Khoa Sư phạm, NCKH là nhiệm vụ trọng tâm và bắt buộc, các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và SV trong Khoa luôn được giám sát chất lượng bởi Hội

đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa, Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Nhà trường, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế. Số lượng các sản phẩm NCKH của GV ngành CNTT trong những năm vừa qua được thống kê cụ thể theo bảng 10.4.1.

Bảng 10.4.1. Các công trình khoa học đã công bố của GV ngành CNTT giai đoạn 2020 - 2024

Năm	Đề tài, sáng kiến		Báo khoa học, hội thảo			Sách	
	Đề tài NCKH	Sáng kiến	Trong nước	Nước ngoài	Bài đăng ký yếu hội thảo khoa học quốc tế	Sách xuất bản	Tài liệu tham khảo lưu hành nội bộ
2020			3	1			
2021	1		7	3			2
2022	1		4	6		2	
2023	3			8		2	
2024	2			7		1	
Tổng	7		14	25		5	2

Số liệu thống kê cho thấy trong giai đoạn 2020 - 2024, các kết quả/sản phẩm NCKH của GV, SV ngành CNTT không ngừng gia tăng cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt các công bố quốc tế tăng nhanh, đã có những bài báo khoa học đăng trên tạp chí có uy tín trên thế giới, có chỉ số SCOPUS/ISI. Những năm gần đây, GV đã tham gia các hội thảo khoa học quốc tế, xuất bản sách phục vụ đào tạo. Loại hình NCKH của GV ngày càng đa dạng hơn về nội dung và hình thức như thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm, viết báo khoa học, tham gia hội thảo, biên soạn sách, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo [H10.4.002]. Những năm gần đây, SV ngành CNTT cũng bắt đầu thực hiện các NCKH liên quan đến lĩnh vực chuyên môn [H10.4.003]. Tuy nhiên, hoạt động NCKH của SV ngành CNTT còn hạn chế, các NCKH của SV chủ

yếu thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV như khóa luận tốt nghiệp hoặc là thành viên tham gia đề tài NCKH cùng GV.

Trong giai đoạn 2020 - 2024, các kết quả NCKH đã được áp dụng, chuyển tải thành nội dung, chuyên đề để giảng dạy trong CTDH ngành CNTT. Một số bài báo khoa học được chuyển tải thành nội dung chuyên đề sinh hoạt chuyên môn của GV chuyên ngành CNTT. Một số sáng kiến kinh nghiệm do GV trong Khoa thực hiện nhằm đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành CNTT [H10.4.003].

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động giảng dạy phù hợp với chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu. Trong các đợt sinh hoạt chuyên môn của Khoa, các nội dung NCKH của GV và SV được thảo luận dưới dạng báo cáo chuyên đề nhằm áp dụng, phổ biến các nội dung và kết quả NCKH trong dạy học. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên hàng tháng và định kỳ theo các phiên họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa với các nội dung công việc cụ thể như: Xét duyệt các đề xuất nhiệm vụ NCKH; Thảo luận, góp ý về thuyết minh đề tài, đề cương biên soạn tài liệu tham khảo; Đánh giá, nghiệm thu kết quả NCKH theo tiến độ để trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường; Phổ biến, áp dụng các kết quả NCKH trong hoạt động dạy - học của Khoa. Các hoạt động này được tập thể Khoa triển khai thực hiện thường xuyên đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng các sản phẩm khoa học công nghệ, đồng thời cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV chuyên ngành CNTT.

2. Điểm mạnh

Các sản phẩm NCKH của Khoa ngày càng nhiều, đa dạng hơn về nội dung, hình thức; chất lượng các sản phẩm NCKH ngày càng cao. Khoa đã vận dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của SV ngành CNTT còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa Sư phạm kết hợp với phòng Quản lý khoa học và HTQT tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành Quy định đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và văn bản Quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ sinh viên Trường ĐHTT [H10.5.001]. Theo đó, các đơn vị trực thuộc Nhà trường bao gồm cả Khoa Sư phạm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học 01 lần/ năm [H10.5.002], nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV [H10.5.003]. Kết thúc mỗi kì học, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của GV và người học về các học phần liên quan đến CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; hạ tầng CNTT; nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và NCKH [H10.5.004].

Các thiết bị hỗ trợ được bảo quản, sử dụng, thanh lý và thay mới theo quy định của Bộ Tài chính. Nhà trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H10.5.005].

Hằng năm, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp đã phối hợp với Khoa tổ chức khảo sát ý kiến GV, SV về sự đáp ứng nguồn học liệu và lịch hoạt động của Thư viện làm căn cứ đánh giá, cải tiến chất lượng phục vụ và bổ sung nguồn học liệu sử dụng cho dạy và học [H10.5.006].

Hoạt động CNTT đã được Nhà trường chú trọng, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và NH. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị và phần mềm tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý, giảng dạy và NCKH trong toàn Trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng và hỗ trợ kỹ thuật tin học cho GV và SV (Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi

NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT [H10.5.007], [H10.5.008].

Khoa Sư phạm phân công CVHT quản lý lớp, hàng tháng CVHT tham dự các phiên họp của lớp theo đúng quy định của nhà trường (01 lần/ tháng) nhằm nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất đến NH [H10.5.009]. Ngoài ra, Khoa cũng đã phối hợp Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra tổ chức lấy ý kiến SV trước khi tốt nghiệp đánh giá khóa học [H10.5.010]. Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được Khoa và các đơn vị trong Nhà trường thực hiện thường xuyên, đa dạng, linh hoạt và mang tính hệ thống. Kết quả đánh giá cho thấy nhìn chung các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo chuyên ngành CNTT đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú và có ý nghĩa thiết thực.

Trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa Sư phạm đã đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu NH. Các hoạt động cụ thể nhằm cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ bao gồm: Tổ chức kiểm tra thực tế các điều kiện về hệ thống CNTT, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành CNTT [H10.5.011], [H10.5.012]; tổ chức thống kê học liệu sử dụng cho chuyên ngành CNTT [H10.5.013]. Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế và nhu cầu sử dụng vật tư, trang thiết bị phục vụ đào tạo, Khoa đã xây dựng kế hoạch và đề xuất Nhà trường mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung thêm sách, trang bị thêm máy tính, xây dựng phòng thực hành. Khoa phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp rà soát và đề xuất bổ sung học liệu phục vụ nhu cầu đào tạo thông qua việc mua sắm và ký kết thỏa thuận liên kết chia sẻ, kết nối tài liệu thư viện với các đối tác như: thư viện số dùng chung - Viện nghiên cứu phát triển tri thức số, Trường Đại học Bắc Philippines, Trường Đại học Mabalacat [H10.5.014]. Về ứng dụng CNTT phục vụ công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch ứng dụng phát triển CNTT năm 2020; Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong trường Đại học Tân Trào giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch chuyển đổi số của trường ĐHTT năm 2023; Đầu tư kinh phí hằng năm cho xây dựng hạ tầng và dịch vụ CNTT; Xây dựng hệ thống cổng thông tin <https://daihoctantrao.edu.vn> và <https://daotao.daihoctantrao.edu.vn>; xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hằng năm [H10.5.015].

Ngoài ra, một số hoạt động khác nhằm tư vấn, hỗ trợ cho NH cũng được tổ chức thực hiện như: Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp trong “Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp; “Phiên giáo dục việc làm huyện Yên Sơn” nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp ra trường nhanh chóng có việc làm ổn định và phù hợp với ngành đào tạo; hỗ trợ, khuyến khích SV tham gia thực tập ở nước ngoài; chi hỗ trợ học bổng khuyến học tập cho SV theo Nghị quyết 34/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang [H10.5.016]. Các hoạt động hỗ trợ và tiện ích mà Nhà trường và Khoa đã triển khai thực hiện tương đối đa dạng và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thực tế của NH.

2. Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được Khoa và Nhà trường được thường xuyên kiểm tra, giám sát và thay mới theo quy định nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho quá trình dạy và học của GV và SV, đảm bảo chất lượng đào tạo chuyên ngành CNTT.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích chưa được tập hợp theo hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ tăng cường cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời tiến hành tập hợp dữ liệu khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ một cách có hệ thống, ưu tiên sử dụng CNTT và khảo sát trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển CTDH, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của NH ngành CNTT được thực hiện mang tính hệ thống. Nhà trường đã ban hành “Quy định về việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH”. Quy định đã nêu rõ quy trình thực hiện, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan như sau: **Bước 1.** Các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng kế hoạch và thiết kế mẫu phiếu thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và

phát triển CTDH; **Bước 2.** Trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch; **Bước 3.** Các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan: phát phiếu, thu phiếu; **Bước 4.** Hiệu chỉnh, nhập và xử lý dữ liệu; **Bước 5.** Tổng hợp kết quả; **Bước 6.** Sử dụng thông tin thu thập được để viết các báo cáo tiêu chí, báo cáo tiêu chuẩn phục vụ công tác đánh giá CTĐT, đồng thời làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh, xây dựng và phát triển CTĐT. **Bước 7.** Công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng và các phòng chức năng; **Bước 8.** Lưu trữ dữ liệu về công tác thu thập thông tin [H10.5.001]. Khoa Sư phạm đã phối hợp với các phòng chức năng tổ chức nhiều kênh thông tin, nhiều nội dung và hình thức thu thập thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động, cụ thể như: Tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV [H10.6.001]; Thành lập Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho SV [H10.6.002]; Khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và tổ chức kết nối, giới thiệu việc làm cho SV [H10.6.003]; Khảo sát sự hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH [H10.5.002]; Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về các hoạt động giảng dạy của GV [H10.3.016]. Khoa Sư phạm cũng đã trực tiếp tiến hành các đợt khảo sát về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành CNTT; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và đề xuất những thay đổi cho CDR, CTĐT ngành CNTT [H10.1.003], [H10.6.004]. Qua đó cho thấy đã có sự phối hợp giữa Khoa Sư phạm và các đơn vị tổ chức xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan một cách đa dạng và có tính hệ thống trong quá trình cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Về quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH, Khoa Sư phạm đã tổ chức sinh hoạt chuyên môn lấy ý kiến đánh giá, đề xuất bổ sung, chỉnh sửa “*Quy định về việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển chương trình dạy học*” ban hành theo Quyết định số 820-QĐ/ĐHTT ngày 14/7/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTT [H10.6.005]. Sau khi lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trong Trường, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra tổng hợp báo cáo, chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất Nhà trường ban hành quy trình mới theo Quyết định số 110/QĐ-ĐHTT ngày 14/2/2020 [H10.6.006]. Quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH đã được đánh giá và cải tiến theo hướng nâng cao tính hệ thống, độ tin cậy và tính hiệu quả của việc thu thập thông tin phản hồi, đặc biệt

trong việc thu thập thông tin và xử lý thông tin thu thập được vào việc điều chỉnh, phát triển chương trình dạy học. Tuy nhiên, quá trình rà soát và đánh giá quy trình này còn hạn chế mức độ tin cậy của thông tin do một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Sư phạm có quy định cụ thể về lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nên việc thu thập ý kiến phản hồi có tính hệ thống tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Mức độ tin cậy của thông tin do một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 -2026, Khoa có kế hoạch đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi một cách hệ thống. Đồng thời, cần thường xuyên cập nhật điều chỉnh các mẫu phản hồi, hình thức lấy ý kiến để đem lại hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10: Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành CNTT đã được Trường ĐHTTr và Khoa Sư phạm thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào Chuẩn đầu ra ngành CNTT và kế hoạch thiết kế và phát triển chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được tổng hợp và đánh giá, làm cơ sở để Khoa bổ sung, chỉnh sửa CTĐT ngành CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành CNTT trong từng giai đoạn; Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần theo chuẩn đầu ra; Khoa đã thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung giảng dạy, đã sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học; Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của NH, có sự cải tiến hằng năm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có

tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục và xây dựng kế hoạch cải tiến, như: áp dụng linh hoạt và đầy đủ các phương thức thu thập thông tin, nâng cao chất lượng thông tin phản hồi của các bên liên quan về cải tiến chất lượng đào tạo; kiểm tra, rà soát chặt chẽ đối với đề thi của các học phần chưa có ngân hàng đề thi; thúc đẩy hoạt động NCKH của SV ngành CNTT; xây dựng phòng thực hành CNTT đáp ứng nhu cầu thực hành, thực tập của SV. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 5/6 tiêu chí đạt 5/7, 1/6 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu: Kết quả đầu ra của SV được đánh giá thông qua tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. Hằng năm, tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp cùng hoạt động NCKH của CTĐT ngành CNTT với các CTĐT khác trong nhà trường và với trường đại học khác đã được xác lập, giám sát và đối sánh. Những hoạt động này được quy định với trình tự chặt chẽ, phù hợp. Nhà trường và khoa đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đo lường sự hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định của Nhà trường về học tập, rèn luyện, điều kiện tốt nghiệp, hằng năm, tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn ngành CNTT được xác lập chặt chẽ, đúng quy định [H11.1.001], [H11.1.002], [H11.1.003], [H11.1.004]. Số SV thôi học và SV tốt nghiệp được cập nhật, báo cáo cụ thể để Nhà trường, Khoa, các phòng chức năng theo dõi và quản lý theo quy định [H11.1.005], [H11.1.006], [H11.1.007], [H11.1.008].

Thực hiện sự phân công của Lãnh đạo Nhà trường, Phòng Quản lý SV, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên thôi học. Nhiệm vụ theo dõi, giám sát này được phân công cụ thể cho chuyên viên chuyên trách của đơn vị thực hiện [H11.1.009], [H11.1.010], [H11.1.011], [H11.1.012], [H11.1.013], [H11.1.014]. Hằng năm, tỷ lệ

SV ngành CNTT thôi học, tốt nghiệp đã được Nhà trường giám sát thực hiện, phân tích, đánh giá kết quả cụ thể, chi tiết để làm cơ sở cho công tác quản lý người học và nâng cao chất lượng dạy và học [H11.1.015], [H11.1.016], [H11.1.017], [H11.1.018], [H11.1.019], [H11.1.020].

Hàng năm, báo cáo số lượng SV thôi học, SV tốt nghiệp được thực hiện phân tích đối sánh giữa các năm, các khóa đào tạo để tìm hiểu, đánh giá nguyên nhân thực trạng [H11.1.015], [H11.1.017]. Hạn chế của Ngành CNTT là có tỷ lệ SV thôi học trong quá trình đào tạo là khá cao với tỷ lệ trung bình của giai đoạn 2020 - 2024 là 14,55%. Trên cơ sở kết quả thống kê, Nhà trường và Khoa đã đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể như: Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ; giới thiệu việc làm; đối thoại; điều chỉnh chương trình đào tạo; mở học kỳ phụ; ... nhằm giảm tỷ lệ SV thôi học và nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tốt nghiệp sớm [H11.1.021], [H11.1.022], [H11.1.023], [H11.1.024], [H11.1.025], [H11.1.026], [H11.1.027], [H11.1.028], [H11.1.029], [H11.1.030], [H11.1.031], [H11.1.032], [H11.1.033], [H11.1.034].

Bảng 11.1.1. Số SV ngành CNTT thôi học giai đoạn 2020 - 2024

Khoá đào tạo	Số SV đầu khóa	Số SV thôi học
2020 - 2024	27	2
2021 - 2025	59	14
2022 - 2026	60	14
2023 - 2027	55	8

2. Điểm mạnh

Nhiều giải pháp giúp sinh viên đảm bảo tiến độ học tập, tốt nghiệp được đưa ra và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Còn có tỷ lệ thôi học khá cao trong quá trình đào tạo do SV không đủ năng lực theo học.

4. Kế hoạch hành động

Đề án tuyển sinh đưa thêm các chỉ số phụ yêu cầu về năng lực chuyên môn gắn với đặc thù ngành học; Cố vấn học tập, Trợ lý Khoa chủ động giám sát chặt chẽ tình

hình học tập để có những giải pháp hỗ trợ kịp thời, cụ thể đối với từng trường hợp SV có nguy cơ thôi học.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt 6/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Các hệ/hình thức đào tạo của Nhà trường được quy định cụ thể đối với từng ngành đảm bảo phù hợp và theo đúng quy định. Quy định nêu rõ: Tùy thuộc chương trình đào tạo, khóa học diễn ra trong thời gian từ 3- 5 năm. Ngành CNTT hệ chính quy có thời gian đào tạo là 4 năm [H11.1.001], [H11.1.004].

Nhằm đảm bảo SV tốt nghiệp đúng thời hạn trung bình, Nhà trường đã giao các đơn vị chuyên trách thực hiện theo dõi, giám sát công tác này [H11.1.010], [H11.1.011], [H11.1.012], [H11.1.013], [H11.1.014]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CNTT được Nhà trường, Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra thực hiện báo cáo hằng năm [H11.1.017; H11.2.001]. Các trường hợp SV tốt nghiệp muộn được Khoa và các đơn vị chuyên trách của Nhà trường tìm hiểu, phân tích, đánh giá nguyên nhân và xác định các giải pháp hạn chế. Theo đó, nguyên nhân chủ yếu là: nghỉ học đi làm phụ giúp gia đình; gia đình khó khăn về tài chính; một số ít sinh viên không đủ năng lực hoặc không đủ sức khỏe để theo học. Biện pháp được thực hiện là: làm tốt công tác giáo dục tư tưởng nhận thức đúng đắn về ngành học; chủ động giám sát chặt chẽ tình hình học tập để có những giải pháp hỗ trợ kịp thời, cụ thể đối với từng trường hợp SV; đổi phương pháp giảng dạy, cập nhật chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội [H11.1.015], [H11.1.016], [H11.2.002], [H11.1.001], [H11.1.004], [H11.1.033], [H11.1.034].

Đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CNTT được Khoa và các đơn vị chuyên trách của Trường thực hiện hằng năm. Nhiều giải pháp giúp sinh viên đảm bảo tiến độ học tập, tốt nghiệp được đưa ra và thực hiện, cụ thể là: gặp gỡ, tư vấn; tổ chức các học kỳ phụ; học cải thiện điểm [H11.1.017], [H11.2.001], [H11.2.003], [H11.2.004], [H11.2.005], [H11.2.006], [H11.1.032], [H11.2.007], [H11.2.008], [H11.2.009], [H11.2.010], [H11.1.021]. Kết quả, đến nay, toàn Trường chỉ ngành CNTT là có sinh viên tốt nghiệp sớm và có tỷ lệ tốt nghiệp

sớm rất cao (chiếm 84%), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp sớm và đúng hạn đạt 96%. Tuy vậy, vẫn còn có trường hợp tốt nghiệp muộn.

Bảng 11.2.1. Số SV tốt nghiệp khóa đào tạo 2020 - 2024

Ngành đào tạo	Số SV đến thời điểm TN	Số SV TN sớm	Số SV TN đúng hạn	Số SV TN muộn
CNTT	25	21	03	01
GD Tiểu học	92	0	91	01
GD Mầm non	32	0	31	01
Sư phạm Toán	05	0	05	0
Kế toán	31	0	30	01
Quản lý văn hóa	03	0	03	0
Quản trị DV Du lịch & Lữ hành	12	0	11	01
Điều dưỡng	50	0	49	01

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ SV ngành CNTT tốt nghiệp ra trường trước và đúng thời hạn rất cao.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn có sinh viên tốt nghiệp muộn.

4. Kế hoạch hành động

Cố vấn học tập, Trợ lý khoa chủ động giám sát chặt chẽ tình hình học tập để có những giải pháp hỗ trợ kịp thời, cụ thể từ sớm đối với trường hợp SV có nguy cơ tốt nghiệp muộn; đổi phương pháp giảng dạy, cập nhật chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 6/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Nhà trường giao cho Phòng Quản lý sinh viên nhiệm vụ theo dõi, thống kê tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp [H11.1.003], [H11.1.007]. Hằng năm, Phòng Quản lý sinh viên phối hợp với khoa chuyên môn thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp năm học trước đó. Trước khi tiến hành khảo sát, Nhà trường ban hành kế hoạch trong đó xây dựng quy trình thực hiện, thiết kế bộ câu hỏi và tiến hành 3 hình thức khảo sát là: Phỏng vấn gặp mặt trực tiếp, Phỏng vấn qua điện

thoại và qua thư (online) [H11.3.001]. Sau khi kết thúc thời gian khảo sát, Phòng Quản lý sinh viên tiến hành thu thập, xử lý, tổng hợp kết quả và xây dựng báo cáo kết quả tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp với Lãnh đạo trường [H11.3.002].

Phòng Quản lý sinh viên đã tiến hành đối sánh tỉ lệ NH có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp đối với các ngành đào tạo khác trong trường như: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Văn học, ... [H11.3.003].

Căn cứ đối sánh việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2023, tỉ lệ NH ngành có việc làm đúng ngành đào tạo là khá cao (76%) và liên quan đến ngành đào tạo (19%). 100% có mức thu nhập đảm bảo [H11.3.003]. Điều đó khẳng định chất lượng của CTĐT các ngành của Trường ĐHTTr đã đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội. Qua đó khẳng định được thương hiệu của Khoa Sư phạm cũng như của Trường ĐHTTr. Tuy nhiên, ngành CNTT mới có khóa SV đầu tiên tốt nghiệp năm 2024 nên Nhà trường chưa khảo sát tỷ lệ có việc làm [H11.3.003].

Đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp năm 2022 có việc làm của ngành với ngành tương đồng thông tin Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Quảng Nam, tỉ lệ NH có việc làm của chuyên ngành Trường ĐHTTr trong đó tỷ lệ sinh viên tìm được các công việc phù hợp với chuyên ngành đào tạo của Trường ĐHTTr cao hơn so với NH chuyên ngành Trường Đại học Đồng Tháp và Trường Đại học Quảng Nam. [H11.3.004]. Tuy nhiên, Khoa Sư phạm chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ NH có việc làm với các Trường Đại học quốc tế có cùng chuyên ngành đào tạo.

Hằng năm, Khoa Sư phạm đều tổ chức các cuộc họp về tình hình việc làm của NH, qua đó tiến hành thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục tình trạng NH chưa có việc làm hoặc việc làm trái với chuyên ngành đào tạo [H11.3.005]. Để khắc phục tình trạng đó, Nhà trường đã thành lập Ban Hướng nghiệp và tư vấn việc làm nhằm giúp Nhà trường trong việc điều hành, quản lý, thống nhất các hoạt động liên quan đến công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho NH [H11.3.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tiến hành nhiều giải pháp như: tổ chức, phối hợp với các đơn vị doanh nghiệp, các huyện tổ chức Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp; Phiên giao dịch việc làm; tổ chức hỗ trợ, tư vấn việc làm cho SV [H11.3.007], [H11.3.008]. Qua đó hỗ trợ NH tăng kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế; tăng kỹ năng làm hồ sơ, dự phỏng vấn và dự tuyển việc làm và tư vấn, hướng nghiệp việc làm cho SV. Ngoài ra, để giúp nâng cao kiến thức thực tế cho NH, Nhà

trường đã ký nhiều biên bản ghi nhớ, hợp tác với doanh nghiệp để NH đến thực tập, quan sát thực tế quá trình sản xuất kinh doanh [H11.3.009].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ NH tăng kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế; tăng kỹ năng làm hồ sơ, dự phỏng vấn và dự tuyển việc làm và tư vấn, hướng nghiệp việc làm cho SV.

3. Điểm tồn tại

Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ việc làm của NH chuyên ngành CNTT với các trường đại học khác và đại học quốc tế có cùng chuyên ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa Sư phạm tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm của NH chuyên ngành Công nghệ thông tin của Nhà trường với các Trường khác và Đại học quốc tế có cùng chuyên ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Căn cứ Chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến 2030, Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực; cơ sở vật chất và tài chính; đào tạo... Trong đó, Chiến lược phát triển NCKH và HTQT cũng được xác định rõ mục tiêu, giải pháp chỉ số và kế hoạch thực hiện mục tiêu của chiến lược, hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học trong đó xác định rõ nhiệm vụ của từng đơn vị để thực hiện tốt nhất hoạt động NCKH [H11.4.001]. Nhà trường ban hành Quyết định số 948/QĐ- ĐHTTr ngày 14/10/2020 Quy định về quản lý hoạt động NCKH & Công nghệ gồm các loại hình NCKH, số lượng các bài báo, tạp chí, các loại hình hoạt động nghiên cứu của NH như: Tham gia hội nghị hội thảo, hội thi sáng tạo khoa học, câu lạc bộ khoa học SV; Tham gia thực hiện các đề tài NCKH [H11.4.002].

Nhà trường cũng căn cứ kết quả NCKH hằng năm để chỉnh sửa quy định nghiên cứu khoa học và quy chế chi tiêu nội bộ chi cho hoạt động nghiên cứu này [H11.4.003], trong đó, quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường năm 2023 đã đảm bảo đúng 5% kinh phí thu được từ hoạt động đào tạo để dành cho công tác NCKH và phục vụ NCKH của giảng viên và sinh viên. Nhà trường cũng ban hành Quy trình nội bộ, cụ

thể: về ĐBCL có 07 quy trình; về Đào tạo có 22 quy trình; về NCKH và HTQT có 10 quy trình, trong quy chế về NCKH, nhà Trường đã phân tách riêng quy định về hoạt động NCKH cho cán bộ giảng viên và NCKH cho sinh viên. Đồng thời các biểu mẫu về NCKH đã được công bố online đầy đủ. Trong quy định về hoạt động NCKH của giảng viên, nhà Trường cũng đã xây dựng quy chế hoạt động của nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh theo các quy định mới nhất của Luật Giáo dục đại học và các thông tư hướng dẫn. Về công tác sinh viên có 05 quy trình; về công tác tổ chức có 13 quy trình. Trong các quy định về sinh viên năm 2021 đã có thêm các quy định về sinh viên NCKH, quy định chỉ tiêu ít nhất 5% sinh viên chính quy tham gia công tác NCKH [H11.4.004].

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của trường đại học, SV ngành CNTT được khuyến khích tham gia NCKH. Hoạt động NCKH của SV ngành CNTT bao gồm các bài tiểu luận, các bài báo khoa học, các đề tài NCKH, khóa luận tốt nghiệp, SV của khoa đã tham gia cuộc thi ý tưởng sáng tạo SV, ngày hội SV sáng tạo và đã đạt giải cao. Số lượng NCKH của NH còn được xác lập trong Kế hoạch chiến lược KHCN của nhà trường và kế hoạch công tác năm học của khoa [H11.4.005].

Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH được thực về quy định quản lý hoạt động Khoa học Công nghệ của Trường ĐHTTr. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế có nhiệm vụ giám sát loại hình và số lượng hoạt động NCKH của NH, đó là: tổ chức chỉ đạo, quản lý và đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường hoạt động NCKH trong NH, có các tiêu chí đối với NH tham gia NCKH, các tiêu chí xác định đề tài, chế độ báo cáo và kiểm tra tình hình thực hiện đề tài KHCN.

Đối với khóa luận tốt nghiệp của SV, Nhà trường đã ban hành hướng dẫn về việc đăng kí, triển khai và chấm khóa luận, hướng dẫn trình bày khóa luận tốt nghiệp.

Trường ĐHTTr nhằm hỗ trợ, theo dõi, giám sát và giúp đỡ SV trong quá trình thực hiện NCKH. Hằng năm, Nhà trường đều có thống kê số lượng, NCKH của SV [H11.04.006]. Nhà trường đã xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của SV gồm: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Quản lý sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài vụ và các khoa [H11.4.007]. Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện đề tài gồm: (1) Đề xuất đề tài; (2) Xét duyệt danh mục đề tài; (3) Xét duyệt, thẩm định thuyết minh đề tài;

(4) Phê duyệt; (5) Thực hiện đề tài; (6) Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài; (7) Nghiệm thu đề tài; (8) Lựa chọn đề tài tham gia Hội nghị xét Giải thưởng “Sinh viên NCKH cấp trường”; (9) Xét Giải thưởng “Sinh viên NCKH cấp trường” [H11.4.008] và xây dựng các biểu mẫu thực hiện đề tài dành riêng cho SV. Kinh phí đầu tư cho NCKH của SV hằng năm được trích từ quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của trường. Trong chu kỳ đánh giá, SV ngành CNTT có 7 đề tài NCKH. Cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV đã được Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế cập nhật thường xuyên trên máy tính; danh mục đề tài, các thông tin về NCKH của SV được lưu trữ trên máy tính; các sản phẩm NCKH được lưu trữ tại Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp của Trường.

Để thúc đẩy hoạt động NCKH, hằng năm Nhà trường ưu tiên giành một nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH trong đó có hoạt động hợp tác với các đối tác được tăng lên hằng năm [H11.4.009]. Giai đoạn 2019-2024, Nhà trường ban hành và sửa đổi Quy chế Chi tiêu nội bộ hằng năm, trong đó có chế độ ưu đãi, hỗ trợ kinh phí cho các CBGV có xuất bản phẩm là giáo trình, tài liệu tham khảo, các bài báo đăng ở các tạp chí có số điểm từ 0,75 điểm trở lên và đăng ở các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, SCOPUS; hỗ trợ đề tài NCKH sinh viên và đề tài NCKH giảng viên; chi hỗ trợ GV có bằng độc quyền sáng chế; năm 2024, cán bộ Nhà trường đã nghiên cứu thành công kỹ thuật vào mẫu và nghiên cứu thử nghiệm môi trường các giai đoạn sinh trưởng của mầm mô cây Hồng [H11.4.010], cán bộ Nhà trường nghiên cứu thành công thực hiện tạo ra sản phẩm Nhãn chín sớm, nâng cao giá trị nông sản, tạo nguồn thu phục vụ nông dân trên địa bàn tỉnh [H11.4.011].

Về NCKH, đến hết năm 2024 GV, SV đã thực hiện 369 nhiệm vụ KHCN, trong đó: Đề tài các cấp 62, bao gồm: Đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ: 03; Đề tài NCKH cấp cơ sở của giảng viên: 26; Đề tài NCKH của sinh viên: 33, trong đó 14 đề tài được giải “Giải thưởng Sinh viên NCKH cấp Trường năm 2023”. Có 288 bài báo khoa học của giảng viên, sinh viên được đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế. Đã xuất bản: 17 giáo trình, tài liệu tham khảo, lưu hành nội bộ: 02; Sáng kiến cấp cơ sở: 10. Chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học đã đạt được mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2018 - 2025, cụ thể: Mỗi năm mở ít nhất một lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu; 50% đề tài, dự án đứng dụng có hiệu quả vào thực tiễn, giảng dạy; 50% các kết quả nghiên cứu mới được đưa vào chương trình đào tạo; 15 đầu sách chuyên khảo, tài liệu

tham khảo được xuất bản; 10% đề tài khoá luận, luận văn, luận án gắn với các đề tài NCKH của giảng viên. Năm 2024 SV đã thực hiện thêm 41 đề tài; GV đã thực hiện 32 đề tài NCKH cấp cơ sở. [H11.4.012], [H11.4.013], [H11.4.014].

Kinh phí đầu tư cho NCKH của NH hằng năm được trích từ quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường, ngoài ra Nhà trường có quy định mức hỗ trợ kinh phí NCKH của SV trong quy chế chi tiêu nội bộ: “Hỗ trợ các đề tài NCKH của sinh viên sau nghiệm thu đạt yêu cầu ngoài việc cộng điểm khuyến khích”: Loại A: 2.000.000đ/đề tài; Loại B: 1.500.000đ/đề tài; Loại C: 1.000.000đ/đề tài” [H11.4.015], có chính sách khen thưởng SV có thành tích xuất sắc trong NCKH, cộng điểm rèn luyện đối với SV tham gia NCKH: “Sinh viên tham gia NCKH được giải thưởng, sẽ được cộng điểm thưởng vào tất cả các môn học trong học kỳ II của năm học được xét và công bố giải thưởng.

Trong chu kì đánh giá Khoa đã có nhiều SV tham gia NCKH và đạt giải “SV NCKH cấp trường”. Tuy nhiên, Khoa chưa đối sánh số lượng và loại hình các hoạt động nghiên cứu của người học với các CSGD ngoài nước.

2. Điểm mạnh

GV tại trường là các Nhà khoa học có chuyên môn sâu và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Có một GV là PGS hiện đang đảm nhiệm chức vụ trưởng bộ môn Tin học, đầy nhiệt huyết và kinh nghiệm trong hoạt động NCKH, đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH của ngành.

3. Điểm tồn tại

Chưa có đối sánh số lượng và loại hình các hoạt động nghiên cứu của NH với các ngành khác.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, khoa sẽ thực hiện đối sánh về số lượng và loại hình các hoạt động nghiên cứu của NH với các ngành khác.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 11.5. *Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

1. Mô tả

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, đánh giá, giám sát, đôn đốc các hoạt động

liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng GD của Nhà trường và giao cho các đơn vị thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.5.001], cụ thể:

- Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV.
- Phòng Quản lý sinh viên thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp.
- Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về công tác quản lý hoạt động NCKH.
- Phòng Đào tạo thực hiện việc rà soát, CTĐT, CDR, đề cương CTHP.
- Văn phòng thực hiện lấy ý kiến phản hồi về CSVC.
- Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp thực hiện lấy ý kiến phản hồi về hạ tầng CNTT, trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH, nguồn học liệu, chất lượng phục vụ của thư viện.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ ĐBCL, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra xây dựng kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến phản hồi; phân công và triển khai tới các đơn vị trong toàn Trường. Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến phản hồi tập trung vào các nội dung như: Phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập; về đánh giá môn học và các hoạt động hỗ trợ học tập; phản hồi của nhà tuyển dụng về chất lượng người học tốt nghiệp; khảo sát & báo cáo kết quả về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; phản hồi của các bên liên quan về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong Trường ĐHTTr; khảo sát SV trước khi tốt nghiệp; khảo sát về môi trường, hạ tầng CNTT, nguồn học liệu ...[H11.5.002]. Trên cơ sở hướng dẫn của Nhà trường, nội dung khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về xây dựng; rà soát, chỉnh sửa CDR; CTĐT; đề cương chi tiết học phần các chuyên ngành đào tạo được phân công cụ thể cho từng khoa phù hợp với chức năng của từng đơn vị; các khoa trên cơ sở nhiệm vụ được phân công tiến hành xây dựng kế hoạch khảo sát, thực hiện đúng chu kỳ hai năm một lần (năm 2022, 2024) và triển khai thực hiện đúng kế hoạch, theo đó Nhà trường đã tiến hành chỉnh sửa các CTĐT kịp thời đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL phù hợp với nhu cầu của xã hội [H11.5.003], [H11.5.004], [H11.5.005].

Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị chức năng xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và PP triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về

hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVN; khảo sát mức độ hài lòng của CB, GV, nhân viên với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, xử lý và có báo cáo cụ thể. Kết quả khảo sát hằng năm về sự hài lòng của CB, GV, SV về công tác quản lý hoạt động NCKH cho thấy: CB, GV đánh giá cao về công tác quản lý nghiên cứu, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, quy trình tổ chức thực hiện đề tài. Đối với SV, các em đánh giá cao hệ thống văn bản quy định, quy trình hướng dẫn về hoạt động nghiên cứu. Kết quả lấy ý kiến khảo sát về công tác NCKH năm học 2022 - 2023 có 88,6% cán bộ, GV, 87,16% SV đánh giá ở các mức rất hài lòng, hài lòng và cơ bản hài lòng, có 11,34% CB, GV cảm thấy chưa hài lòng về một số nội dung, năm học 2023 - 2024 có trên 90% cán bộ, GV, 85% sinh viên đánh giá ở các mức rất hài lòng, hài lòng và cơ bản hài lòng với các nội dung khảo sát về NCKH [H11.5.006], [H11.5.007].

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường và Khoa đã tiến hành khảo sát sự hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, kết quả cho thấy đa số SV hài lòng về hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH của nhà trường. Mức độ hài lòng tăng dần qua các năm, khẳng định hiệu quả của những biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động hỗ trợ NH trong Nhà trường.

Kết quả thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm cập nhật, đánh giá, điều chỉnh CDR, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần phù hợp với nhu cầu của xã hội. Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, GV và SV về chương trình đào tạo ngành CNTT, kết quả như sau:

Bảng 11.5.1. Đối sánh CTĐT ngành CNTT qua các năm 2021, 2022, 2023

STT	Tiêu chí	Các năm		
		2021 (%) (242 phiếu)	2022 (%) 258 phiếu	2023 (%) 260 phiếu
1	Mức độ cần thiết của CTĐT	- Cần thiết: 44.5 - Rất cần thiết: 52.3	- Cần thiết: 44.1 - Rất cần thiết: 49.17	- Cần thiết: 52.86 - Rất cần thiết: 36.6
2	Mức độ đạt được của	- Biết: 27.14 - Hiểu: 54.29	- Biết: 30.83 - Hiểu: 55	- Biết: 36.95 - Hiểu: 33.12

	CTĐT	- Vận dụng: 18.57 - Phân tích/tổng hợp: 0 - Đánh giá: 0	- Vận dụng: 11.67 - Phân tích/tổng hợp: 2.5 - Đánh giá: 0	- Vận dụng: 26.75 - Phân tích/tổng hợp: 3.18 - Đánh giá: 0
3	Tính hiệu quả của CDR	- CDR phù hợp, cơ bản đáp ứng	- CDR phù hợp, cơ bản đáp ứng	
4	Tính hiệu quả của CTĐT	Số tín chỉ, phân bố khối lượng kiến thức giữa các khối kiến thức hợp lý	Số tín chỉ, phân bố khối lượng kiến thức giữa các khối kiến thức hợp lý	
5	Ý kiến khác	không	- Tăng thời lượng cho môn học thực hành, chuyên ngành - Tăng thời lượng thực hành, giảm thời lượng lý thuyết.	

Thông qua kết quả so sánh cho thấy:

- Đối với CTĐT: mức độ cần thiết và mức độ đạt được tăng dần qua các năm.

Qua góp ý của các bên liên quan, CTĐT đã được điều chỉnh để ngày càng phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Tuy nhiên Khoa chưa thực hiện so sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành CNTT với các CTĐT khác trong và ngoài trường.

Nhà trường và Khoa đã thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, sử dụng kết quả đối sánh CTĐT chuyên ngành CNTT giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ ngoài trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD của Khoa. Trên cơ sở đó, hằng năm, Khoa xây dựng Kế hoạch Đảm bảo chất lượng [H11.5.009] và đề ra các nội dung thực hiện như: (1) Thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học (mở mã ngành mới, phát triển chương trình đào tạo, Khảo sát các bên

liên quan. (2) Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của BGD&ĐT. (3) Thực hiện kế hoạch tự đánh giá theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT. (4) Phát triển văn hóa chất lượng trong nhà trường, tập trung phát triển môi trường xã hội. Kết quả đạt được: Đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của BGD&ĐT; đã xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành CNTT [H11.5.010]. Hiện tại, trong Thư viện của Trường trên trang <http://ttttv.daihoctantrao.edu.vn/> có 2651 tài liệu bằng Tiếng Việt và 2507 tài liệu bằng Tiếng Anh bản điện tử với 58 tài liệu phục vụ ngành đào tạo CNTT, chiếm 5,1% với 99 cuốn giáo trình và 9765 tài liệu tham khảo. Trong chu kỳ đánh giá CTĐT ngành CNTT đã được điều chỉnh 2 lần (năm 2022, 2024).

2. Điểm mạnh

Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và PP để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện so sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành CNTT với các CTĐT khác trong và ngoài trường.

4. Kế hoạch hành động

Khoa sẽ phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường thực hiện đối sánh mức độ hài lòng về chương trình đào tạo của ngành CNTT với các ngành khác ở trong và ngoài trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 11

SV ngành CNTT có tỷ lệ tốt nghiệp cao, tỷ lệ thôi học tương đối thấp. Trong quá trình học tập tại trường, SV tích cực tham gia hoạt động NCKH với sự hỗ trợ, hướng dẫn khoa học của đội ngũ GV trong Khoa. Kết thúc khóa học, SV đạt CDR, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng lao động. Khoa đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ và CSVC, từ đó làm căn cứ để lập kế hoạch cải tiến chất lượng. Tuy nhiên, Khoa chưa thực hiện so sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành CNTT với các CTĐT khác trong và ngoài trường.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có 2/5 tiêu chí đạt 6/7, 2/5 tiêu chí đạt 5/7, 1/5 tiêu chí đạt 4/7.

Phần III

KẾT LUẬN

Khoa Sư phạm, Trường ĐHTT đã triển khai Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT một cách nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành CNTT dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Qua việc tự đánh giá, Khoa Sư phạm đã nhận diện được những điểm mạnh và những điểm tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị. Trên cơ sở đó đề ra kế hoạch hành động nhằm phát huy những ưu điểm, những mặt đã làm được, khắc phục những mặt còn hạn chế, tiếp tục duy trì và cải tiến chất lượng.

Một số điểm được rút ra từ kết quả tự đánh giá như sau:

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Công nghệ thông tin

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTT, đồng thời phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT ngành CNTT đã xác định rõ ràng mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR được xây dựng, rà soát định kỳ trên cơ sở tham khảo, tiếp thu ý kiến từ phía GV, NH, nhà khoa học, nhà sử dụng lao động và được công bố công khai, đa dạng về hình thức công bố.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần trong CTĐT có đầy đủ các nội dung và được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần những vấn đề mới nhất liên quan. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả ĐCCT các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức để các bên liên quan đều có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành CNTT được thiết kế đáp ứng CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, được định kỳ rà soát 2 năm 1 lần. Mỗi học phần trong CTDH đều có vai trò xác định và sự đóng góp rõ ràng vào CĐR. Theo các mức độ đóng góp xác định, mỗi học phần được thiết kế phương pháp dạy học, đánh giá NH một cách phù hợp. Bên

cạnh đó, các hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan được triển khai theo định kỳ rà soát nhằm cải tiến chất lượng học phần nói chung và sự đóng góp của học phần cho CĐR nói riêng. Đồng thời, CTDH ngành CNTT còn được đối sánh với CTDH của các trường đại học trong nước và ngoài nước, kết quả đối sánh luôn đạt tỷ lệ tương đồng khá cao, điều này thể hiện CTDH ngành CNTT đáp ứng với xu thế chung của xã hội.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan để toàn thể cán bộ, GV, NH trong Nhà trường hiểu rõ và thực hiện. 100% ĐCCT các học phần được mô tả rõ các phương pháp giảng dạy phù hợp với CĐR để NH có năng lực học tập suốt đời. GV ngành CNTT đã sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học, đồng thời cũng thường xuyên cập nhật phương pháp giảng dạy mới để tăng sự hứng thú cho NH.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập của người học tại Khoa Sư phạm được thực hiện đúng quy trình, tuân thủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trường ĐHTTr để đảm bảo tính khách quan, rõ ràng, công khai và minh bạch. Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành CNTT rõ ràng, có hệ thống và được công khai và phổ biến tới NH bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Ngành CNTT sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh CNTT và đáp ứng CĐR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi kịp thời giúp NH chủ động trong việc cải thiện kết quả học tập của bản thân. Quy trình đánh giá kết quả học tập của khoa nhận được phản hồi tích cực của người học và thuận lợi cho NH trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên

Việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với chiến lược phát triển và quy hoạch cán bộ của Trường. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về khối lượng công việc và quy đổi giờ chuẩn (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác) đối với GV theo từng chức danh. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành CNTT đáp ứng được yêu cầu. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Nhà trường

để bổ nhiệm, điều chuyển, tuyển dụng lao động hợp đồng cho Khoa được thực hiện theo quy định rõ ràng, minh bạch và công khai. Từ đó, năng lực của đội ngũ GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được đánh giá đa dạng về hình thức. Đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao. Để đạt được các kết quả đó, Nhà trường và Khoa Sư phạm đã ban hành các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của CTĐT, chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc đối với GV, NCV được thực hiện hiệu quả đã khuyến khích, tạo động lực cho GV trong Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường có văn bản quy định chi tiết về các loại hình và hoạt động NCKH. Số lượng và chất lượng các sản phẩm khoa học của Khoa có sự phát triển rõ rệt qua các năm với nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành có chỉ số và kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, đặc biệt đã có bài báo đăng trên Tạp chí ISI/Scopus.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường, việc tuyển dụng được công bố công khai. Nhà trường tạo điều kiện, khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, có chế độ thi đua khen thưởng phù hợp.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách và quy định tuyển sinh được công bố rộng rãi bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các quy định của BGD&ĐT, phù hợp với thực trạng của thí sinh trong vùng tuyển sinh trọng điểm của Trường và yêu cầu cơ bản của NH ngành CNTT. Hệ thống giám sát, kiểm tra đánh giá sự tiến bộ của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động thi đua, ngoại khóa được triển khai thường xuyên, đa dạng và được SV hưởng ứng tích cực. Có môi trường học tập an toàn; môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của CBGV, SV.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được bố trí hợp lý, đảm bảo tỷ lệ diện tích/NH theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị, phù hợp, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Hệ thống phòng thực hành được trang bị đầy đủ về số lượng lẫn trang thiết bị hỗ trợ, mỗi SV có thể học, thực hành và nghiên cứu trên một máy tính riêng nhằm nâng cao chất lượng học và giảng dạy đối với các môn thực hành. Hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ, hệ thống Internet được phân luồng với tốc độ truy cập khá cao đảm bảo, cơ bản được yêu cầu của người sử dụng. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và đã triển khai thực hiện tốt.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường và Khoa Sư phạm đã thường xuyên xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan; hệ thống thông tin phản hồi đa dạng và cung cấp những thông tin đầy đủ, kịp thời làm cơ sở để thiết kế và cải tiến CTĐT. Trên cơ sở ý kiến khảo sát, Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên hai năm một lần, có sự tham gia của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn. Quá trình dạy học ngành CNTT được tổ chức bài bản, đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo đại học và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ. Các sản phẩm NCKH của Khoa ngày càng nhiều, đa dạng hơn về nội dung, hình thức; chất lượng các sản phẩm NCKH ngày càng cao. Khoa đã vận dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện thường xuyên, trên cơ sở đó Trường và Khoa đã thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành CNTT. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đa dạng, đầy đủ và được thực hiện một cách có hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, tỷ lệ SV thôi học thấp do có sự quản lý, giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường. Hoạt động NCKH của NH được hỗ trợ bởi lực lượng GV nhiệt tình, tâm huyết. Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Khi xây dựng mục tiêu của CTĐT ngành CNTT còn có nội dung chưa hướng đến đạt được tầm nhìn của nhà trường về hoạt động NCKH. CĐR đã bao quát yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, tuy nhiên CĐR về kỹ năng mềm chưa đáp ứng tối đa với triển vọng làm việc của NH về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ở một số vị trí công việc. Hoạt động khảo sát xin ý kiến của nhà tuyển dụng đóng góp cho nội dung CĐR của CTĐT ngành CNTT với số lượng còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT năm 2020 chưa lấy được ý kiến các bên liên quan. Một số học phần sử dụng tài liệu giảng dạy chưa được cập nhật tài liệu mới trong vòng 05 năm. Nhà trường đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần nhưng vẫn còn một số ít ý kiến phản ánh của các bên liên quan (chiếm 3%) về việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần chưa được thực sự dễ dàng.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các học phần thi trắc nghiệm đa phần là thi trên giấy, chưa cập nhật ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức thi. Nội dung một số học phần chuyên ngành chưa lấy được nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành. Chưa tham khảo được nội dung CTDH của nhiều trường quốc tế.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều buổi hội thảo để giới thiệu triết lý giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động. Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động dạy học chưa được đa dạng. Bên cạnh đó, quy định về hướng dẫn hoạt động tự học, tự nghiên cứu chưa được Nhà trường ban hành.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH ngành CNTT còn một số học phần sử dụng chủ yếu phương pháp tự luận. Mức độ nắm bắt của một số SV về các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trước khi kết thúc học phần còn chưa đầy

đủ. Việc ứng dụng CNTT trong đánh giá NH còn hạn chế. Hiện mới có một số học phần được áp dụng hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy một số ít GV bộ môn còn công bố điểm bộ phận còn chậm so với kế hoạch. Thời gian thực hiện quy trình phúc khảo còn dài.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên

Tỷ lệ GV đạt trình độ TS còn thấp so với mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường. Khoa chưa hợp tác với các nhà tuyển dụng, nhà quản lý của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT để nâng cao khả năng tiếp cận với kiến thức thực tế cho NH. Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển đối với các chức danh lãnh đạo cấp khoa. Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH đối với GV chưa được đưa vào bảng điểm đánh giá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và phiếu chấm điểm đánh giá xếp loại CB, VC của Nhà trường. Vẫn còn GV chưa thực hiện theo đúng kế hoạch đi học tập nghiên cứu sinh. Vẫn còn GV chưa thực hiện tốt kế hoạch công việc đã xây dựng. Số lượng các đề tài NCKH của GV Khoa còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa đa dạng về hình thức. Các văn bản về tuyển dụng, bổ nhiệm mặc dù đã được phổ biến công khai nhưng chưa đa dạng về hình thức, Nhà trường chưa sử dụng các kênh thông tin hiện đại khác như website tuyển dụng trực tuyến có uy tín (vietnamwork, tintuc24h,...) để thu hút rộng rãi các ứng viên. Phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chưa đa dạng. Một số nhân viên chưa thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh còn chưa rộng rãi. Phương pháp tuyển sinh ngành CNTT chưa có nhiều điểm riêng mang tính đột phá. Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH. Khảo sát đánh giá công tác tư vấn hỗ trợ người học, các điều kiện phục vụ học tập, giảng dạy của khoa, của trường mới thực hiện lấy ý kiến của SV đang theo học tại trường, chưa có khảo sát với các đối tượng khác như cựu SV... đối

với hoạt động khảo sát về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng là khách đến làm việc tại trường.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động đào tạo và NCKH tại cơ sở 3 còn hạn chế. Thư viện của Nhà trường chưa kết nối được với thư viện nước ngoài. Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý trên phần mềm. Máy tính tại một số phòng làm việc đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao. Nhà trường còn thiếu đường xe lăn dành cho người khuyết tật tại một số ở khu trong Nhà trường.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Chưa áp dụng linh hoạt và đầy đủ các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, chưa điện tử hóa các phiếu khảo sát để có thể thu thập thông tin qua Internet. Quá trình rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan như các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên... Khoa chưa tổ chức được hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành CNTT. Hoạt động NCKH của SV ngành CNTT còn chưa đa dạng. Khoa chưa tổ chức được nhiều các chương trình ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành CNTT như các hội thi nghiệp vụ chuyên môn CNTT, các diễn đàn, hội thảo khoa học cho SV ngành CNTT. Quá trình đánh giá và cải tiến quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Nhà trường chưa tiến hành khảo sát tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đối với SV ngành CNTT. Chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm của NH chuyên ngành CNTT với các trường đại học quốc tế có cùng chuyên ngành đào tạo. Số lượng NH chuyên ngành CNTT tham gia thực hiện đề tài NCKH còn thấp, chưa có NH thực hiện đề tài NCKH độc lập. Khoa chưa thực hiện so sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành CNTT với các CTĐT khác trong và ngoài trường.

3. Kế hoạch hành động

Sau khi phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT ngành CNTT, để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Sư phạm có kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng, cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Năm học 2024 - 2025, Khoa Sư phạm cập nhật mục tiêu đào tạo của ngành về các hoạt động NCKH nhằm hướng đến việc đạt được tầm nhìn của Trường ĐHTT; triển khai rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT ngành CNTT, đặc biệt chú ý về điều chỉnh CDR về ngoại ngữ để đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đòi hỏi cao về ngoại ngữ ở một số vị trí công việc; Khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng với số lượng đủ lớn tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CDR để có được những điều chỉnh tốt nhất cho nội dung CDR của CTĐT ngành CNTT.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng Đào tạo và Khoa Sư phạm xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan đối với Bản mô tả CTĐT ngành CNTT, đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành CNTT tới cộng đồng và xã hội; đồng thời phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp rà soát, bổ sung các tài liệu mới phục vụ học tập, giảng dạy ngành CNTT.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Năm học 2024-2025, Khoa Sư phạm sẽ phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp, các Khoa/Bộ môn thực hiện việc chuyển đổi hình thức thi trắc nghiệm trên giấy của một số học phần sang thi trên máy tính; gửi ĐCCT, CTDH tới các chuyên gia chuyên ngành để xin ý kiến đóng góp về CTĐT và ĐCCT năm 2024; phối hợp với Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tiếp tục hợp tác với các đối tác nước ngoài có đào tạo ngành CNTT để tham khảo CTDH.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trong những năm học tới, Văn phòng cùng với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để giới thiệu triết lý giáo dục đến các đơn vị sử dụng lao động của Nhà trường. Từ năm 2025, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra đề xuất hình thức mới về hoạt động khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động dạy học và xây dựng quy chế về việc hướng dẫn NH tự học, tự nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra chủ trì phối hợp với Khoa Sư phạm, các khoa/tổ bộ môn có liên quan, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp để xây dựng thêm các ngân hàng đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính. Đồng thời, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các Khoa chuyên môn quán triệt quy định của Nhà trường, yêu cầu tất cả GV lên lớp phải thông báo kết quả bài kiểm tra thường xuyên ngay trong quá trình lên lớp. Để rút ngắn thời gian phúc khảo, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra sẽ tiến hành cải tiến quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên

Đến năm 2026, Khoa phấn đấu có ít nhất 40% GV đạt trình độ tiến sĩ. Từ năm 2025, Khoa kết nối với các chuyên gia là các nhà tuyển dụng, nhà quản lý của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần trong CTĐT giúp NH tiếp cận gần hơn với các kiến thức thực tế. Bên cạnh đó, Khoa kiến nghị với Nhà trường xây dựng và ban hành các quy định về việc thi tuyển các chức danh lãnh đạo cấp khoa, đề xuất Nhà trường đưa kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH vào các tiêu chí đánh giá, xếp loại và xét danh hiệu thi đua đối với GV, phối hợp với Nhà trường có các chính sách khuyến khích, động viên đối với các GV tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu GV đi nghiên cứu sinh theo đúng lộ trình đã cam kết với Nhà trường. Tăng cường giám sát việc thực hiện tiến độ kế hoạch công việc đã đề ra đối với từng GV để kịp thời đưa ra các giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ GV hoàn thành tốt kế hoạch. Từ năm học 2025-2026, Khoa có thêm nhiều hình thức khuyến khích GV đăng ký thực hiện các đề tài NCKH thuộc lĩnh vực chuyên ngành CNTT.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Trong năm học 2024-2025, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan dưới nhiều hình thức khác nhau, đa dạng các hình thức khen thưởng để tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên trong Nhà trường. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai về quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm trên nhiều kênh thông tin khác nhau như: Fanpage của trường, mạng lưới cựu SV... Bên cạnh đó từ năm 2025, Nhà trường sẽ đa dạng các phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phòng Đào tạo phối hợp với phòng Quản lý sinh viên và các Khoa đưa nội dung thảo luận về chính sách tuyển sinh trong “Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp” hằng năm của Nhà trường. Năm 2025, Khoa Sư phạm chủ trì xây dựng một số phương pháp tuyển sinh mang tính đặc thù riêng của ngành; đồng thời, thực hiện lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, các điều kiện phục vụ học tập, giảng dạy. Năm học 2024 - 2025, Nhà trường tiến hành nâng cấp phần mềm Unisoft theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với người học trong học tập và rèn luyện, bổ sung chức năng gửi thông báo kết quả học tập vào số điện thoại đã đăng ký trước. Thực hiện các khảo sát đối với những người là khách đến làm việc tại trường.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm 2025, Nhà trường đầu tư thêm kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động đào tạo và NCKH ở cơ sở 3; Thư viện Nhà trường tiến hành kết nối với thư viện Trường Đại học Đông Nam Philippines. Khoa/bộ môn tiến hành quản lý hồ sơ theo dõi trên phần mềm điện tử và có kế hoạch mua mới, nâng cấp một số máy tính để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, Nhà trường tiến hành tu sửa, xây dựng đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở khu vực giảng đường của các phòng học cũ.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Từ năm 2025, Khoa Sư phạm cần áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, phối hợp với Bộ phận công nghệ thông tin của Nhà trường thực hiện điện tử hóa các phiếu khảo sát để có thể thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan qua các kênh mạng xã hội như facebook, zalo, messenger, email...; Đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH tiếp theo, Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; Khoa Sư phạm tổ chức hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH, kết hợp với phòng Quản lý khoa học và HTQT tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV NCKH; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành CNTT như hội thi nghiệp vụ CNTT giỏi; các diễn đàn, sinh

hoạt chuyên đề; hội thảo khoa học cho SV ngành CNTT... Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến “*Quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH*”.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Khoa sẽ đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp/thời học, kết quả học tập và rèn luyện của NH. Trong những năm học tới, căn cứ vào học lực của SV, Khoa và đặc biệt là đội ngũ CVHT sẽ có những tư vấn phù hợp cho SV trong việc lựa chọn các học phần để học vượt chương trình và hoàn thành chương trình đào tạo sớm. Trong năm 2025, Nhà trường sẽ tiến hành khảo sát tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đối với SV ngành CNTT. Đồng thời, tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm của SV ngành CNTT của Nhà trường với các Trường Đại học quốc tế có cùng chuyên ngành đào tạo. Ngoài ra, xây dựng kế hoạch và đề ra các biện pháp nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia nhiều loại hình NCKH, đặc biệt là thực hiện đề tài NCKH độc lập (do SV làm chủ nhiệm đề tài) và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tiến hành đối sánh mức độ hài lòng về CTĐT ngành CNTT với các ngành đào tạo khác ở trong và ngoài trường.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tân Trào

Mã trường: TQU

Tên CTĐT: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin bậc đại học

Mã CTĐT: 7480201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5.00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4.57	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						

Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1						6				
Tiêu chí 8.2						6				
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1						6				
Tiêu chí 11.2						6				
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4.89	50	100%

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Anh Tuấn

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin chung về Trường Đại học Tân Trào

1. Tên Trường Đại học Tân Trào (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: **Trường Đại học Tân Trào**
 - Tiếng Anh: **Tan Trao University**
2. Tên viết tắt của Trường Đại học Tân Trào
 - Tiếng Việt: TtrU
 - Tiếng Anh: TQU
3. Tên trước đây (nếu có): Không.
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
5. Địa chỉ: Km 6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 02073 892 012.
7. Website: daihoctantrao.edu.vn
8. Năm thành lập Trường Đại học Tân Trào (theo quyết định thành lập): Ngày 14 tháng 8 năm 2013 theo Quyết định số: 1404/QĐ-TTg về việc nâng cấp Trường Cao đẳng Tuyên Quang thành Trường Đại học Tân Trào.
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: năm 2020
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: năm 2024
11. Loại hình Trường Đại học Tân Trào:

Công lập
☒
Bán công
☐
Dân lập
☐
Tư thực
☐

II. Thông tin chung về Khoa Sư phạm

12. Tên Khoa Sư phạm (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Sư phạm
 - Tiếng Anh: Faculty of Education
13. Tên viết tắt của Khoa Sư phạm:
 - Tiếng Việt:
 - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non - Khoa học cơ bản

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Công nghệ thông tin
- Tiếng Anh: Information Technology

16. Mã CTĐT: 7480201

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không.

18. Địa chỉ của Khoa Sư phạm: Phòng 401, 407, 408, 411 nhà A1, cơ sở chính Trường Đại học Tân Trào, Km6, xã Trung Môn, Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

19. Số điện thoại liên hệ: 02073 892 269.

20. E-mail: khoasuphamdhtt@gmail.com

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Ngày 23/4/2024 theo Nghị quyết số 316/NQ-HĐTĐHTT về việc sáp nhập Khoa Khoa học cơ bản và Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non thành Khoa Sư phạm.

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2020

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2024

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Tháng 4 năm 2012, Khoa được thành lập do sáp nhập hai khoa (Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non) theo quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Tuyên Quang. Tháng 5 năm 2013, Khoa đổi tên thành Khoa Sư phạm theo quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Tuyên Quang. Tháng 11 năm 2013 Khoa Sư phạm tách thành 3 đơn vị: Bộ môn nghệ thuật, Khoa GD Mầm non và Khoa GD Tiểu học. Đến tháng 3/2020, Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non (Khoa GD TM-MN) được thành lập theo Quyết định số 213/QĐ-ĐHTT, ngày 10/3/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHTT về việc sáp nhập Khoa giáo dục Tiểu học và Khoa giáo dục Mầm non thành Khoa GD TH-MN. Đến ngày 23/4/2024 thực hiện Nghị quyết số 316/NQ-HĐTĐHTT nhà trường đã sáp nhập Khoa Khoa học cơ bản và Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non thành Khoa Sư phạm.

Hiện nay, Khoa Sư phạm là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tân Trào. Khoa đảm nhiệm đào tạo giáo viên các ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư

phạm Toán, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Khoa học tự nhiên và Công nghệ thông tin. Để phát triển theo định hướng một trường đại học đa ngành, với tư cách là một bộ phận đào tạo của Trường, Khoa Sư phạm đã lập kế hoạch phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và các nhiệm vụ thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của đơn vị như sau:

- *Về sứ mệnh:* Khoa Sư phạm là địa chỉ tin cậy về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành giáo dục và ngành công nghệ thông tin.

- *Về tầm nhìn:* Khoa Sư phạm sẽ trở thành đơn vị đào tạo giáo viên, nhân lực ngành công nghệ thông tin có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập của nền giáo dục hiện đại; là đơn vị mạnh trong nghiên cứu, tư vấn và định hướng về khoa học giáo dục, công nghệ trong khu vực và cả nước.

Đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường có nhiều năm kinh nghiệm trong đào tạo trình độ đại học, góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo chung của Nhà trường. Đối với việc giảng dạy các học phần của CTĐT ngành CNTT, 100% đội ngũ GV của Nhà trường đáp ứng thực hiện khối lượng của CTĐT trình độ đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Nhà trường đã và đang thu hút GV có trình độ tiến sĩ về Khoa, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất để GV được học tập nâng cao trình độ tiến sĩ.

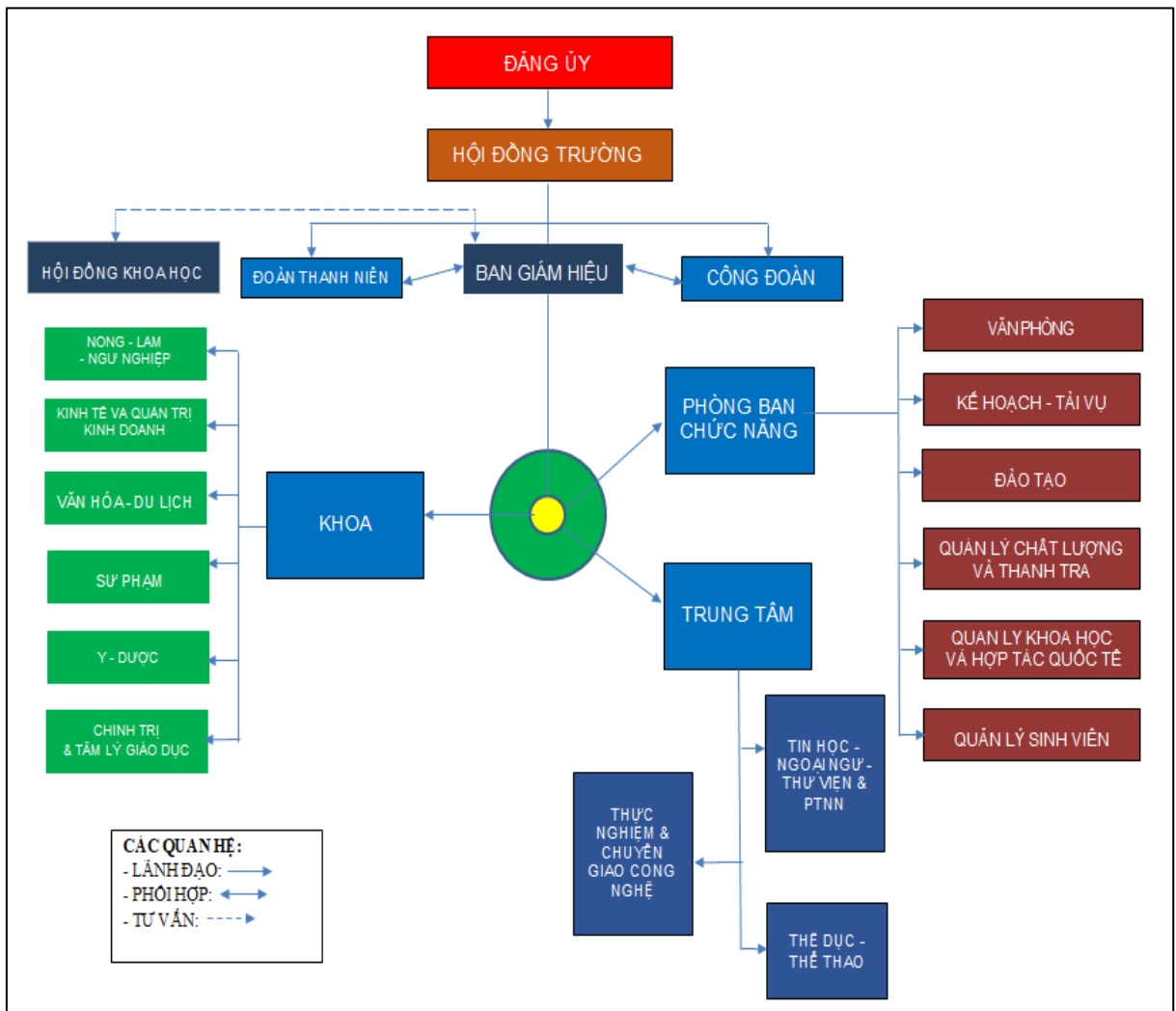
- *Về hoạt động nghiên cứu khoa học:* Công tác NCKH được xác định là một trong 2 nhiệm vụ trọng yếu của GV Khoa Sư phạm. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và là một hoạt động khuyến khích đối với SV trong Khoa. Kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp bộ, cấp cơ sở, cấp tỉnh) của GV trong Khoa đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo ngành CNTT và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị, hội thảo,... có sự tham gia của GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học liên quan.

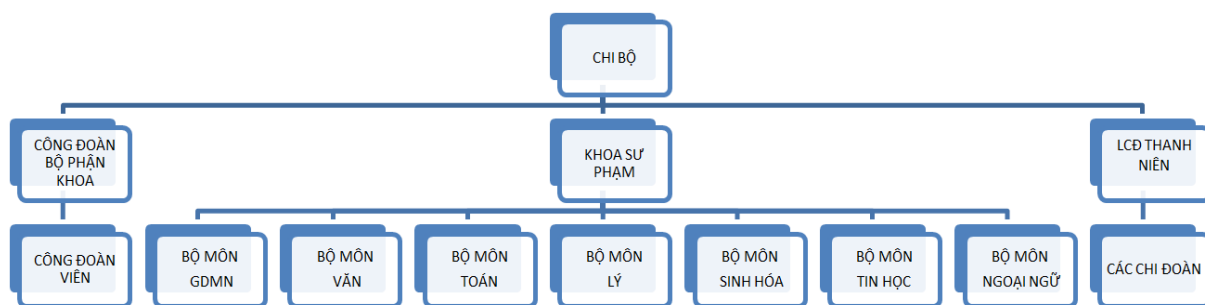
Trong 05 năm trở lại đây, Khoa đã có nhiều đề tài khoa học nghiên cứu cấp trường, tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh thuộc về các lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn; phát triển CTĐT; viết nhiều bài báo đăng trên các tạp chí có mã số theo quy định của Hội đồng chức danh nhà nước; nhiều bài viết được in trong các kỷ yếu

hội thảo ở các trường đại học trong cả nước. Số lượng đề tài NCKH và bài báo được GV của Khoa thực hiện trong giai đoạn từ 2020-2024 là: 1 đề tài cấp nhà nước, 3 đề tài NCKH cấp tỉnh; 40 đề tài NCKH cấp Trường; 585 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế; 15 giáo trình, tài liệu tham khảo.

Về hợp tác trong nước và nước ngoài: Khoa cùng với Nhà trường hợp tác với một số trường đại học trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từng bước nâng cao chất lượng của CTĐT cũng như quá trình đào tạo, thực hiện nhiều đợt đưa sinh viên của Khoa đi thực tập, thực hành nghề nghiệp ở một số nước trong khu vực như: Philippin, Thái Lan, Trung Quốc và đạt kết quả tốt.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).





26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo Trường DHTT					
1	Lãnh đạo trường	Nguyễn Minh Anh Tuấn	1972	TS; GVC; Hiệu trưởng	0982837224	nmatuan@tuyenquang.edu.vn
2		Phạm Duy Hưng	1982	TS; GVC; Phó Hiệu trưởng	0965522368	pdhung@tqu.edu.vn
	Lãnh đạo chủ chốt của Khoa Sư phạm					
1	Khoa Sư phạm	Vũ Thị Kiều Trang	1977	TS; GVC; Trưởng khoa	0915 395 113	baotrangvk@gmail.com
2		Nguyễn Tuyết Nga	1969	ThS; GVC; Phó Trưởng khoa	0945737088	tuyetnga.sp@gmail.com
3		Lê Trung Hiếu	1977	TS; GVC; Phó Trưởng khoa	0902255989	letrunghieu8577@gmail.com
	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng uỷ Trường	Nguyễn Minh Anh Tuấn	1972	TS; GVC; Hiệu trưởng	0982837224	nmatuan@tuyenquang.edu.vn
2	Công đoàn Trường	Lê Thị Thu Hà	1978	ThS; GV; Chủ tịch	0915 839 604	lethithuhasptq@gmail.com
3	Đoàn TNCS	Hoàng	1990	ThS;	0979477846	hoanganhdaok47ftu@gmail.com

	HCM Trường	Anh Đào		GV; Bí thư		
4	Hội sinh viên	Hoàng Anh Đào	1990	ThS; GV; Chủ tịch	0979477846	hoanganhdaok47ftu@gmail.com
Các phòng, ban						
1	Phòng Đào tạo	Trần Vũ Phương	1981	TS; GVC; Trưởng phòng	0985564388	phuongdhtt@gmail.com
2	Phòng QLSV	Trần Quang Huy	1978	TS; GVC; Trưởng phòng	0988.238.111	tqhuy38@gmail.com
3	Phòng QLKH-HTQT	Khổng Chí Nguyên	1968	TS; GVC; Trưởng phòng	0916.732.576	nguyenkc69@gmail.com
4	Văn phòng	Đoàn Thị Phương Lý	1971	ThS; GVC; Trưởng phòng	0914.400.017	ly.pktddaihoctantrao@gmail.com
5	Phòng KH-TV	Nguyễn Thành Nam	1978	ThS; CV; Phó Trưởng phòng	0912600307	thanhnamxdtq@gmail.com
6	Phòng QLCL và thanh tra	Lê Thị Thu Hà	1978	ThS; GV; Trưởng phòng	0915 839 604	lethithuhasptq@gmail.com
Các khoa, trung tâm						
1.	Khoa Sư phạm	Vũ Thị Kiều Trang	1977	TS; GVC; Trưởng khoa	0915 395 113	baotrangvk@gmail.com
2	Khoa Văn hóa - Du lịch	Trần Vũ Phương	1981	TS; GVC; Phụ trách khoa	0985564388	phuongdhtt@gmail.com
3	Khoa y Dược	Đỗ Công Ba	1986	TS; GVC; Phụ trách khoa	0916549990	congbacdsp@gmail.com
4	Khoa Chính trị và TLGD	Hà Mỹ Hạnh	1980	TS; GVC; Trưởng khoa	0394565522	hamyhanhedu@gmail.com

5	Khoa Kinh tế QTKD	Đỗ Hải Yến	1986	TS; GVC; Trưởng khoa	0978457229	dohaiyentq@gmail.com
6	Khoa Nông Lâm Ngr nghiệp	Vì Xuân Học	1970	TS; GVC; Trưởng khoa	0948534109	hocvibm@gmail.com
7	Trung tâm THNNTV và PTNN	Trần Thị Tua	1969	ThS; GVC; Giám đốc	0982334925	tttua.dhtt@tuyenquang.gov.vn
8	Trung tâm TDTT	Trần Anh Dũng	1976	ThS; GVC; Giám đốc	0983844790	trananhdungtdq@gmail.com
9	Trung tâm thực nghiệm và CGCN	Lê Anh Nhật	1977	TS; GVC; Giám đốc	0912844866	leanhnhat@tuyenquang.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa Sư phạm:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

Số lượng ngành đào tạo đại học: 06

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

28. Các loại hình đào tạo của Khoa Sư phạm (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 06 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ cao đẳng.

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên thực hiện CTĐT ngành CNTT.

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
----	-----------	-----	----	---------

I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	4	4	8
I.1	Cán bộ trong biên chế	4	4	8
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	4	4	8

31. Thống kê, phân loại giảng viên Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	0	0	0
3	Tiến sĩ KH	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	7	7	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	8	8	0	0	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 10/10

32. Quy đổi số lượng giảng viên của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<i>Hệ số quy đổi</i>			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	3,0	1	1	0	0	0	0	3,0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	2	0	0	0	0	0	0	
5	Thạc sĩ	1	7	7	0	0	0	0	7,0
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	
	Tổng		8	8					10,0

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT ngành CNTT theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	12,5	1	0	0	1	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	3	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	7	87,5	3	4	0	2	5	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	8	100	4	4	0	3	5	0	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT: 1/8

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT: 7/8

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	8
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	1	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	5	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	2	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	
	Tổng	8	8

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển (điểm)	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019 - 2020	0	0	0	0	0	0	0

2020 - 2021	39	36	1.1	27	15/30	21,8	1
2021 - 2022	85	81	1.0	61	15/30	21,6	1
2022 - 2023	100	67	1.5	59	15/30	21,8	0
2023 - 2024	168	73	2.3	56	15/30	22,3	3

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	27	86	146	201
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024
Số lượng (người)	0	1	1	0	3
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	3,7	1,7	0	5,5

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024
--------------	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------

1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	3346	3346	3346	3346	3346
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	453	568	431	478	553
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	342	414	381	437	362
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	9.8	8.1	8.8	7.7	9.2

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học				
	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024
Số lượng (người)	0	0	0	3	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	11	0

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
- Hệ chính quy	0	0	0	0	24
- Hệ không chính quy	0	0	27	2	29
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
- Hệ chính quy	0	0	0	0	0
- Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
	-2020	-2021	-2022	-2023	-2024
- Hệ chính quy	0	0	0	0	0
- Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
	-2020	-2021	-2022	-2023	-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	0	0	24
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0%	0%	0%	0%	88,9% (24/27)
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024
CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp Trường	0,5	1	1	1	2	2	3,5
4	Tổng	3,5	1	1	1	3	2	5,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 8

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 5,5/8.

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT trong 5 năm gần đây: không

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2023	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	0	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	1	0	5	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2020	2021	2022	2023	2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	2	2	6,0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	2	0	2	4,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng	5,0	0	0	2	2	4	10,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 8.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/8.

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT tham gia

viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	4	4	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	6	6	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học QT	1,5	2	3	4	5	7	31,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	5	4	2	6	5	22,0
3	Tạp chí/tập san cấp trường	0,5	1	5	0	1	0	3,5
	Tổng	4,0	8	12	6	12	12	57,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 57,0.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 57,0/8.

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	3	8	5
Từ 6 đến 10 bài báo	1	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	8	5

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT

ngành CNTT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	4	1	1	6,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	2	2	1	2,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng	1,75	0	0	6	3	2	8,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 11

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8,5/8

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT ngành CNTT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo Cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	2	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	2	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019 - 2020	0
2020 - 2021	0
2021 - 2022	0
2022 - 2023	0
2023 - 2024	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học ngành CNTT của Khoa Sư phạm tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	3	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên (đề tài NCKH):

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	1	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	2	0

IV. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của Trường ĐHTT (tính bằng m²): 552.357,3 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của Khoa Sư phạm (tính bằng m²): 286.764,4 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.030,7 m²
- Nơi học: 5.968,8 m²
- Nơi vui chơi giải trí: 15.015 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 5.968,8 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,7 m²

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo CNTT được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 192 đầu sách.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của Khoa Sư phạm (nếu có): 0

58. Tổng số máy tính của Khoa Sư phạm:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 3 máy tính.
- Dùng cho người học học tập: 187 máy tính.
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 187/204.

Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 8 người.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT (%): 12,5%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa Sư phạm thực hiện CTĐT (%): 87,5%

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 204 người (năm học 2023-2024)
- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 25,5 (204/8)
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 88,9 % (khóa 2020-2024)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 92%
- Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 81,0% (năm 2024);
- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 19,0% (năm 2024);
- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệuVNĐ): 6.300.000đ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100 %
- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): không

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy

đôi) trên cán bộ cơ hữu: 5,5/8

- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: Không
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/8
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 57/8
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8,5/8

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 187/204
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,7 m²
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 11,97- 20,24 m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Số: 1284/QĐ-ĐHTT

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký, các nhóm chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT (b/c);
- Lãnh đạo Trường;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, QLCL&TT (Tú)



Nguyễn Minh Anh Tuấn

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHTT ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Duy Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Vũ Thị Kiều Trang	Trưởng Khoa Sư phạm	Phó Chủ tịch
4	Bùi Trung Minh	GV phòng QLCL&TTr	Thư ký
5	Trần Vũ Phương	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Đoàn Thị Phương Lý	Chánh Văn phòng	Thành viên
7	Khổng Chí Nguyên	Trưởng phòng QLKH&HTQT, thành viên Hội đồng trường	Thành viên
8	Trần Quang Huy	Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Thành viên
9	Lê Thị Thu Hà	Trưởng phòng QLCL&TTr	Thành viên
10	Vũ Thị Khánh Trình	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Thành viên
11	Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ	Thành viên
12	Lê Anh Nhật	Phó Giám đốc Trung tâm TN&CGCN	Thành viên
13	Lê Văn Hùng	Trưởng Bộ môn Tin học.	Thành viên
14	Vũ Thanh Bình	GV khoa Sư phạm	Thành viên
15	Nguyễn Minh Quang	SV khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTT ngày tháng năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bùi Trung Minh	GV phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra	Trưởng Ban
2	Ma Thị Hồng Thu	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
3	Tổng Văn Trường	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
4	Lương Thị Hải Hà	GV Khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách gồm có 04 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHTTtr ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Nhóm 1

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Văn Hùng	Trưởng Bộ môn Tin học.	Trưởng nhóm
2	Ma Thị Hồng Thu	GV khoa Sư phạm	Thư ký
3	Trần Thị Hồng Dung	GV khoa Sư phạm	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hương Lan	GV khoa Sư phạm	Thành viên
5	Vũ Thanh Bình	GV khoa Sư phạm	Thành viên
6	Nguyễn Tuyết Nga	Phó Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
7	Trần Vũ Phương	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8	Khổng Chí Nguyên	Trưởng phòng QLKH&HTQT, thành viên Hội đồng trường	Thành viên
9	Vũ Thị Hương	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
10	Nguyễn Thị Kim Ngân	GV khoa Kinh tế&QTKD	Thành viên

Nhóm 2

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Vũ Thị Khánh Trinh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Trưởng nhóm
2	Tổng Văn Trường	GV Khoa Sư phạm	Thư ký
3	Phạm Mạnh Hà	CV phòng QLKH&HTQT	Thành viên
4	Vũ Thị Kiều Trang	Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
5	Nguyễn Quang Hoài Châu	GV Khoa Chính trị và TLGD	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
7	Đồng Thị Xuân Dung	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
8	Đoàn Thị Phương Lý	Chánh Văn phòng	Thành viên
9	Trần Thị Định	Chuyên viên phòng Kế hoạch - TV	Thành viên
10	Nguyễn Thị Hồng Nhung	CV Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Thành viên

Nhóm 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Anh Nhật	Phó Giám đốc Trung tâm thực nghiệm &CGCN	Trưởng nhóm

2	Lương Thị Hải Hà	GV Khoa Sư phạm	Thư ký
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
4	Linh Thị Thanh Loan	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
5	Nguyễn Thị Kiều Linh	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
6	Trần Quang Huy	Trưởng phòng Quản lý SV	Thành viên
7	Lê Trung Hiếu	Phó Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
8	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
9	Nguyễn Thị Ngọc Linh	CV Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ- Thư viện và PTNN	Thành viên
10	Nguyễn Minh Quang	SV khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách gồm có 30 người)

Số: 264/KH-ĐHTT

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và đề đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn tự đánh giá: Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHTT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Phần khái quát; Kết luận Tiêu chuẩn 1,2,3,4,5	Nhóm 1	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025

2	Tiêu chuẩn 6,7,9	Nhóm 2	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025
3	Tiêu chuẩn 8,10,11	Nhóm 3	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025
4	Các phụ lục, cơ sở dữ liệu, hoàn thành Báo cáo TĐG	Ban Thư ký, các nhóm và các đơn vị có liên quan phối hợp	Tháng 03/2025

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	- Thu thập minh chứng liên quan đến mục tiêu và CĐR của CTĐT. - Đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. - Khảo sát nhu cầu thị trường lao động, các bên liên quan về CĐR, CTĐT	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Kinh phí khảo sát, in tờ rơi và các hoạt động quảng bá.	2 tuần
2	Bản mô tả chương trình đào tạo	- Thu thập minh chứng liên quan đến CTĐT - Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, mô tả, đánh giá CTĐT, ma trận kỹ năng, tổng hợp, đánh giá kết quả khảo sát...	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Kinh phí khảo sát.	2 tuần
3	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	- Mô tả chương trình dạy học, học phần. - Thu thập minh chứng liên quan tới hoạt động xây dựng CTDH - Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Các văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng, hợp đồng giảng dạy, hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công việc, hồ sơ quản lý SV, quản lý kết quả học	2 tuần

			tập...	
4	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Đánh giá các phương pháp tiếp cận trong dạy và học. - Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Thu thập minh chứng về các hoạt động giảng dạy và học tập. - Thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Các văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng... - Kinh phí khảo sát	2 tuần
5	Đánh giá kết quả học tập của người học	- Đánh giá kết quả học tập của người học, các phương pháp kiểm tra, đánh giá. - Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, người học đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình. - Thu thập minh chứng liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Văn bản/tài liệu hướng dẫn, quy định, quy trình về thi, kiểm tra, đánh giá người học. Hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công việc, hồ sơ quản lý SV, quản lý kết quả học tập... Dữ liệu về kết quả học tập của người học. Kinh phí khảo sát	2 tuần
6	Đội ngũ GV, nghiên cứu viên	- Đánh giá về đội ngũ GV, NCV về việc đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. - Thu thập minh chứng, dữ liệu/kết quả các nghiên cứu và công bố về hoạt động NCKH, PVCD của đội ngũ GV, NCV. Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NCV và các bên liên quan.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Kế hoạch chiến lược, quy hoạch phát triển đội ngũ, GV, NCV. Chính sách về nhân sự, các quyết định về tuyển dụng, bổ nhiệm..... Hồ sơ năng lực của GV, NCV, kết quả đánh giá,	1 tuần

			phân loại hàng năm.... Kinh phí khảo sát.	
7	Đội ngũ nhân viên	- Đánh giá về các hoạt động của đội ngũ nhân viên, dự báo nhu cầu về đội ngũ để đáp ứng công tác ĐT, NCKH, PVCD - Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. - Khảo sát nhu cầu và ý kiến đóng góp của các bên liên quan về vị trí việc làm. - Thu thập minh chứng đáp ứng yêu cầu của các tiêu chí	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ.... Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự của CSGD/khoa, hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên.... - Kinh phí khảo sát	1 tuần
8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	- Đánh giá chính sách tuyển sinh hàng năm. - Khảo sát nhu cầu nhân lực, lấy ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. - Thu thập minh chứng, cơ sở dữ liệu về công tác tuyển sinh, người học và các hoạt động hỗ trợ người học.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng, các dịch vụ hỗ trợ người học. Đề án/chính sách tuyển sinh hàng năm. Kinh phí khảo sát, in tờ rơi và các hoạt động quảng bá	1 tuần
9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	- Đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo. - Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học, GV và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT và các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. - Thu thập minh chứng, các dữ liệu về cơ sở vật chất, các	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, CB, NV phòng Kế hoạch - Tài vụ, Hành chính - Quản trị, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Cơ sở vật chất: phòng học, thí nghiệm, thực hành, thư viện, mạng internet, các thiết bị dạy học....	1 tuần

		hoạt động hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, PVCD	- Kinh phí khảo sát	
10	Nâng cao chất lượng	- Đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH, quá trình dạy học và kết quả hoạt động của người học, phương pháp dạy và học, định kỳ rà soát, quy trình cải tiến... - Tổ chức hội thảo trao đổi sáng kiến kinh nghiệm, kết quả được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. - Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. - Thu thập minh chứng, các dữ liệu liên quan đến các tiêu chí.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Các văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Kinh phí khảo sát, các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, tổ chức hội thảo.	1 tuần
11	Kết quả đầu ra	- Đánh giá công tác đào tạo: Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, đối sánh trong cùng một CTĐT trong nước và quốc tế. - Khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. - Khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Cơ sở dữ liệu về người học trong 5 năm. Các dữ liệu khảo sát. Kinh phí khảo sát.	1 tuần

6. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Hợp đồng thuê chuyên gia (02 người) tập huấn về công tác tự đánh giá, kỹ thuật viết báo cáo TĐG theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT 4 tháng (Từ tháng 12/2024 đến tháng 3/2025), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1	- Họp Lãnh đạo trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 2	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá. - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
Tuần 3 - 5	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 6 - 10	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 11-12	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;

Thời gian	Các hoạt động
	2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; 4. Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 5. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 13	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, khoa ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 14	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, khoa...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng, khoa, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 15	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 16	1. Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường quản lý báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá (th);
- Các đơn vị (t/h);
- Lưu: VT, QLCL&TTr (Tú).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Anh Tuấn

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHTT, ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Duy Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Vũ Thị Kiều Trang	Trưởng khoa Sư phạm	Phó Chủ tịch
4	Bùi Trung Minh	GV phòng QLCL&TTr	Thư ký
5	Trần Vũ Phương	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Đoàn Thị Phương Lý	Chánh Văn phòng	Thành viên
7	Khổng Chí Nguyên	Trưởng phòng QLKH&HTQT, thành viên Hội đồng trường	Thành viên
8	Trần Quang Huy	Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Thành viên
9	Lê Thị Thu Hà	Trưởng phòng QLCL&TTr	Thành viên
10	Vũ Thị Khánh Trinh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Thành viên
11	Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ	Thành viên
12	Lê Anh Nhật	Phó Giám đốc Trung tâm TN&CGCN	Thành viên
13	Lê Văn Hùng	Trưởng Bộ môn Tin học	Thành viên
14	Vũ Thanh Bình	GV khoa Sư phạm	Thành viên
15	Tê Trung Hiếu	SV khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

*(Kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHTT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bùi Trung Minh	GV phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra	Trưởng Ban
2	Ma Thị Hồng Thu	GV khoa Sư phạm	Thành viên
3	Tổng Văn Trường	GV khoa Sư phạm	Thành viên
4	Lương Thị Hải Hà	GV khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách gồm có 04 người)



DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHTT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Nhóm 1

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Văn Hùng	Trưởng Bộ môn Tin học.	Trưởng nhóm
2	Ma Thị Hồng Thu	GV khoa Sư phạm	Thư ký
3	Trần Thị Hồng Dung	GV khoa Sư phạm	Thành viên
4	Lương Mạnh Hà	GV khoa Sư phạm	Thành viên
5	Vũ Thanh Bình	GV khoa Sư phạm	Thành viên
6	Nguyễn Tuyết Nga	Phó Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
7	Trần Vũ Phương	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8	Khổng Chí Nguyễn	Trưởng phòng QLKH&HTQT, thành viên Hội đồng trường	Thành viên
9	Vũ Thị Hương	GV khoa Sư phạm	Thành viên

Nhóm 2

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Vũ Thị Khánh Trinh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Trưởng nhóm
2	Tổng Văn Trường	GV khoa Sư phạm	Thư ký
4	Vũ Thị Kiều Trang	Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
5	Nguyễn Quang Hoài Châu	GV khoa Chính trị và TLGD	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	GV khoa Sư phạm	Thành viên
7	Đồng Thị Xuân Dung	GV khoa Sư phạm	Thành viên
8	Đoàn Thị Phương Lý	Chánh Văn phòng	Thành viên
9	Trần Thị Định	Chuyên viên phòng Kế hoạch - TV	Thành viên

Nhóm 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Anh Nhật	Phó Giám đốc Trung tâm thực nghiệm &CGCN	Trưởng nhóm
2	Lương Thị Hải Hà	GV khoa Sư phạm	Thư ký
3	Nguyễn Thị Thu Thuý	GV khoa Sư phạm	Thành viên
4	Linh Thị Thanh Loan	GV khoa Sư phạm	Thành viên

5	Nguyễn Thị Kiều Linh	GV khoa Sư phạm	Thành viên
6	Trần Quang Huy	Trưởng phòng Quản lý SV	Thành viên
7	Lê Trung Hiếu	Phó Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
8	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	GV khoa Sư phạm	Thành viên
9	Tê Trung Hiếu	SV khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách gồm có 27 người)